



HUỲNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên) – MAI MỸ HẠNH (Chủ biên)
TRẦN THANH DƯ – NGUYỄN THANH HUÂN
LÂM THỊ KIM LIÊN – GIANG THIÊN VŨ

ĐẠO ĐỨC

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HUỲNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên) – MAI MỸ HẠNH (Chủ biên)
TRẦN THANH DƯ – NGUYỄN THANH HUÂN
LÂM THỊ KIM LIÊN – GIANG THIÊN VŨ

ĐẠO ĐỨC

SÁCH GIÁO VIÊN

4

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – PHAN ANH TUẤN

Thiết kế sách: PHÙNG THỊ THANH BÌNH

Trình bày bìa: NGỌC HÀ – THANH BÌNH

Sửa bản in: TRỌNG THANH – ANH TUẤN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

ĐẠO ĐỨC 4 — SÁCH GIÁO VIÊN (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2HG4G001M23

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

ĐKXB: 449-2023/CXBIPH/24-436/GD

QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-37358-8

Lời nói đầu

Cuốn *Đạo đức 4 – Sách giáo viên* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) được biên soạn để hỗ trợ giáo viên và nhà quản lý giáo dục trong việc tổ chức hoạt động dạy học môn Đạo đức cho học sinh lớp 4, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đồng thời giúp giáo viên và nhà quản lý giáo dục thực hiện tốt Chương trình môn Giáo dục công dân. Cuốn sách gồm hai phần:

Phần một: Những vấn đề chung về dạy học môn Đạo đức lớp 4 giúp giáo viên, các nhà quản lý giáo dục hiểu rõ hơn về môn Đạo đức lớp 4 trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học, con đường hình thành và phát triển năng lực của học sinh cũng như cách đánh giá kết quả hoạt động của các em. Đồng thời ở phần này còn giới thiệu cấu trúc sách giáo khoa và cấu trúc từng bài dạy trong sách giáo khoa *Đạo đức 4 – bộ sách Chân trời sáng tạo*.

Phần hai: Hướng dẫn thực hiện các bài học trong sách giáo khoa Đạo đức 4. Sách giáo khoa *Đạo đức 4 – bộ sách Chân trời sáng tạo* gồm 8 chủ đề, được thiết kế thành 12 bài học. Phần này hướng dẫn việc thực hiện mục tiêu của từng bài học với các nhiệm vụ dành cho học sinh và cách tổ chức hoạt động dạy học mà giáo viên có thể thực hiện. Trong từng bài học, chúng tôi gợi ý giáo viên tạo cơ hội để học sinh được tăng cường trải nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức vào các tình huống thực tế. Qua đó, học sinh được hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cần thiết. Lưu ý, nội dung của Phần hai chỉ mang tính chất gợi ý, tham khảo. Giáo viên có thể sáng tạo, tổ chức hoạt động dạy học theo cách riêng của mình, nhưng cần đảm bảo những mục tiêu của chương trình môn học đưa ra.

Chúc các thầy cô dạy tốt, dạy hay!

CÁC TÁC GIẢ

Mục lục

Lời nói đầu	3
-------------------	---

Phần một: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC ĐẠO ĐỨC 4 6

I. Khái quát chung về dạy học môn Đạo đức lớp 4.....6

1. Chương trình môn Đạo đức lớp 4	6
2. Mục tiêu môn Đạo đức	7
3. Nội dung môn Đạo đức lớp 4	8
4. Phương pháp dạy học	9
5. Phương tiện dạy học Đạo đức 4	17
6. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức lớp 4 của học sinh.....	18

II. Cấu trúc sách giáo khoa, bài học Đạo đức 4.....22

1. Căn cứ xây dựng các bài học Đạo đức 4	22
2. Cấu trúc sách giáo khoa Đạo đức 4	28
3. Cấu trúc bài dạy Đạo đức 4.....	29

Phần hai: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 4 36

Chủ đề: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bài 1: NGƯỜI LAO ĐỘNG QUANH EM	36
Bài 2: EM BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	42

Chủ đề: CẢM THÔNG, GIÚP ĐỖ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN

Bài 3: EM CẢM THÔNG, GIÚP ĐỖ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN.....	48
--	----

Chủ đề: YÊU LAO ĐỘNG

Bài 4: EM YÊU LAO ĐỘNG.....	55
Bài 5: EM TÍCH CỰC THAM GIA LAO ĐỘNG	61

Chủ đề: TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC

Bài 6: EM TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC.....	67
---	----

Chủ đề: BẢO VỆ CỦA CÔNG

Bài 7: EM BẢO VỆ CỦA CÔNG	74
---------------------------------	----

Chủ đề: THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ QUAN HỆ BẠN BÈ

Bài 8: EM THIẾT LẬP QUAN HỆ BẠN BÈ 81

Bài 9: EM DUY TRÌ QUAN HỆ BẠN BÈ 87

Chủ đề: QUÝ TRỌNG ĐỒNG TIỀN

Bài 10: EM QUÝ TRỌNG ĐỒNG TIỀN 93

Chủ đề: QUYỀN VÀ BỔN PHẬN TRẺ EM

Bài 11: QUYỀN TRẺ EM 99

Bài 12: BỔN PHẬN CỦA TRẺ EM 107



Phần một

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 4

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 4

1. Chương trình môn Đạo đức lớp 4

1.1. Định hướng chung về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thực hiện mục tiêu giáo dục, hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh (HS) thông qua các nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục toán học, giáo dục khoa học xã hội, giáo dục khoa học tự nhiên, giáo dục công nghệ, giáo dục tin học, giáo dục công dân, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp. Mỗi nội dung giáo dục đều được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có một số môn học và hoạt động giáo dục đảm nhiệm vai trò cốt lõi. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực ở từng giai đoạn giáo dục và từng cấp học, chương trình mỗi môn học và hoạt động giáo dục xác định mục tiêu, các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và nội dung giáo dục của môn học, hoạt động giáo dục đó. Giai đoạn giáo dục cơ bản thực hiện phương châm giáo dục toàn diện và tích hợp, bảo đảm trang bị cho HS tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau Trung học cơ sở; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp thực hiện phương châm giáo dục phân hoá, bảo đảm HS được tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Cả hai giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp đều có các môn học tự chọn; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp có thêm các môn học và chuyên đề học tập được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp, nhằm đáp ứng nguyện vọng, phát triển tiềm năng, sở trường của mỗi HS.

1.2. Định hướng Chương trình môn Đạo đức

Giáo dục công dân (môn Đạo đức ở cấp Tiểu học, môn Giáo dục công dân ở cấp Trung học cơ sở, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp Trung học phổ thông) giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục cho HS ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, môn Giáo dục công dân bồi dưỡng cho HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực cần thiết của người công dân, đặc biệt là tình cảm, nhận thức, niềm tin và cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kĩ năng sống và bản lĩnh vững vàng để tiếp tục phát triển và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, môn Đạo đức cấp Tiểu học là môn học bắt buộc. Nội dung

chủ yếu của môn học này là giáo dục đạo đức, pháp luật, giá trị sống, kĩ năng sống. Các mạch nội dung này định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng, nhằm hình thành cho HS thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu môn Đạo đức

2.1. Mục tiêu chung

Môn Đạo đức thực hiện hai mục tiêu như sau:

– Bước đầu hình thành, phát triển ở HS những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó trong quan hệ với bản thân và người khác, với công việc, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên; thái độ tự trọng, tự tin; những tình cảm và hành vi tích cực: yêu gia đình, quê hương, đất nước; yêu thương, tôn trọng con người; đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu; chăm học, chăm làm; trung thực; có trách nhiệm với thái độ, hành vi của bản thân.

– Giúp HS bước đầu nhận biết và điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi của bản thân; biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước và về các hành vi ứng xử; biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cá nhân, hình thành thói quen, nền nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

2.2. Yêu cầu cần đạt của môn Đạo đức lớp 4

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Biết ơn người lao động</i>	– Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh. – Biết vì sao phải biết ơn người lao động. – Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.
<i>Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn</i>	– Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.
<i>Yêu lao động</i>	– Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động. – Biết vì sao phải yêu lao động. – Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân. – Quý trọng người yêu lao động; không đồng tình với những biểu hiện lười lao động.

<i>Tôn trọng tài sản của người khác</i>	– Nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác. – Biết vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác. – Thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp. – Nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác.
<i>Bảo vệ của công</i>	– Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ của công. – Biết vì sao phải bảo vệ của công. – Có những việc làm cụ thể để bảo vệ của công. – Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công.
<i>Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè</i>	– Biết vì sao phải thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè. – Nhận biết được cách đơn giản để thiết lập, duy trì quan hệ bạn bè. – Có quan hệ tốt với bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố.
<i>Quý trọng đồng tiền</i>	– Nêu được vai trò của tiền. – Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền. – Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình. – Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.
<i>Quyền và bổn phận của trẻ em</i>	– Kể được một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em. – Biết vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em. – Thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

3. Nội dung môn Đạo đức lớp 4

Thời lượng thực hiện Chương trình môn Đạo đức lớp 4 là 35 tiết/năm học với 8 chủ đề. Trong đó, tỉ lệ phần trăm thời lượng của nội dung giáo dục đạo đức là 55%, giáo dục kĩ năng sống là 15%, giáo dục kinh tế là 10%, giáo dục pháp luật là 10%, thời lượng còn lại dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

NỘI DUNG GIÁO DỤC							
Giáo dục đạo đức (55%)					Giáo dục kĩ năng sống (15%)	Giáo dục kinh tế (10%)	Giáo dục pháp luật (10%)
Yêu nước	Nhân ái	Chăm chỉ	Trung thực	Trách nhiệm	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	Hoạt động tiêu dùng	Chuẩn mực hành vi pháp luật
<i>Biết ơn người lao động</i>	<i>Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn</i>	<i>Yêu lao động</i>	<i>Tôn trọng tài sản của người khác</i>	<i>Bảo vệ của công</i>	<i>Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè</i>	<i>Quý trọng đồng tiền</i>	<i>Quyền và bổn phận trẻ em</i>

4. Phương pháp dạy học

Theo định hướng về phương pháp giáo dục của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó giáo viên (GV) có vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

Các hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động *Khởi động*, hoạt động *Kiến tạo tri thức mới*, hoạt động *Luyện tập* và hoạt động *Vận dụng* (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng học tập và công cụ khác, đặc biệt là công cụ công nghệ thông tin và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu: học lí thuyết; thực hiện bài tập, trò chơi, sắm vai, dự án nghiên cứu; tham gia thảo luận nhóm, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. Tùy theo mục tiêu cụ thể và tính chất của hoạt động, HS được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Tuy nhiên, dù làm việc độc lập, theo nhóm hay theo đơn vị lớp, mỗi HS đều phải được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học môn Đạo đức phải lấy mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực cho HS tiểu học là trọng tâm. Do đó, khi thực hiện phương pháp dạy học môn Đạo đức, cần lưu ý các đặc điểm sau:

4.1. Đặc điểm chung về phương pháp dạy học môn Đạo đức phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh

4.1.1. Chú trọng việc tự học và phát triển tư duy của học sinh

Về bản chất, dạy học là quá trình HS biến những giá trị xã hội thành giá trị cá nhân dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV. Do đó, để bảo đảm học tập thành công, HS phải có phương pháp tự học đúng đắn. Mặt khác, năng lực tự chủ và tự học là năng lực chung được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bên cạnh đó, việc giáo dục hành vi đạo đức hoặc điều chỉnh hành vi không thể ngay lập tức cho kết quả chỉ sau 1, 2 tiết học mà cần rèn luyện thường xuyên để chuyển hoá hành vi đạo đức thành thói quen đạo đức. GV phải kích thích được tinh thần tự giác học tập của HS ở mọi nơi, mọi lúc và có nhu cầu, năng lực tự học suốt đời.

Việc tự học, tự rèn luyện ở HS có thể tiến hành theo hình thức cá nhân, nhóm hay tập thể. Dù ở hình thức nào, HS cũng đóng vai trò *chủ thể tích cực* với những biểu hiện như:

– Xác định được mục tiêu hoạt động của mình một cách phù hợp, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch để đạt được mục tiêu và có khả năng tự đánh giá việc rèn luyện của bản thân để có kế hoạch cải thiện. Để thực hiện được điều này, GV phải tổ chức, hướng dẫn HS nhận biết được mục tiêu của từng bài học, hiểu được ý nghĩa của bài học. GV phải có

các tiêu chí đánh giá rõ ràng; dựa trên các tiêu chí của GV, HS cũng có thể nắm bắt được những điều bản thân đã làm được, chưa làm được để điều chỉnh mục tiêu phù hợp.

– Chủ động, yêu thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh mình, tích cực tham gia và hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Theo đó, GV cần quan tâm đến việc tạo động lực học tập cho HS: giúp HS nhận biết được ý nghĩa, tầm quan trọng của môn học; có phương pháp dạy học hấp dẫn; biết cách khích lệ, động viên và gây thiện cảm với người học; làm gương cho HS. Bên cạnh đó, cần thêm sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Tăng cường được sự phối hợp giữa các lực lượng này thì việc vận dụng, rèn luyện và thực hành hành vi đạo đức của HS sẽ thuận lợi hơn.

Để HS có thể tự học hiệu quả, các em cần được học tập trong một *môi trường* thuận lợi: được cung cấp phương tiện (các tài liệu, đồ dùng học tập, dụng cụ, phương tiện để tiến hành các loại hình hoạt động khác nhau), được tổ chức tốt (theo lớp, nhóm, cá nhân,...), được mở rộng không gian học tập (không chỉ trong lớp mà còn tại hiện trường, những nơi công cộng, cộng đồng,...), được GV hướng dẫn, hỗ trợ đi theo con đường hợp lí nhất. GV cần có những hành động sư phạm phù hợp như:

– Thiết kế hoạt động phù hợp (trên cơ sở của yêu cầu cần đạt, đảm bảo tính vừa sức với HS, lựa chọn được nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức thích hợp).

– Tổ chức, điều khiển, hướng dẫn HS tiến hành các hoạt động phù hợp với các em (nhóm, cá nhân), động viên HS bày tỏ ý kiến, khuyến khích các em giúp đỡ nhau và hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ.

– Kiểm tra quá trình thực hiện hoạt động của HS, quan sát để hỗ trợ kịp thời.

– Hướng dẫn HS trình bày, báo cáo kết quả hoạt động của mình, khuyến khích HS nhận xét, bổ sung ý kiến, tranh luận và GV chấp nhận ý kiến, quan điểm đa dạng của HS.

– Đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá, HS đánh giá lẫn nhau. GV có thể phối hợp thêm sự đánh giá từ gia đình, giúp các em tự phát hiện ra những sai sót, hạn chế, định hướng cho HS tự khắc phục và từ đó tiến bộ.

Vai trò trên của GV biểu hiện không giống nhau ở các hoạt động, điều này phụ thuộc vào tính chất và nội dung hoạt động, khả năng và kinh nghiệm của HS, các điều kiện thực hiện. Có những hoạt động ở khâu thiết kế hoạt động, GV đóng vai trò phải tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện như thảo luận nhóm, trò chơi,... Đặc biệt, khi HS cần thực hành, vận dụng, GV giao nhiệm vụ để HS tự thiết kế hoạt động của mình, tự lập kế hoạch thực hiện để rèn luyện hành vi đạo đức. Trên quan điểm GV không làm thay cho HS, không cung cấp hay nhồi nhét, áp đặt những tri thức đạo đức có sẵn cho các em theo kiểu truyền thụ một chiều mà luôn đặt các em vào vị thế chủ thể tích cực, sáng tạo, GV tổ chức cho HS giải quyết các vấn đề đa dạng để tư duy của các em được phát triển.

4.1.2. Tổ chức dạy học thông qua các hoạt động và tăng cường sự tương tác, giao tiếp tích cực

Các hoạt động được tổ chức phải là dành cho HS. HS được là chủ thể của hoạt động để tạo ra sản phẩm cho chính bản thân. Trong bài học đạo đức. HS cần tích cực tham gia các hoạt động: *Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng*. Mỗi hoạt động

có vai trò, ý nghĩa riêng, đi từ việc khai thác cảm xúc, kinh nghiệm hiện có của HS đến việc khám phá tri thức mới; tiếp đến, HS củng cố, hình thành thái độ đạo đức, bước đầu thực hiện việc xử lý các tình huống gắn gũi với thực tế cuộc sống của HS và cuối cùng là vận dụng tri thức đạo đức, thái độ đạo đức để thực hiện đúng các chuẩn mực hành vi đạo đức, thể hiện được kĩ năng trong học tập, sinh hoạt.

Muốn HS là chủ thể thực sự của các hoạt động trên, trong quá trình tổ chức, GV cần tạo điều kiện cho HS được tương tác, giao tiếp. Sự tương tác, giao tiếp này là mối quan hệ đa chiều: giao tiếp giữa GV với HS, giao tiếp giữa HS với GV và giao tiếp giữa HS với HS. Việc tạo ra bầu không khí học tập khơi gợi tinh thần sáng tạo và sự tự tin nêu ý kiến của HS là rất cần thiết.

4.1.3. Chú trọng trải nghiệm của học sinh trong quá trình tổ chức dạy học môn Đạo đức

Trong quá trình dạy học môn Đạo đức, trải nghiệm cuộc sống của các em được đặc biệt coi trọng. Dạy học đạo đức dựa vào trải nghiệm được thực hiện qua các khâu sau:

- Khai thác vốn kinh nghiệm sống, giúp HS chia sẻ, bộc lộ những trải nghiệm trước đây của mình liên quan đến bài học mới.
- Tổ chức cho HS trải nghiệm (thông thường qua trò chơi sắm vai hoặc quan sát thực tiễn cuộc sống) trong giờ học.
- Giúp HS khái quát hoá, tổng hợp những hiểu biết, kinh nghiệm sống của mình thành tri thức đạo đức.
- Tổ chức cho HS các hoạt động, nhất là hoạt động thực tiễn, nhằm giúp các em vận dụng kiến thức đạo đức vào việc tìm hiểu thực tiễn, giải quyết các vấn đề cuộc sống, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống hằng ngày.
- Tạo điều kiện cho HS được trực tiếp tiếp xúc, quan sát thực tiễn cuộc sống xung quanh mình. Qua đó, HS khái quát hoá, tổng hợp những thông tin từ trải nghiệm cuộc sống tri thức đạo đức, đối chiếu tri thức được học với thực tiễn cuộc sống để chính các em tự rút ra những suy nghĩ, thái độ chưa đúng ở bản thân. Bên cạnh đó, cần tổ chức để HS có thể vận dụng tri thức đạo đức để trải nghiệm các tình huống đạo đức giả định trên lớp, giao các nhiệm vụ rèn luyện để HS ứng dụng tri thức vào cuộc sống hằng ngày, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống,...

4.2. Một số phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học trong môn Đạo đức lớp 4

Khi dạy học môn Đạo đức lớp 4, GV có thể vận dụng nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học. Trong đó, một số phương pháp có thể mạnh trong dạy học môn Đạo đức lớp 4.

4.2.1. Một số phương pháp dạy học

4.2.1.1. Kể chuyện

Kể chuyện là phương pháp dùng lời để thuật lại một câu chuyện nhằm giúp HS rút ra bài học đạo đức từ nội dung câu chuyện. Phương pháp này thường được sử dụng nhằm giới thiệu cho HS một trường hợp, tình huống cụ thể về chuẩn mực hành vi đạo đức theo bài học. Thông qua lời kể của GV hoặc HS tự kể, HS sẽ nhận ra được hành vi, cách ứng xử, giải quyết vấn đề của các nhân vật trong câu chuyện. HS sẽ tự rút ra được bài học cho bản thân nên làm theo hay nên tránh hành vi của nhân vật trong câu chuyện.

4.2.1.2. Thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo nhóm nhỏ về những vấn đề liên quan đến bài học đạo đức, trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập/giáo dục trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp.

Phương pháp thảo luận nhóm tạo cơ hội cho HS có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung bài học; tạo cơ hội cho các em được giao lưu, học hỏi lẫn nhau; cùng nhau hợp tác giải quyết những nhiệm vụ chung.

4.2.1.3. Trò chơi

Trò chơi là phương pháp tổ chức cho HS thực hiện những thao tác, hành động phù hợp với bài học đạo đức thông qua trò chơi nào đó. Chơi trò chơi có nhiều mục đích như chơi để khởi động, chơi để lĩnh hội tri thức mới thông qua trò chơi (trò chơi học tập), chơi để phát hiện tình huống có vấn đề trong quá trình chơi và khám phá cách thức giải quyết vấn đề (trò chơi nhận thức). Tham gia trò chơi, HS thực hiện được những thao tác, những hành động đạo đức một cách nhẹ nhàng, thoải mái.

4.2.1.4. Giải quyết vấn đề

Giải quyết vấn đề là phương pháp tạo ra tình huống có vấn đề và kích thích, điều khiển HS huy động những kiến thức, kĩ năng đã biết có liên quan để giải quyết tình huống đó. Tình huống có vấn đề là loại tình huống tồn tại mâu thuẫn giữa một bên là nhiệm vụ đặt ra và một bên là trình độ hiện tại còn hạn chế. Vì vậy, với vốn kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm sẵn có, HS chưa thể ngay lập tức giải quyết được mà cần phải vận dụng hệ thống kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm sẵn có dưới sự hướng dẫn của GV và sự nỗ lực của bản thân mới có thể giải quyết được tình huống (tìm ra tri thức mới, cách thức hành động mới). Để tạo cơ hội cho HS rèn luyện các năng lực như giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, trong dạy học môn Đạo đức, GV có thể thiết kế các tình huống có vấn đề để HS xử lý tình huống.

4.2.1.5. Sắm vai

Sắm vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Phương pháp sắm vai có những ưu điểm như: gây hứng thú và chú ý cho HS; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của HS,... Sắm vai có thể tiến hành theo hình thức nhóm nhỏ để vừa phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vừa phát triển được năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS.

4.2.1.6. Rèn luyện

Rèn luyện là phương pháp tổ chức cho HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã biết vào việc thực hiện những hành vi, việc làm trong cuộc sống hằng ngày theo bài học đạo đức nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng và hình thành thói quen đạo đức cho HS.

Bên cạnh sử dụng phương pháp dạy học thì việc sử dụng kĩ thuật dạy học trong môn Đạo đức có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hoạt động dạy và học vì giúp phát huy sự tham gia hoạt động tích cực, chủ động của HS vào quá trình dạy học. Các kĩ thuật dạy học còn kích thích tư duy, sự sáng tạo của HS một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, các

kĩ thuật dạy học còn là động lực thúc đẩy sự cộng tác làm việc của HS, rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác cho người học một cách đầy đủ hơn. Một số kĩ thuật dạy học có thể sử dụng cho HS tiểu học ở lớp 4 như: *động não, XYZ, sơ đồ tư duy, phòng tranh, giao nhiệm vụ, khăn trải bàn,...*

4.2.2. Một số kĩ thuật dạy học

4.2.2.1. Kĩ thuật Khăn trải bàn

Kĩ thuật *Khăn trải bàn* là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác, kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực;
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS;
- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS.

Cách tiến hành:

- HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 người. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy A0 đặt trên bàn, như là một chiếc khăn trải bàn.
- Chia giấy A0 thành phần chính giữa và phần xung quanh, tiếp tục chia phần xung quanh thành 4 hoặc 6 phần tùy theo số thành viên của nhóm (4 hoặc 6 người).



Sơ đồ kĩ thuật *Khăn trải bàn*

- Mỗi thành viên sẽ suy nghĩ và viết ý tưởng của mình (về một vấn đề nào đó mà GV yêu cầu) vào phần cạnh “khăn trải bàn” trước mặt mình. Sau đó thảo luận nhóm, tìm ra những ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa “khăn trải bàn”.

4.2.2.2. Kĩ thuật Phòng tranh

Kĩ thuật này có thể sử dụng cho hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm. Tranh ảnh giúp con người ghi nhớ tốt hơn và nhớ lâu hơn nên kĩ thuật *Phòng tranh* được áp dụng cũng với mục đích đó. Ý tưởng được thể hiện qua tranh vẽ sẽ tạo hứng thú học tập, kích thích sự sáng tạo, đồng thời giúp HS ghi nhớ nội dung bài học lâu hơn.

Cách tiến hành:

- GV nêu câu hỏi/vấn đề cho cả lớp hoặc cho các nhóm.

– Mỗi thành viên (hoạt động cá nhân) hoặc các nhóm (hoạt động nhóm) phác hoạ ý tưởng về cách giải quyết vấn đề trên một tờ bìa và dán lên tường xung quanh lớp học như một triển lãm tranh.

– HS cả lớp đi xem “triển lãm” và có thể có ý kiến bình luận hoặc bổ sung.

– Cuối cùng, tất cả các phương án giải quyết được tập hợp lại và tìm phương án tối ưu.

4.2.2.2. Kỹ thuật Trình bày một phút

Kỹ thuật này tạo cơ hội cho HS tổng kết lại kiến thức đã học và đặt câu hỏi về những điều còn băn khoăn, thắc mắc bằng các bài trình bày ngắn gọn, cô đọng với các bạn cùng lớp. Các câu hỏi cũng như câu trả lời HS đưa ra sẽ giúp củng cố quá trình học tập của các em và cho GV thấy được các em đã hiểu vấn đề như thế nào.

Cách tiến hành:

– Cuối tiết học (thậm chí giữa tiết học), GV yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời các câu hỏi: *Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo các em, vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?...*

– HS suy nghĩ và viết ra giấy. Các câu trả lời của HS có thể dưới nhiều hình thức khác nhau.

– Mỗi HS trình bày trước lớp trong thời gian 1 phút về những điều các em đã học được và những câu hỏi các em muốn được giải đáp hay những vấn đề các em muốn được tiếp tục tìm hiểu thêm.

4.2.2.3. Kỹ thuật Chúng em biết 3

Chúng em biết 3 là kỹ thuật dạy học lấy ý kiến từ HS thông qua hoạt động nhóm, mỗi nhóm gồm 3 HS trao đổi ý kiến với nhau về chủ đề thảo luận và thống nhất 3 điểm quan trọng nhất để trình bày.

Cách tiến hành:

– GV nêu chủ đề cần thảo luận.

– Chia HS thành các nhóm 3 và yêu cầu HS thảo luận trong vòng 5 phút (tùy nhiệm vụ mà GV thay đổi thời gian thảo luận cho phù hợp) về những gì các em biết về chủ đề này.

– HS thảo luận nhóm và chọn ra 3 điểm quan trọng nhất để trình bày với cả lớp.

– Mỗi nhóm cử một đại diện lên trình bày về cả 3 điểm nói trên.

4.2.2.4. Kỹ thuật Hoàn tất một nhiệm vụ

Kỹ thuật *Hoàn tất một nhiệm vụ* nói đơn giản là làm cho vấn đề được giải quyết một cách triệt để, không tồn đọng. Cách giải quyết triệt để như vậy giúp cho HS dễ nắm được bài học hơn, kích thích sự nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của HS.

Cách tiến hành:

– GV đưa ra một câu chuyện/một vấn đề/một bức tranh/một thông điệp/... mới chỉ được giải quyết một phần và yêu cầu HS/nhóm HS hoàn tất phần còn lại.

– HS/nhóm HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

– HS/nhóm HS trình bày sản phẩm.

– GV hướng dẫn cả lớp cùng bình luận, đánh giá

Lưu ý: GV cần hướng dẫn HS cẩn thận và cụ thể để các em hiểu được nhiệm vụ của mình. Đây là một hoạt động tốt giúp HS đọc lại tài liệu đã học hoặc đọc các tài liệu mới theo yêu cầu của GV.

4.2.2.5. Kỹ thuật Công não (Động não)

Kỹ thuật Công não có tên tiếng Anh là Brainstorming. Dù kỹ thuật này có nhiều tên gọi khác nhau (Công não/Tấn công não/Tập kích não/Động não) nhưng đều cùng bản chất/mục đích là tìm ra nhiều giải pháp sáng tạo cho một vấn đề. Kỹ thuật này được thực hiện bằng cách tập trung suy nghĩ về một vấn đề và rút ra những ý kiến được xem là khả thi nhất.

Cách tiến hành:

– Bước 1: Chọn một người đứng đầu nhóm và một người làm thư kí; nhiệm vụ của người đứng đầu là điều khiển quá trình động não và thư kí ghi lại tất cả các ý kiến. Cả hai việc này cũng có thể do một người thực hiện.

– Bước 2: Xác định vấn đề cần tìm hiểu.

– Bước 3: Quy định “luật chơi” cho buổi động não:

+ Nhóm trưởng có quyền điều khiển buổi làm việc;

+ Không một thành viên nào có quyền cản trở, đánh giá hay phê bình ý kiến/giải đáp của thành viên khác;

+ Trong quá trình động não, các thành viên không được làm việc riêng;

+ Tất cả các ý kiến đều được thu nhận;

+ Tập hợp lại tất cả các ý kiến, ngoại trừ ý kiến bị lặp lại;

+ Định thời gian cho buổi làm việc và ngưng khi hết giờ.

– Bước 4: Bắt đầu động não, tất cả các thành viên bắt buộc lần lượt đưa ra ý kiến của mình.

– Bước 5: Sau khi kết thúc động não, tập hợp tất cả các ý kiến và bắt đầu đánh giá.

Những điều cần lưu ý khi thực hiện:

– Vấn đề công não phải được xác định một cách rõ ràng, chuẩn mực để thu hút sự tập trung. Trước buổi động não, các thành viên trong nhóm cần có thời gian để làm quen và suy nghĩ kĩ về vấn đề.

– Khi nào bị “kích hoạt”, các thành viên trong nhóm đều tập trung vào vấn đề, tránh các ý kiến hay các điều kiện bên ngoài có thể làm lạc hướng buổi làm việc.

– Tất cả các ý kiến phát biểu đều được thu nhận và tôn trọng.

– Không được phê bình, phủ nhận hay khen ngợi một cách vội vàng trước bất kì ý kiến nào. Bởi vì khi phủ nhận ý kiến của một thành viên, thành viên đó có thể sợ sai và không dám đưa ra ý kiến tiếp theo; hoặc khi vội vàng khen ngợi ý kiến của một thành viên, có thể làm cho họ cảm thấy thoải mái và không còn tập trung đưa ra ý kiến như ban đầu nữa.

– Luôn luôn động viên, khích lệ tất cả các thành viên tham gia công não cố gắng đưa ra ý kiến và không lo lắng về tính khả thi của nó. Có thể đặt câu hỏi gợi ý hoặc làm cho rõ để tránh thời gian chết.

– Đưa ra càng nhiều ý tưởng càng tốt vì tất cả các ý tưởng đều có giá trị nhất định dưới góc nhìn sáng tạo

Công não viết là một hình thức biến đổi của công não. Trong công não viết, các ý tưởng được từng thành viên tham gia viết trên giấy. Sản phẩm có thể có dạng một sơ đồ tư duy.

Cách thực hiện công não viết như sau:

- Đặt trên bàn 1 – 2 tờ giấy để ghi các ý tưởng, đề xuất của các thành viên;
- Mỗi thành viên viết ý kiến của mình trên các tờ giấy đó;
- Có thể tham khảo ý kiến đã ghi trên giấy của các thành viên khác để tiếp tục phát triển suy nghĩ;
- Sau khi thu thập xong ý kiến, bắt đầu đánh giá các ý tưởng trong nhóm.

Ngoài các kĩ thuật trên, tùy vào năng lực của HS, GV có thể tự nghiên cứu và lựa chọn thêm một số kĩ thuật khác như kĩ thuật *Công đoạn*, kĩ thuật *Mảnh ghép*, kĩ thuật *Tia nhóm*, kĩ thuật *Bể cá*, kĩ thuật *Ổ bi*,... để việc tổ chức hoạt động dạy học đa dạng và hấp dẫn, phát huy được tính tích cực của HS.

Cần phối hợp đa dạng các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học cùng việc hài hoà giữa hoạt động cá nhân, nhóm và tập thể để mục tiêu cuối cùng và quan trọng nhất trong dạy học đạo đức là hình thành cho HS thói quen đạo đức. Điều đó chỉ có được khi HS vận dụng một cách thường xuyên những kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống thường ngày.

5. Phương tiện dạy học Đạo đức 4

Phương tiện dạy học được coi là công cụ để thực hiện phương pháp dạy học. Phương tiện dạy học môn Đạo đức là tập hợp các đối tượng vật chất và tinh thần được GV và HS sử dụng để tổ chức, thực hiện các hoạt động trong quá trình dạy học môn học này.

Phương tiện dạy học vừa chứa đựng nội dung dạy học vừa hỗ trợ GV vận dụng phương pháp đạt hiệu quả cao hơn. Phương tiện còn giúp HS học tập môn Đạo đức thuận lợi, dễ dàng hơn.

Phương tiện dạy học môn Đạo đức rất đa dạng, phong phú, có thể chia thành hai nhóm: nhóm phương tiện vật chất và nhóm phương tiện phi vật chất.

5.1. Nhóm phương tiện vật chất

Nhóm phương tiện này rất đa dạng và phong phú, bao gồm nhiều loại hình: tranh; ảnh; băng hình; phim về các hành vi, việc làm, về các tình huống đạo đức hoặc minh hoạ cho các câu chuyện đạo đức; các bảng viết; phiếu học tập; máy chiếu đa năng; máy tính; mô hình; vật mẫu;... Trong dạy học môn Đạo đức lớp 4, có thể sử dụng và khai thác các loại phương tiện vật chất sau:

a. Các phương tiện in, vẽ

Bao gồm sách giáo khoa (SGK), sách giáo viên (SGV), vở bài tập Đạo đức (VBTĐĐ) và các sách tham khảo khác cho GV, HS; các loại tranh ảnh minh hoạ truyện đạo đức, minh hoạ tình huống đạo đức, minh hoạ các hành vi, việc làm phù hợp hoặc không phù hợp với chuẩn mực xã hội (được cung cấp hoặc do GV và HS sưu tầm phục vụ quá trình học tập); các loại phiếu học tập (phiếu giao việc, phiếu rèn luyện). Phiếu học tập có thể sử dụng để tìm

hiểu tri thức mới, các tình huống học tập, các bài tập cần thực hiện, các chỉ dẫn HS cách làm sản phẩm, dùng để ghi chép lại những quan sát, những công việc đã làm được.

b. Các phương tiện là đồ vật, mô hình, vật mô phỏng

Mẫu vật, mô hình, đồ vật thường được sử dụng trong dạy học môn Đạo đức lớp 4 thông qua trò chơi sắm vai, qua các hoạt động quan sát để HS có biểu tượng thực tế. Các loại dụng cụ này được dùng chủ yếu trong quá trình thực hành, rèn luyện của HS.

c. Các phương tiện nghe nhìn

Bao gồm phần mềm dạy học; phim đèn chiếu; băng đĩa, video clip minh họa truyện kể đạo đức, mô tả tình huống đạo đức và các cách hành động, ứng xử; bài giảng điện tử; máy tính (nối mạng Internet); máy chiếu; ti vi; máy chiếu vật thể;...

Trong dạy học môn Đạo đức lớp 4, các phương tiện nghe nhìn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để GV và HS có thể khai thác, tìm kiếm thông tin, phát triển năng lực sáng tạo của HS và tạo hứng thú cho HS trong quá trình hoạt động.

5.2. Nhóm phương tiện phi vật chất

Nhóm phương tiện này bao gồm ngôn ngữ sư phạm, cảm xúc – tình cảm, hành vi, lối sống,... của GV được sử dụng trong quá trình dạy học môn Đạo đức. Hai nhóm phương tiện này cần được sử dụng kết hợp trong quá trình dạy học mới mang lại hiệu quả. Sự động viên, khích lệ, khen ngợi, tuyên dương từ nhà trường, từ phía GV, từ tập thể trước những tiến bộ của HS cũng là động lực thúc đẩy HS phấn đấu hoàn thiện bản thân hơn.

Trong nhóm phương tiện phi vật chất, cần nhấn mạnh đến vai trò nêu gương của người lớn trong việc giáo dục đạo đức cho HS, bởi với HS nhỏ tuổi, cơ chế bắt chước hành vi người lớn vẫn chi phối suy nghĩ, hành động của các em. Chính vì vậy, để giáo dục đạo đức cho HS thành công, cần sự phối hợp thống nhất giữa giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội.

6. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức lớp 4 của học sinh

6.1. Định hướng về kiểm tra, đánh giá môn Đạo đức lớp 4

Ngày 4/9/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về quy định đánh giá HS tiểu học, theo đó: “Đánh giá HS tiểu học là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; diễn giải thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS tiểu học”.

Đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục môn Đạo đức lớp 4 phải bảo đảm các yêu cầu:

a. Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập

nghiên cứu, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày. Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực. Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình hoặc các tổ chức xã hội.

b. Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất và cần coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HS.

c. Kết quả đánh giá sau mỗi học kỳ và cả năm học đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Sử dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn Đạo đức lớp 4

6.2.1. Kiểm tra tự luận

Bài kiểm tra tự luận là một phương pháp kiểm tra viết nhằm kiểm tra, đánh giá bài làm của HS như nhớ lại, sắp xếp lại, vận dụng những tri thức và kỹ năng đã học vào việc suy luận, giải quyết những vấn đề theo yêu cầu của câu hỏi kiểm tra (như trình bày, giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, làm bài tập thực hành,...). Phương pháp này giúp GV làm rõ không chỉ kết quả học tập môn Đạo đức, mà còn quá trình HS tư duy trong việc giải quyết các vấn đề của câu hỏi, bài tập đặt ra trong quá trình học tập môn học này. Bài kiểm tra tự luận thường được vận dụng để kiểm tra, đánh giá trong, sau khi GV tiến hành một hoạt động, tiết học, bài học. HS trả lời những câu hỏi liên quan đến sự cần thiết (ý nghĩa, tác dụng của việc thực hiện và tác hại của việc làm trái với bài học) và cách thực hiện (những hành vi, công việc cần làm, những hành động cần tránh theo bài học đạo đức quy định).

6.2.2. Trắc nghiệm khách quan

Trắc nghiệm khách quan là một phương pháp kiểm tra viết nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS qua bài viết của các em với những câu trả lời cho các câu hỏi, bài tập ở các dạng như điền khuyết, điền đúng – sai, nhiều lựa chọn, ghép đôi,... Phương pháp này có hiệu quả đối với đánh giá kết quả, nhưng hạn chế trong việc đánh giá quá trình HS tư duy.

6.2.3. Phương pháp quan sát

Trong dạy học môn Đạo đức, quan sát được sử dụng để kiểm tra, đánh giá cả quá trình và kết quả hoạt động của HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu đề ra. Phương pháp quan sát chủ yếu nhằm kiểm tra, đánh giá những biểu hiện năng lực và thái độ, hành vi đạo đức của HS tiểu học theo từng hoạt động, bài học của môn Đạo đức.

6.2.4. Phương pháp vấn đáp

Phương pháp vấn đáp có thể được vận dụng để kiểm tra, đánh giá HS học tập môn Đạo đức trước, trong và sau khi tiến hành một hoạt động, một tiết học, cũng như sau khi kết thúc một bài, giúp GV kiểm tra, đánh giá *kiến thức, thái độ, kỹ năng, hành vi* của HS liên quan đến bài học đạo đức. Qua đó, GV có thể phát hiện không chỉ kết quả học tập đó mà còn quá trình HS *tư duy* (thường với câu hỏi “tại sao”, qua đó, HS giải thích nguyên nhân, thể hiện tư duy của mình,...).

6.2.5. Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập

Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập dựa vào sản phẩm do HS làm ra, tạo nên theo bài học để xác định kết quả học tập của các em. Những sản phẩm của HS có thể là kết quả của các hoạt động khác nhau như: thảo luận nhóm, điều tra các sự vật, hiện tượng trong thực tiễn, thực hiện hành vi, công việc trong cuộc sống,... Khi đó, những sản phẩm hoạt động có thể được thể hiện qua:

- Các loại phiếu học tập (phiếu làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phiếu điều tra, phiếu rèn luyện, phiếu báo cáo). Sản phẩm thể hiện qua các phiếu học tập phản ánh kết quả điều tra, thực hiện hành vi, cần có sự xác nhận của các lực lượng giáo dục liên quan.

- Hiện thực được cải tạo, nhất là kết quả của các hoạt động lao động. GV cần xem xét tình trạng của sự vật sau khi HS thực hiện để đối chiếu với hiện trạng trước đó (nếu có điều kiện). Thông qua đó, GV nắm bắt được thông tin về những hành vi HS đã thực hiện và kết quả đạt được.

- Một số sản phẩm khác như bảng lập kế hoạch, sổ tay ghi chép, tranh ảnh, thiệp, bài văn, bài thơ,... cũng cần được GV hướng dẫn cụ thể và có những tiêu chí đánh giá rõ ràng.

6.4. Sử dụng hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn Đạo đức lớp 4

6.4.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là một hình thức đánh giá trong dạy học môn Đạo đức được thực hiện qua từng hoạt động, tiết học, bài học. Như vậy, mỗi HS đều được đánh giá một cách thường xuyên, bảo đảm việc giáo dục đạo đức diễn ra liên tục, xuyên suốt.

Mục đích của đánh giá thường xuyên là giúp GV, HS xác định được mức độ được giáo dục của từng HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu, các yêu cầu cần đạt theo chương trình môn Đạo đức, từ đó tác động phù hợp nhằm giúp các em tiến bộ không ngừng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình này.

Trong đánh giá thường xuyên môn Đạo đức, ngoài GV, cả HS cũng tự đánh giá bản thân và đánh giá lẫn nhau nhằm tạo ra sự thống nhất. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, còn có sự tham gia của các lực lượng giáo dục, trước hết là gia đình. Chính sự tham gia này của các lực lượng giáo dục giúp cho việc đánh giá trở nên khách quan hơn, nhờ HS được đánh giá mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ, liên quan đến những bài học đạo đức về mối quan hệ với gia đình, sự đánh giá của gia đình về việc HS thực hiện hành vi là cực kỳ quan trọng.

Nội dung đánh giá thường xuyên trong dạy học môn Đạo đức gồm:

– Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định cho từng bài học.

– Các yêu cầu cần đạt theo từng nội dung, bài học được quy định trong chương trình môn học.

Những nội dung này được cụ thể hoá bằng *mục tiêu* của từng bài đạo đức, thậm chí mục tiêu của từng hoạt động được tổ chức theo bài đạo đức đó.

Ngoài ra, đánh giá thường xuyên còn quan tâm đến *quá trình* HS hoạt động, nhất là tư duy, để đạt được kết quả hoạt động (kiến thức, kĩ năng, hành vi, thái độ).

Do đó, khi đánh giá HS, GV cần căn cứ vào mục tiêu hoạt động, mục tiêu bài học, đối chiếu với kết quả, tính đến các điều kiện thực hiện để xác định mức độ được giáo dục của từng em.

Trong đánh giá thường xuyên, GV nhất thiết phải vận dụng phối hợp các phương pháp đánh giá khác nhau mới bảo đảm tính khách quan, nhất là đánh giá hành vi HS. Sau khi có được thông tin chính xác và đầy đủ về kết quả học tập môn Đạo đức của mỗi HS, GV cần dự kiến và tiếp tục tác động đến HS nhằm giúp từng em khắc phục hạn chế để đạt được những yêu cầu theo bài học và tiến bộ. Theo quy định hiện hành, hình thức đánh giá thường xuyên của môn Đạo đức là bằng nhận xét, không cho điểm.

Ngoài ra, trong quá trình đánh giá thường xuyên, tùy tính chất bài đạo đức, GV cần liên hệ và phối hợp với các lực lượng giáo dục, nhất là gia đình, nhằm bảo đảm hiệu quả giáo dục.

6.4.2. Đánh giá định kì

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì đối với môn Đạo đức được thực hiện vào bốn thời điểm: giữa học kì 1, cuối học kì 1, giữa học kì 2 và cuối năm học.

Nội dung đánh giá định kì bao gồm:

– Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định cho các nội dung, bài đã học.

– Các yêu cầu cần đạt theo các nội dung, bài đã học được quy định trong chương trình môn học.

Trên cơ sở đánh giá thường xuyên, đối chiếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả đạt được của HS với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình môn Đạo đức, GV đưa ra đánh giá cá nhân HS theo một trong các mức sau:

– *Hoàn thành tốt*: Thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn Đạo đức.

– *Hoàn thành*: Thực hiện được các yêu cầu học tập của môn Đạo đức.

– *Chưa hoàn thành*: Chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn Đạo đức.

Bên cạnh đó, GV cũng cần ghi nhận sự tiến bộ của HS sau một thời gian học tập (học kì, năm học).

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá thường được vận dụng trong đánh giá định kì môn Đạo đức là vấn đáp, kiểm tra viết. Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì không cho điểm.

6.5. Một số yêu cầu sư phạm đối với việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức của học sinh

– *Đảm bảo tính toàn diện*: Theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Đạo đức lớp 4, HS đồng thời phải đạt được các năng lực chung và năng lực đặc thù. Do đó, khi kiểm tra, đánh giá cần đảm bảo tính toàn diện trên tất cả các năng lực.

– *Đảm bảo tính khách quan, công bằng*: Các thông tin thu thập để đánh giá phải đúng như trong thực tế, đánh giá phải dựa vào mục tiêu, điều kiện và khả năng thực hiện của HS.

– *Đảm bảo tính phát triển và nhân văn*: GV phải xác định được sự tiến bộ, mức độ phát triển của HS qua từng thời kì, giai đoạn, coi trọng sự tiến bộ của HS.

– *Đảm bảo tính rõ ràng*: Việc đánh giá phải rõ ràng, tức là HS hiểu được tại sao GV lại đánh giá như thế.

– *Đảm bảo sự phối hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá*: Việc phối hợp các phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá sẽ giúp thực hiện được những yêu cầu sư phạm nêu trên.

II. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA, BÀI HỌC ĐẠO ĐỨC 4

1. Căn cứ xây dựng các bài học Đạo đức 4

** Căn cứ vào mục tiêu và yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình môn Đạo đức;*

** Căn cứ vào các lí thuyết về sự phát triển tâm lí trẻ em, trên cơ sở đó nghiên cứu các đặc điểm về nhận thức, tình cảm, nhân cách của học sinh lớp 4:*

Hiểu biết về phát triển tâm lí của HS tiểu học là điều rất cần thiết vì nó cho phép nhóm tác giả đánh giá được sự phát triển nhận thức, cảm xúc, thể chất, xã hội và giáo dục mà HS tiểu học trải qua, đặc biệt là HS lớp 4. Trên cơ sở đó, để thiết kế hoạt động và ngữ liệu trong SGK phù hợp với trình độ tâm lí của HS, nhóm tác giả tham khảo các lí thuyết về sự phát triển tâm lí của trẻ em như:

– *Lí thuyết phát triển tâm lí của Sigmund Freud*: Những kinh nghiệm ban đầu đóng vai trò lớn nhất trong việc phát triển định hình. Trong mỗi giai đoạn, đứa trẻ gặp phải xung đột đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển. Không giải quyết được xung đột của một giai đoạn cụ thể có thể dẫn đến việc sửa lỗi, có thể ảnh hưởng đến hành vi của người lớn. Chính vì vậy, trong giáo dục đạo đức cần quan tâm đến kinh nghiệm ban đầu của HS và kịp thời đánh giá được những xung đột trong tâm lí của HS, giúp HS kịp thời điều chỉnh hành vi để trưởng thành khoẻ mạnh về tâm lí.

– *Lí thuyết phát triển tâm lí xã hội của Erikson*: Tương tác xã hội và kinh nghiệm đóng vai trò quyết định. Trong mỗi giai đoạn phát triển, cá nhân phải đối mặt với một cuộc xung đột phát triển tác động đến hoạt động sau này và tăng trưởng hơn nữa. Quản lí thành công những thách thức của từng giai đoạn dẫn đến sự xuất hiện của đức hạnh tâm lí suốt đời. Điều này là cơ sở cho việc giáo dục đạo đức cho HS tiểu học cần phối hợp các hoạt động xã hội, tập thể, nhóm và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ.

– *Lí thuyết phát triển nhận thức của Piaget*: Lí thuyết phát triển nhận thức liên quan đến sự phát triển của quá trình suy nghĩ của một người, xem xét các quá trình suy nghĩ này ảnh hưởng như thế nào đến cách chúng ta hiểu và tương tác với thế giới. Theo Piaget, ở giai đoạn từ 7 đến 11 tuổi, trẻ em bắt đầu hình thành tư duy logic về các sự kiện cụ thể, nhưng gặp khó khăn trong việc hiểu các khái niệm trừu tượng hoặc giả thuyết. Căn cứ này giúp các tác giả khi xây dựng ngữ liệu trong SGK lớp 4 chú ý đến tư duy trực quan hình ảnh để giúp HS lĩnh hội các khái niệm trừu tượng dễ dàng hơn. Đồng thời, các tình huống, câu hỏi đặt ra cần hướng đến tư duy logic để HS lớp 4 có cơ hội phát triển các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, so sánh, dần dần đi đến khái quát hoá, trừu tượng hoá, cuối cùng là cụ thể hoá (ứng dụng được những điều lĩnh hội vào thực tiễn).

– *Lí thuyết học tập xã hội của Albert Bandura*: Theo lí thuyết học tập xã hội, hành vi cũng có thể học được thông qua quan sát và mô hình hoá. Bằng cách quan sát hành động của người khác, bao gồm cả cha mẹ, thầy cô và bạn bè, trẻ em phát triển các kĩ năng mới và có được thông tin mới. Lí thuyết phát triển trẻ em của Bandura cho thấy rằng quan sát đóng một vai trò quan trọng trong việc học, nhưng quan sát này không nhất thiết phải mang hình thức như xem một mô hình sống. Thay vào đó, mọi người cũng có thể học bằng cách lắng nghe các chỉ dẫn bằng lời nói về cách thực hiện một hành vi đạo đức cũng như thông qua việc quan sát nhân vật thực hoặc hư cấu thể hiện hành vi trong sách.

– *Lí thuyết văn hoá xã hội của Lev Vygotsky*: Lí thuyết này giới thiệu khái niệm về vùng phát triển gần, đó là khoảng cách giữa những gì một người có thể làm với sự giúp đỡ và những gì họ có thể làm một mình. Với sự giúp đỡ của nhiều người hiểu biết hơn, trẻ em có thể dần dần tìm hiểu và nâng cao kĩ năng, phạm vi hiểu biết của mình. Vì vậy, nhóm tác giả căn cứ vào vùng phát triển gần nhất của trẻ để thiết kế các hoạt động, ngữ liệu phù hợp trong sách và đặt trẻ ở vị trí trung tâm để mở rộng các tình huống trong các mối quan hệ xã hội đa dạng, giúp trẻ được trải nghiệm, thực hành dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người lớn.

Tổng hợp các quan điểm về sự phát triển tâm lí trẻ em, đặc biệt là tâm lí của HS lớp 4, có thể khái quát lại một số đặc trưng cần lưu ý để nhóm tác giả biên soạn nội dung các bài học:

– *Về sự phát triển nhận thức*:

+ Tri giác ở HS tiểu học thường bắt đầu với hành động trực quan; đến cuối tuổi cấp Tiểu học là lớp 4, 5 thì tri giác bắt đầu mang tính xúc cảm, trẻ thích quan sát các sự vật, hiện tượng có màu sắc sặc sỡ, hấp dẫn và lúc này tri giác của trẻ đã mang tính mục đích, có phương hướng rõ ràng. Có thể dựa vào đặc điểm phát triển này để tìm cách thu hút trẻ tham gia các hoạt động tích cực, quan sát các hình ảnh màu sắc được thiết kế trong SGK *Đạo đức 4*. Những hoạt động, ngữ liệu đa dạng sẽ kích thích trẻ cảm nhận, tri giác tích cực và chính xác.

+ Tư duy của HS tiểu học chủ yếu là tư duy trực quan hành động ở đầu cấp và phát triển dần thành tư duy trực quan hình ảnh ở giai đoạn giữa, mang đậm màu sắc xúc cảm. Khả năng khái quát hoá tiến bộ dần từ HS lớp 1 đến lớp 5, theo đó, HS lớp 4, 5 bắt đầu

biết khái quát hoá lí luận. Đây là tiền đề cho sự phát triển tư duy logic, tuy nhiên ở HS lớp 4, tư duy trực quan hình ảnh vẫn chiếm ưu thế.

+ Hình ảnh tưởng tượng của HS đầu cấp Tiểu học còn đơn giản, chưa bền vững và dễ thay đổi, nhưng đến những năm cuối tiểu học, tưởng tượng tái tạo bắt đầu hoàn thiện. Từ những hình ảnh cũ, trẻ đã tái tạo ra được những hình ảnh mới. Tưởng tượng sáng tạo cũng tương đối phát triển, trẻ bắt đầu phát triển khả năng làm thơ, làm văn, vẽ tranh,... Đây là cơ sở để thiết kế các hoạt động Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng phù hợp hơn với khả năng của HS lớp 4.

+ Khi bước vào lớp 4 và lớp 5, trẻ bắt đầu ghi nhớ có ý nghĩa và lượng tri thức trẻ nhớ được gia tăng, nội dung bài học Đạo đức lớp 4 sẽ tăng cường thêm các ngữ liệu dạy học so với các lớp dưới để đảm bảo vừa sức với HS giai đoạn này. Đồng thời, ở giai đoạn này, HS có khả năng điều chỉnh sự chú ý của mình, chú ý có chủ định dần phát triển hơn. HS biết cố gắng và có sự nỗ lực về ý chí trong hoạt động học tập, có khả năng tiếp nhận câu chuyện dài hơn, bài thơ nhiều câu chữ hơn, tình huống đa dạng tình tiết hơn so với lớp 1, 2, 3.

+ Đến lớp 4, 5, HS đã thành thạo ngôn ngữ viết và bắt đầu hoàn thiện về mặt ngữ pháp, chính tả và ngữ âm. Nhờ có ngôn ngữ phát triển mà trẻ có khả năng tự đọc, tự học, tự nhận thức thế giới xung quanh và tự khám phá bản thân thông qua các kênh thông tin khác nhau.

– Về sự phát triển tình cảm:

Đến lớp 4, các mối quan hệ bạn bè của trẻ được mở rộng, trẻ dễ chia sẻ và chơi thân với các bạn của mình, ra sức giúp đỡ bạn; bên cạnh đó, trẻ cũng dễ giận dỗi, mâu thuẫn với bạn bè rồi cũng nhanh chóng làm lành với bạn sau đó. Sự phát triển tình cảm trong tâm lí HS tiểu học luôn kèm theo sự phát triển năng khiếu như: thơ ca, hội hoạ, kĩ thuật, khoa học,... Tâm lí HS tiểu học được phát triển và từng ngày hoàn thiện trên nhiều khía cạnh. HS chứng chạc dần và học hỏi nhiều điều thú vị từ thế giới xung quanh, đồng thời khám phá nhiều khả năng, năng khiếu của bản thân trong nhiều hoạt động. Đây là cơ sở để đưa các nội dung tích hợp giúp phát triển năng khiếu cho HS bên cạnh năng lực chung, năng lực đặc thù.

– Về sự phát triển nhân cách:

Đến lớp 4, những nét tính cách học đường mới dần ổn định và bền vững ở trẻ. Nhìn chung, việc hình thành nhân cách của HS tiểu học mang những đặc điểm cơ bản sau: nhân cách của các em lúc này mang tính chính thể và hồn nhiên, bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của mình một cách vô tư, thật thà và ngay thẳng; nhân cách còn mang tính tiềm ẩn, những năng lực, tố chất của các em còn chưa được bộc lộ rõ rệt, nếu có được tác động thích ứng sẽ bộc lộ và phát triển; đặc biệt nhân cách của các em còn mang tính đang hình thành, việc hình thành nhân cách không thể diễn ra một sớm một chiều, HS tiểu học còn đang trong quá trình phát triển toàn diện về mọi mặt, vì thế nhân cách của các em sẽ được hoàn thiện dần cùng với tiến trình phát triển của mình. Giáo dục đạo đức cho HS lớp 4 không nên có những định kiến mà luôn thiện ý, phải dùng những lời lẽ

nhẹ nhàng mang tính gợi mở và chờ đợi, phải hướng trẻ đến với những hình mẫu nhân cách tốt đẹp thông qua các tấm gương từ các nhân vật trong SGK, hình mẫu của người lớn (bố mẹ, thầy cô, hàng xóm,...) để trẻ noi gương.

** Căn cứ vào các lý thuyết Tâm lý học, Giáo dục học về đạo đức và quá trình hình thành hành vi đạo đức:*

– Lawrence Kohlberg xếp 6 giai đoạn hình thành hành vi đạo đức của trẻ vào ba giai đoạn lớn: giai đoạn tiền thông thường, giai đoạn thông thường và giai đoạn hậu thông thường. Mỗi cấp độ có hai giai đoạn nhỏ.

Giai đoạn tiền thông thường áp dụng cho trẻ em khoảng 9 tuổi trở xuống, liên quan đến định hướng vâng lời và trừng phạt cũng như chủ nghĩa cá nhân và trao đổi. Tại thời điểm này, đạo đức tuân theo sự mong đợi của người lớn và kết quả của việc tuân thủ hoặc không tuân theo các quy tắc của người lớn. Trong giai đoạn đầu tiên, một đứa trẻ tránh những hậu quả tiêu cực bằng cách tuân theo các quy tắc, kết luận rằng người bị trừng phạt chắc chắn đã làm điều gì đó sai trái. Trong giai đoạn thứ hai, trẻ phát triển sự hiểu biết rằng những người khác nhau có quan điểm khác nhau và không chỉ có một cách làm đúng. Mặc dù còn nhiều tranh cãi xung quanh lý thuyết phát triển đạo đức của Lawrence Kohlberg, nhưng có thể nhận thấy với HS lớp 4, việc giúp các em nhận thức được những mong đợi (mục tiêu, yêu cầu cần đạt) từ người lớn trong mỗi bài học và ý nghĩa của từng bài học (vì sao cần thực hiện, tác hại, hậu quả khi không tuân thủ chuẩn mực đạo đức) ở giai đoạn đầu tiên là quan trọng. Ở giai đoạn thứ hai, cần quan tâm đến quan điểm riêng của trẻ, tính chủ thể bằng các câu hỏi *Vì sao, Như thế nào, Theo em,...?, Suy nghĩ của em?...* để giúp trẻ hiểu có nhiều cách làm đúng trong một tình huống đạo đức, lựa chọn cách xử lý phù hợp với khả năng và hoàn cảnh của bản thân mà vẫn đảm bảo chuẩn mực hành vi đạo đức.

– Theo Tâm lý học giáo dục đạo đức (nhiều tác giả), hành vi đạo đức thường được hình thành dựa trên các nhóm yếu tố tâm lý bao gồm: tri thức và niềm tin đạo đức, thiện chí, nghị lực và thói quen đạo đức. Mối quan hệ giữa các yếu tố tâm lý cấu thành hành vi đạo đức:

+ Tri thức đạo đức là yếu tố định hướng hành vi đạo đức. Nhờ có tri thức đạo đức, cá nhân biết mình nên hay không nên làm gì. Niềm tin, tình cảm, động cơ và thiện chí đạo đức là yếu tố phát động mọi sức mạnh vật chất và tinh thần, tạo ra sự sẵn sàng thực hiện hành vi đạo đức. Có tri thức, có niềm tin, tình cảm, động cơ và thiện chí đạo đức là có ý thức đạo đức. Tuy nhiên, giữa ý thức với hành vi đạo đức luôn tồn tại một khoảng cách nhất định. Yếu tố giúp xóa bỏ khoảng cách này chính là thói quen đạo đức.

+ Theo Tâm lý học giáo dục đạo đức, có các con đường hình thành hành vi đạo đức cho HS như sau: cơ chế bắt chước, cơ chế củng cố và học tập xã hội.

Cơ chế bắt chước là sự mô phỏng, tái tạo, lặp lại những hành vi, cách suy nghĩ, tâm trạng của các cá nhân khác trong đời sống xã hội. Những tấm gương trong SGK *Đạo đức 4* giúp HS bắt chước các hành vi tích cực dựa trên việc phân biệt đúng, sai; không đồng tình với cái ác, cái xấu, cái sai và đồng tình với cái thiện, cái đẹp, cái đúng trong cuộc sống.

Cơ chế củng cố là làm cho cái đã có sẵn trở nên bền vững, chắc chắn hơn so với trước đó. Do vậy, khi một hành vi tốt diễn ra, để hành vi đó có thể được lặp lại và trở thành ổn định thì cần có sự củng cố. Đây là cơ sở của hoạt động Luyện tập và Vận dụng, phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội để hướng dẫn HS rèn luyện, thực hành thường xuyên.

Học tập xã hội thực chất là học một hành vi thông qua quan sát hành vi của người khác và hình thành trong đầu óc một khuôn mẫu hành vi đóng vai trò điều chỉnh hành vi của bản thân trong các tình huống tương tự. Cơ chế này có điểm tương đồng với sự bắt chước, tuy nhiên tính chất riêng biệt trong học tập xã hội rõ nét hơn và các hành vi hình thành sâu hơn trong tâm lí của trẻ. Với cơ chế này, hình thành hành vi và thói quen đạo đức gắn chặt với môi trường xung quanh của trẻ. Mọi hành vi của người khác, trong các quan hệ xã hội thực, thậm chí hình ảnh minh hoạ trong SGK Đạo đức 4 mà trẻ quan sát rất có thể được trẻ học mà chúng ta có khi không để ý tới.

*** Căn cứ vào các lí thuyết về sự phát triển phẩm chất, năng lực cho cá nhân:**

Theo Tâm lí học hoạt động, sự hình thành và phát triển của nhân cách chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố cơ bản, đóng vai trò quan trọng như: bẩm sinh – di truyền; hoàn cảnh sống; giáo dục; hoạt động và giao tiếp. Trong các yếu tố đó, giáo dục đóng vai trò chủ đạo vì nó vạch ra chiều hướng cho sự hình thành và phát triển nhân cách của HS và dẫn dắt sự hình thành, phát triển nhân cách của HS theo chiều hướng đó. Giáo dục có thể uốn nắn những phẩm chất tâm lí xấu do tác động tự phát của môi trường xã hội gây nên và làm cho nó phát triển theo chiều hướng mong muốn của xã hội. Tính tích cực khi tham gia vào hoạt động và giao tiếp sẽ quyết định trực tiếp đến sự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. Vì vậy, SGK Đạo đức 4 không chỉ thiết kế các pha hoạt động bao gồm Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng mà còn xây dựng ngữ liệu phù hợp với yêu cầu cần đạt, đặc biệt là lưu ý đến các ngữ liệu tạo điều kiện cho GV sử dụng linh hoạt để tư vấn, hướng dẫn, động viên HS kịp thời. Điều quan trọng là các hoạt động, ngữ liệu phải tạo điều kiện cho GV sử dụng linh hoạt để đưa các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học một cách sáng tạo vào nhằm phát huy tính tích cực của HS trong hoạt động học. Đồng thời, sách quan tâm đặt HS ở vị trí trung tâm và mở rộng các mối quan hệ xung quanh HS để đưa các câu chuyện, tình huống,... giúp HS có cơ hội trao đổi, thảo luận, xử lí tình huống với nhóm bạn để thúc đẩy tính tích cực của HS lớp 4.

– *Lí thuyết đa trí thông minh của Howard Gardner* đã chỉ ra rằng, trí thông minh của con người được chia thành 8 loại hình thông minh: thông minh ngôn ngữ; thông minh logic – toán học; thông minh thể chất; thông minh về không gian; thông minh về giao tiếp xã hội; thông minh nội tâm; thông minh âm nhạc; thông minh về tự nhiên. Căn cứ vào lí thuyết này, nhóm tác giả SGK Đạo đức 4 tích hợp các nội dung như bài hát, câu chuyện, vẽ tranh,... thể hiện sự quan tâm đến khả năng, năng khiếu cho HS trên quan điểm tích hợp với các môn học và hoạt động giáo dục khác. Bên cạnh yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù, SGK Đạo đức 4 còn quan tâm đến việc phát huy năng khiếu cho HS.

– *Lí thuyết học tập trải nghiệm của David Kolb* cho rằng học tập là quá trình, trong đó tri thức được kiến tạo thông qua sự chuyển hoá của kinh nghiệm. Quá trình học tập gồm bốn giai đoạn cơ bản, phù hợp với bốn phong cách học tập bao gồm: Kinh nghiệm cụ thể (Concrete experience); Quan sát phản tỉnh (Reflective observation); Trừu tượng hoá khái niệm (Abstract conceptualisation); Thử nghiệm tích cực (Active experimentation). Theo đó, học tập sẽ xuất phát từ một mâu thuẫn giữa kinh nghiệm cụ thể và khái niệm trừu tượng, hiểu đơn giản thì đó chính là mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết. Khi giải quyết mâu thuẫn này, mỗi người học có thể thích sử dụng khái niệm trừu tượng hoặc kinh nghiệm cụ thể. Căn cứ vào lí thuyết này, thứ nhất, SGK Đạo đức 4 xây dựng hoạt động và ngữ liệu để HS có thể học tập qua trải nghiệm, bắt đầu bằng sự thu nhận kinh nghiệm từ các giác quan và kết thúc bằng sự phân tích, khái quát hoá và áp dụng cho chu kì mới. Thứ hai, quá trình hình thành nên kinh nghiệm mới dựa trên cơ sở cấu trúc lại kinh nghiệm vốn có nên luôn có những câu hỏi để khai thác kinh nghiệm, vốn sống và trải nghiệm đã qua của HS để kết nối với bài học mới. Thứ ba, vì quá trình học tập qua trải nghiệm chỉ mang lại hiệu quả khi người học được có cơ hội sử dụng, khai thác, kết nối được kinh nghiệm cũ và kinh nghiệm mới; được tạo điều kiện tham gia hoạt động một cách tự giác, tự chủ, độc lập và sáng tạo nên SGK Đạo đức 4 mang tính mở (*Nêu thêm..., Theo em,...?, Vì sao...?*) để HS và cả GV có thể đưa thêm kinh nghiệm của mình vào bài học. Đồng thời, chú trọng các hoạt động Luyện tập, Vận dụng để HS sử dụng kiến thức mới vào trong thực tiễn cuộc sống. Cuối cùng, học tập trải nghiệm là quá trình thiết lập các mối quan hệ tương tác và hợp tác xã hội (với thế giới xung quanh, với bạn học, với GV,...) nên SGK Đạo đức 4 lấy HS làm trung tâm và từ đó mở rộng sự tương tác này trong mối quan hệ với người khác (ví dụ, tôn trọng tài sản của người thân, tôn trọng tài sản của thầy cô giáo, tôn trọng tài sản của bạn bè, tôn trọng tài sản của hàng xóm láng giềng,...).

Tóm lại, các bài học trong SGK Đạo đức 4 – bộ sách *Chân trời sáng tạo* được thiết kế dựa trên đặc điểm tâm lí của HS lớp 4 và căn cứ vào các quan điểm, lí thuyết về giáo dục đạo đức cũng như phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân để xây dựng các hoạt động, các ngữ liệu phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Đạo đức. Ngoài ra, căn cứ quan trọng nữa là phân tích điều kiện thực tiễn của giáo dục Việt Nam và kết quả của thực nghiệm.

Dựa vào các căn cứ trên, nội dung của SGK Đạo đức 4 bao gồm 8 chủ đề được phát triển thành 12 bài học. Cụ thể như sau:

NỘI DUNG GIÁO DỤC								
Giáo dục đạo đức (55%)					Giáo dục kĩ năng sống (15%)		Giáo dục kinh tế (10%)	Giáo dục pháp luật (10%)
Yêu nước	Nhân ái	Chăm chỉ	Trung thực	Trách nhiệm	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	Kĩ năng tự bảo vệ	Hoạt động tiêu dùng	Chuẩn mực hành vi pháp luật
<i>Biết ơn người lao động</i>	<i>Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn</i>	<i>Yêu lao động</i>	<i>Tôn trọng tài sản của người khác</i>	<i>Bảo vệ của công</i>	<i>Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè</i>		<i>Quý trọng đồng tiền</i>	<i>Quyền và bổn phận trẻ em</i>
Thiết kế thành 2 bài: – Người lao động quanh em – Em biết ơn người lao động	1 bài: <i>Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn</i>	Thiết kế thành 2 bài: – Em yêu lao động – Em tích cực tham gia lao động	1 bài: <i>Em tôn trọng tài sản của người khác</i>	1 bài: <i>Em bảo vệ của công</i>	Thiết kế thành 2 bài: – Em thiết lập quan hệ bạn bè – Em duy trì quan hệ bạn bè		1 bài: <i>Em quý trọng đồng tiền</i>	Thiết kế thành 2 bài: – Quyền trẻ em – Bổn phận của trẻ em

2. Cấu trúc sách giáo khoa Đạo đức 4

Xuất phát từ quan điểm lấy người học làm trung tâm, xây dựng các bài học vừa đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống vừa mang tính vừa sức với HS lớp 4, nhóm tác giả xây dựng thứ tự bài học như sau:

STT	Tên bài	Số tiết	STT	Tên bài	Số tiết
Học kì 1			Học kì 2		
1	Người lao động quanh em	2	7	Em bảo vệ của công	3
2	Em biết ơn người lao động	3	8	Em thiết lập quan hệ bạn bè	3
3	Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	3	9	Em duy trì quan hệ bạn bè	3
4	Em yêu lao động	3	10	Em quý trọng đồng tiền	3
5	Em tích cực tham gia lao động	2	11	Quyền trẻ em	2
6	Em tôn trọng tài sản của người khác	3	12	Bổn phận của trẻ em	2
	Ôn tập tổng hợp	1		Ôn tập tổng hợp	2

Căn cứ vào tính mở của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, không yêu cầu bắt buộc nhà trường phải tuân thủ thứ tự các chủ đề đã nêu trong Chương trình môn Đạo đức. Tùy vào thực tiễn của địa phương, trình độ hiện có và những đặc điểm tâm sinh lý của HS mà nhà trường có kế hoạch tổ chức dạy học môn Đạo đức phù hợp, đáp ứng các yêu cầu cần đạt, đúng tổng số tiết là 35 tiết Đạo đức/năm học và tỉ lệ số tiết được phân bổ cho từng mạch nội dung. Thứ tự thực hiện các chủ đề/bài học trong bộ sách này mang tính tham khảo, tuy nhiên để tạo thuận lợi nhất cho kế hoạch dạy học của nhà trường, địa phương thì bộ sách này vẫn bám sát vào thứ tự các chủ đề trong Chương trình môn Đạo đức lớp 4.

3. Cấu trúc bài dạy Đạo đức 4

Thực hiện Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH. Trong nội dung công văn về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học có hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch bài dạy như sau:

GV căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục; kế hoạch giáo dục của nhà trường; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; SGK, thiết bị dạy học để xây dựng kế hoạch bài dạy gồm: yêu cầu cần đạt, đồ dùng dạy học cần chuẩn bị, hoạt động dạy học chủ yếu, điều chỉnh sau bài dạy, cụ thể:

1) Yêu cầu cần đạt: Trên cơ sở yêu cầu cần đạt của mạch nội dung được quy định

trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, GV chủ động sử dụng SGK, thiết bị dạy học, học liệu để xác định yêu cầu cần đạt của bài học phù hợp với đối tượng HS, đặc điểm nhà trường, địa phương. Yêu cầu cần đạt của bài học cần xác định rõ: HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2) Đồ dùng dạy học: Các đồ dùng cần chuẩn bị để tổ chức dạy học bài học.

3) Các hoạt động dạy học chủ yếu: GV chủ động tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, sáng tạo, đa dạng theo tính chất bài học (bài kiến thức mới; thực hành, ôn tập), đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục và phù hợp đối tượng HS.

4) Điều chỉnh sau bài dạy: GV ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau khi thực hiện kế hoạch bài dạy để hoàn thiện phương án dạy học cho các bài học sau: nội dung còn bất cập, còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc tổ chức dạy học hiệu quả để trao đổi, thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn học/hoạt động giáo dục.....; lớp

Tên bài học:; số tiết:

Thời gian thực hiện: ngày... tháng... năm... (hoặc từ .../.../... đến .../.../...)

1. Yêu cầu cần đạt: Nêu cụ thể học sinh thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2. Đồ dùng dạy học: Nêu các thiết bị, học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.

3. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

- Hoạt động Mở đầu: khởi động, kết nối.
- Hoạt động Hình thành kiến thức mới: trải nghiệm, khám phá, phân tích, hình thành kiến thức mới (đối với bài hình thành kiến thức mới).
- Hoạt động Luyện tập, thực hành.
- Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (nếu có).

4. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có).

Các tác giả SGK Đạo đức 4 – bộ sách *Chân trời sáng tạo* xây dựng cấu trúc bài học tương ứng với hướng dẫn của Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH bao gồm: *Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng*.

Chương trình môn Đạo đức lớp 4 quy định bốn mạch nội dung: giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật. GV căn cứ vào đặc thù của từng cụm bài, khai thác nội dung SGK và tổ chức hoạt động dạy học phù hợp để đạt hiệu quả giáo dục tốt hơn. Cụ thể:

CÁCH TỔ CHỨC BÀI HỌC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Giai đoạn Khởi động

GV tổ chức hoạt động Khởi động nhằm khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, khơi gợi cảm xúc đạo đức của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra chuẩn mực hành vi cần hình thành, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về các biểu hiện cụ thể của hành vi đạo đức đó trong những hoạt động tiếp theo. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, việc giáo dục đạo đức phải xuất phát từ cảm xúc đạo đức, khơi dậy lương tri trong mỗi con người thì mới đạt hiệu quả giáo dục.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác, khơi dậy cảm xúc đạo đức trong lương tri của các em, thường là:

- *Em cảm thấy thế nào về ...?*
- *Cảm xúc của em sau khi nghe/xem ... thế nào?*

Câu hỏi/yêu cầu khởi động cũng có thể là khai thác kinh nghiệm, vốn sống, trải nghiệm đã có của HS để kết nối vào bài học, thường là:

- *Hãy mô tả/Hãy chia sẻ về ... xung quanh em.*
- *Điều gì sẽ xảy ra nếu ...?*
- *Em đã từng ...?*

Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

Giáo viên tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về những hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức nhất, từng bước hình thành tư duy phản biện về các hành vi đạo đức. Từ đó, HS nhận diện được các biểu hiện cụ thể của chuẩn mực hành vi đạo đức và hiểu được sự cần thiết của việc thực hiện hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những hành vi đạo đức, từ đó nêu ra những việc cần phải làm, nên làm, thường là:

- *Điều gì sẽ xảy ra nếu em không/thực hiện ...?*
- *Vì sao em phải/không được ...?*
- *Những việc em nên/cần phải làm là gì?*

Giai đoạn Luyện tập

Trên cơ sở HS nhận thức rõ được nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống cụ thể để xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật. Hoạt động Luyện tập cần thể hiện được động cơ đạo đức được thúc đẩy từ trong lương tâm của HS, các em thực hành đưa ra những lựa chọn của bản thân khi phải cân nhắc giữa việc ưu tiên các hành động đạo đức với những mục tiêu và nhu cầu khác nhau trên cơ sở nhận xét các ý kiến, đồng tình với cái thiện, cái

đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu. GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống đạo đức, tình huống liên quan đến pháp luật có thực hoặc giả định.

Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động đạo đức hoặc hành vi tuân thủ đúng luật pháp bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học), bất kể những trở ngại và khó khăn nào. Hoạt động này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày.

CÁCH TỔ CHỨC BÀI HỌC GIÁO DỤC KINH TẾ

Giai đoạn Khởi động

GV tổ chức hoạt động Khởi động nhằm khai thác kinh nghiệm của HS, khơi gợi cảm xúc vốn có của các em về những vấn đề kinh tế phù hợp với lứa tuổi và yêu cầu của Chương trình giáo dục Đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra kiến thức cần được trang bị để giải quyết các vấn đề của thực tiễn, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về vai trò cũng như cách thức thực hiện bảo quản và tiết kiệm tiền phù hợp với lứa tuổi (với chủ đề *Quý trọng đồng tiền*, lớp 4).

Câu hỏi đặt ra trong giai đoạn này thường là:

- *Em đã từng tham gia/chứng kiến, thực hiện ... chưa?*
- *Em thấy mình đã làm tốt/chưa tốt điều gì?*
- *Theo em, ... được thể hiện như thế nào?*

Những câu hỏi, cách đặt vấn đề cần *một mặt*, khai thác xem HS đã biết những gì, biết đến đâu về những kiến thức, kĩ năng liên quan đến nội dung bài học; *mặt khác*, kích thích, khơi dậy nhu cầu tìm hiểu, hoàn thiện các hiểu biết và cách thực hiện bảo quản và tiết kiệm tiền phù hợp còn thiếu hụt trong mỗi HS, tạo động lực để HS hứng thú học tập trong giai đoạn sau.

Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới nhằm hướng dẫn HS liên kết kinh nghiệm thực tiễn với những tri thức liên quan đến nội dung giáo dục kinh tế cần được trang bị, từ đó xác định được cách thực hiện bảo quản và tiết kiệm tiền phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho các em nhận thức về vai trò của tiền; biết vì sao phải quý trọng đồng tiền; cách thức bảo quản và tiết kiệm tiền phù hợp với lứa tuổi. Các câu hỏi đặt ra thường là:

- *Em hãy cho biết ...*
- *Vì sao phải thực hiện ...?*
- *Các cách thức ... nên làm là gì?*

Giai đoạn Luyện tập

GV cần tổ chức các hoạt động cho HS có cơ hội thực hành kiến thức giáo dục kinh tế vào điều kiện thực tế. Thông qua hoạt động Luyện tập, GV định hướng cho HS thực

hành đúng cách, điều chỉnh những hiểu biết, các cách thức còn chưa đúng. HS thông qua việc bày tỏ ý kiến, thái độ đồng tình hay không đồng tình để hoàn thiện hiểu biết được hình thành ở kiến tạo tri thức mới. Ngoài ra, thông qua các tình huống giả định, HS có cơ hội xử lý tình huống để rèn luyện hành vi ứng xử (như nhắc nhở bạn, đưa ra lời khuyên, ...), để thực hành (cách bảo quản và tiết kiệm tiền). Qua đó, HS có thể tiếp tục học hỏi, điều chỉnh hành vi phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Các hoạt động học tập của giai đoạn này thường tập trung vào:

- Nhận xét ý kiến ...
- Em đồng tình hay không đồng tình ...? Vì sao?
- Xử lý tình huống.

Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức hoạt động để tạo cơ hội cho HS tích hợp, mở rộng và vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được luyện tập, thực hành ở hoạt động trước vào các tình huống/ bối cảnh mới. GV tổ chức các hoạt động để HS gắn kết các tình huống thực tiễn của chính các em. Với bài giáo dục kinh tế, chú trọng rèn luyện cho HS năng lực lập kế hoạch, đây là yêu cầu cơ bản trong hoạt động Vận dụng.

CÁCH TỔ CHỨC BÀI HỌC GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG

Giai đoạn Khởi động

GV tổ chức hoạt động Khởi động nhằm khai thác kinh nghiệm của HS, khơi gợi cảm xúc vốn có của các em về những vấn đề thực tiễn liên quan đến kĩ năng sống phù hợp với lứa tuổi và yêu cầu của Chương trình giáo dục Đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra được kĩ năng sống, kiến thức cần được trang bị để giải quyết các vấn đề thực tiễn, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về cách thực hiện các kĩ năng sống tương ứng.

Câu hỏi đặt ra trong giai đoạn này thường là:

- Em đã từng tham gia/chứng kiến, thực hiện ... chưa?
- Kết quả/hậu quả ... thế nào?
- Em thấy mình đã làm tốt/chưa tốt điều gì?
- Điều gì em cần tiếp tục học hỏi/hoàn thiện?

Những câu hỏi, cách đặt vấn đề cần một mặt, khai thác xem HS đã biết những gì, biết đến đâu về những kiến thức, kĩ năng liên quan đến nội dung bài học; mặt khác, kích thích, khơi dậy nhu cầu tìm hiểu, hoàn thiện các kĩ năng sống còn thiếu hụt trong mỗi HS, tạo động lực để HS hứng thú học tập trong giai đoạn sau.

Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới nhằm hướng dẫn HS liên kết kinh nghiệm thực tiễn với những tri thức liên quan đến kĩ năng sống cần được trang bị, từ đó xác định được cách thức thực hiện kĩ năng sống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Các kiến thức về kĩ năng cũng được trang bị trong giai đoạn này. Với những bài học kĩ năng sống, việc nhận thức, nắm bắt các kĩ năng cần được chú trọng. GV đóng vai trò của người hướng dẫn, HS là người phản hồi, trình bày quan điểm/ý kiến, đặt câu hỏi/trả lời.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS nhận thức về nguyên nhân, kết quả của việc thiếu hụt kiến thức, kĩ năng sống, từ đó nêu ra những việc cần phải làm và làm như thế nào cho phù hợp:

- *Điều gì sẽ xảy ra nếu ...?*
- *Vì sao phải thực hiện ...?*
- *Các bước/cách thức ... nên làm là gì?*

Giai đoạn Luyện tập

GV cần tổ chức các hoạt động cho HS có cơ hội thực hành kiến thức và kĩ năng mới vào một bối cảnh/hoàn cảnh/điều kiện có ý nghĩa. Thông qua hoạt động Luyện tập, GV định hướng cho HS thực hành đúng cách, điều chỉnh những hiểu biết, kĩ năng còn chưa đúng. Qua đó, HS có thể tiếp tục học hỏi, điều chỉnh kĩ năng của mình để phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Các hoạt động học tập của giai đoạn này thường tập trung vào cách làm:

- *Làm/nói/nghe ... thế nào cho đúng/cho phù hợp?*
- *Các bước/quy trình ... thực hiện như thế nào?*

Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức hoạt động để tạo cơ hội cho HS tích hợp, mở rộng và vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được luyện tập, thực hành ở hoạt động trước vào các tình huống/bối cảnh mới. GV tổ chức các hoạt động để HS gắn kết các tình huống thực tiễn của chính các em. Hoạt động này giúp HS thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo của bản thân khi phải cân nhắc, lựa chọn các kĩ năng đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể theo cách hiệu quả nhất, đồng thời hình thành các kĩ năng sống cần thiết, rèn luyện thói quen sống lành mạnh.

* * *

Cấu trúc bài học bám sát tiến trình nhận thức của HS theo từng mạch nội dung, chú trọng đến việc khai thác kinh nghiệm, khởi tạo cảm xúc, tăng cường tính trải nghiệm, thực hành, vận dụng kĩ năng,... từ đó thúc đẩy động cơ học tập, hành động thực tiễn của HS; giúp HS nhận định rõ các giá trị, chuẩn mực, hành vi,... hình thành động cơ mà biểu hiện ra bên ngoài bằng sự lựa chọn thực hiện những hành động cụ thể phù hợp với chuẩn mực xã hội. Từ cấu trúc bài học này, nhóm tác giả xây dựng nên các bài học phù hợp với các mục tiêu giáo dục đạo đức và giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế, giáo dục pháp luật, đảm bảo được đặc trưng của môn Đạo đức nhằm điều chỉnh hành vi của HS phù hợp với các giá trị, chuẩn mực xã hội.

Với cấu trúc như trên, các bài học đạo đức từng bước hình thành năng lực tư duy phản biện về các hành vi đạo đức và không đạo đức – một trong những năng lực chưa được quan tâm nhiều trong giáo dục đạo đức hiện nay. Các bài học đạo đức dựa theo quy trình đó khiến việc học tập, thực hành và vận dụng kiến thức trở nên gần gũi, thú vị với HS mà không làm giảm đi ý nghĩa khoa học của môn học. Các cấu trúc bài học này đều được thử nghiệm ngoài thực tế lớp học và cho thấy hiệu quả giáo dục cao.

Tóm lại, căn cứ vào hướng dẫn của Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH, mỗi kế hoạch bài dạy ở SGK này được thiết kế gồm các nội dung chính sau:

I. *Yêu cầu cần đạt* (bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình bao gồm phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù).

II. *Đồ dùng dạy học* (bao gồm sự chuẩn bị của GV và sự chuẩn bị của HS).

III. *Gợi ý các hoạt động dạy học chủ yếu*.

Mỗi hoạt động dạy học chủ yếu được trình bày theo cấu trúc sau:

- Tên hoạt động
- Mục tiêu (của hoạt động)
- Tổ chức thực hiện (Cách tiến hành)

Mỗi hoạt động đều có gợi ý việc sử dụng và lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học để đảm bảo tính tích cực cho HS. Trong một số hoạt động sẽ có gợi ý để GV có thể dễ dàng nhận xét, tổng kết.

Ngoài các hoạt động chính, nhóm tác giả còn biên soạn thêm một số hoạt động mở rộng nhằm làm phong phú thêm các hình thức tổ chức bài học.

Trong các bài, nhóm tác giả còn hướng dẫn GV viết thư gửi các bậc cha mẹ HS, nhằm tạo sự kết nối, phối hợp với gia đình trong việc rèn luyện hành vi đạo đức cho HS.

Ngoài việc gắn kết với SGK, SGK còn gắn kết với VBTĐĐ. Một số phương pháp được gợi ý trong SGK, GV có thể yêu cầu, giao nhiệm vụ HS sử dụng VBTĐĐ để thực hiện như các phiếu giao nhiệm vụ, các kế hoạch, các phiếu rèn luyện,... Điều này giúp cho quá trình tổ chức hoạt động dạy – học của GV được linh hoạt và chủ động hơn.

Chân trời sáng tạo

Phần hai

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 4

Chủ đề: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bài 1: Người lao động quanh em (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Kính trọng, biết ơn người lao động.
- *Nhân ái*: Thể hiện được sự yêu quý bạn bè trong quá trình thảo luận nhóm.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Chủ động trong việc tìm hiểu thêm các đóng góp của người lao động ở xung quanh.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Xác định được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh; Biết vì sao phải biết ơn người lao động.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT Đạo đức 4.
- *Thiết bị dạy học*:
 - + Máy tính, máy chiếu, giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp).
 - + Các hình ảnh minh họa, lá thăm viết tên nghề nghiệp.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, thẻ mặt cười – mặt buồn.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Đố bạn

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Người lao động quanh em*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi *Đố bạn*. Cách chơi: GV chuẩn bị lá thăm có viết tên các nghề nghiệp. Mỗi lượt 2 HS đại diện bốc thăm và thảo luận, diễn tả bằng hành động. Các HS còn lại đoán tên nghề nghiệp. Ví dụ: ca sĩ, thợ xây, cảnh sát giao thông,...

2. GV nêu thêm yêu cầu để HS suy nghĩ và trả lời: *Hãy kể thêm một số nghề nghiệp mà em biết.*

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau. GV nhận xét và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Xung quanh chúng ta có rất nhiều người lao động. Mỗi người lao động đều có đóng góp cho cuộc sống của con người.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Nêu công việc và đóng góp của người lao động trong tranh

a. Mục tiêu: HS nêu được đóng góp của một số người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm 4 – 6 HS: GV tổ chức cho HS quan sát tranh, nêu công việc và đóng góp của người lao động trong tranh.

Gợi ý:

- Tranh 1: Nhân viên giao hàng → giao hàng hoá.
- Tranh 2: Chiến sĩ hải quân → bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.
- Tranh 3: Thợ may → may quần áo, mũ nón,...
- Tranh 4: Ngư dân → đánh bắt tôm, cá,...
- Tranh 5: Nông dân → sản xuất lương thực (lúa gạo, khoai sắn,...).
- Tranh 6: Giáo viên → dạy học.

Với mỗi tranh, GV mời 1 đến 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

2. Để thực hiện yêu cầu: *Kể thêm đóng góp của người lao động trong các công việc khác*, GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm và sử dụng kĩ thuật công não, XYZ.

Gợi ý: Nếu sử dụng kĩ thuật công não, GV thực hiện như sau:

GV nêu yêu cầu cho các nhóm: *Hãy kể thêm đóng góp của người lao động trong các công việc khác.* Thời gian chuẩn bị ý kiến: 1 phút (nếu sử dụng máy chiếu, GV có thể để

đồng hồ đếm ngược). Sau đó, GV mời từng nhóm nêu ý kiến, mỗi nhóm chỉ nêu một ý kiến/lượt. GV xoay vòng liên tục đến khi hết ý kiến. GV nên ghi ý kiến trên bảng để HS quan sát.

3. Kết thúc hoạt động trên, GV đánh giá kết quả làm việc của các nhóm, động viên và khen ngợi HS.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Mỗi người lao động đều có đóng góp quý báu cho xã hội như: Nhân viên giao hàng → giao hàng; Chiến sĩ hải quân → bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; Thợ may → may quần áo, mũ nón,...; Ngư dân → đánh bắt tôm, cá,...; Nông dân → sản xuất lương thực (lúa gạo, khoai sắn,...); Giáo viên → dạy học;...

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải biết ơn người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm. GV tổ chức cho HS đọc câu chuyện *Buổi học đầu tiên* hoặc HS lắng nghe GV đọc.

2. GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau khi đọc câu chuyện hoặc lắng nghe GV đọc:

– Cô giáo đã làm gì sau khi Hà giới thiệu về nghề nghiệp của bố mẹ?

– Theo em, vì sao phải biết ơn người lao động?

3. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả thi đua của các nhóm.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

– Trong câu chuyện “Buổi học đầu tiên”, sau khi Hà giới thiệu về nghề nghiệp của bố mẹ – công nhân vệ sinh môi trường, lớp có vài tiếng cười khúc khích. Lúc đó, cô giáo đã đặt tay lên vai Hà, an ủi, động viên em; nói lời cảm ơn đối với bố mẹ của Hà và dặn dò cả lớp phải biết ơn người lao động.

– Lí do phải biết ơn người lao động:

+ Không có nghề nào là tầm thường, chỉ có những ai lười lao động mới đáng xấu hổ. Hơn nữa, mọi của cải trong xã hội có được là nhờ những người lao động.

+ Phải biết ơn người lao động vì họ giúp cho cuộc sống, xã hội tốt đẹp hơn.

+ Biết ơn người lao động là hành vi văn minh, lịch sự; biểu hiện của người công dân yêu nước.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: Có thái độ phù hợp với các đóng góp của người lao động và củng cố được ý nghĩa của việc biết ơn người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm hoặc hình thức khác tùy điều kiện lớp học. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS trình bày nhận xét.

2. Sau mỗi ý kiến, GV đặt câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến này?* Qua đó, GV tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến, có thể nêu ví dụ minh họa. GV nhắc lại ý kiến có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ của HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

4. GV kết luận.

Gợi ý:

Đồng tình với các ý kiến: “Cơm ăn, áo mặc, sách vở,... và mọi của cải trong xã hội có được là nhờ những người lao động; Phải biết ơn người lao động vì họ giúp cho cuộc sống, xã hội tốt đẹp hơn; Cần biết ơn người lao động dù không trực tiếp sử dụng sản phẩm do họ làm ra” và bày tỏ thái độ không đồng tình với ý kiến chưa phù hợp: “Chỉ cần biết ơn người lao động là người thân trong gia đình vì họ nuôi sống mình”.

Hoạt động 5: Bày tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình

a. Mục tiêu: HS có thái độ phù hợp với các đóng góp của người lao động và củng cố được ý nghĩa của việc biết ơn người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giờ thể cảm xúc về mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình).

Gợi ý:

- *Tranh 1:* Nhận biết phù hợp về đóng góp của cô lao công trong trường (Đồng tình).
- *Tranh 2:* Phát biểu phù hợp về thái độ đối với người lao động (Đồng tình).
- *Tranh 3:* Phát biểu chưa phù hợp về đóng góp của người lao động làm nghề thiết kế thời trang (Không đồng tình).
- *Tranh 4:* Có thái độ biết ơn với cảnh sát phòng cháy chữa cháy (Đồng tình).

2. Sau mỗi tình huống, GV đặt câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng tình huống. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ của HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung tình huống thường gặp ở địa phương để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình.

4. GV kết luận.

Gợi ý:

Chúng ta cần biết ơn người lao động vì những đóng góp của họ dù nhỏ hay lớn. Đồng thời có thái độ không đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện sự thiếu tôn trọng, không biết ơn họ. Khi bày tỏ thái độ không đồng tình, chúng ta cần nhắc nhở nhẹ nhàng, lịch sự (lời nói, nét mặt, cử chỉ thân thiện,...).

Hoạt động 6: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để củng cố việc nêu được đóng góp và lí do phải biết ơn người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận về cách xử lý tình huống, phân công vai diễn và diễn lại tình huống trước lớp. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận và phân vai diễn cho hợp lí.

2. GV mời HS nêu tình huống trước lớp trước khi thảo luận.

– *Tình huống 1:* Chú của Bin làm kiểm lâm. Bin rất thích công việc của chú và chia sẻ điều này với Tin. Tin nói: “Kiểm lâm thì có gì đáng tự hào đâu!”.

Nếu là Bin, em sẽ ứng xử như thế nào?

– *Tình huống 2:* Na và Cốm đang thảo luận về chủ đề “Người lao động quanh em”. Na chia sẻ: “Chúng ta phải biết ơn người lao động trong xã hội”. Cốm tiếp lời: “Làm như thế để được thầy cô và người lớn khen”.

Nếu là Na, em sẽ khuyên Cốm điều gì?

Trong quá trình thảo luận nhóm, khi sắm vai xử lý tình huống, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời từng nhóm lên diễn và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS.

Gợi ý:

Phải biết ơn người lao động vì họ giúp cho cuộc sống, xã hội tốt đẹp hơn; mọi của cải trong xã hội có được là nhờ những người lao động. Không phải chỉ để được khen, biết ơn người lao động là hành vi văn minh, lịch sự; được mọi người yêu quý.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Chia sẻ và ghi sổ tay

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ với các đóng góp của người lao động và lí do phải biết ơn người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện:

– Chia sẻ về đóng góp của một người lao động mà em biết. GV có thể tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm đôi, nhóm 4.

– Ghi sổ tay mô tả về công việc và đóng góp của một số nghề nghiệp mà em yêu thích.

Ví dụ:

Tên nghề	Mô tả công việc	Đóng góp của nghề
Bác sĩ	Khám, chữa bệnh	Chăm sóc sức khỏe cho mọi người
...	...	...

2. Sau khi HS thực hiện ghi sổ tay, GV có thể tổ chức để HS chia sẻ thông tin với bạn bè (có thể dán ở bảng tin, góc học tập của lớp). GV phối hợp cùng với phụ huynh để khuyến khích HS thực hiện.

3. GV nhận xét và khen ngợi HS.

Hoạt động 8: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài, tập trung củng cố lại một số đóng góp của người lao động và lí do phải biết ơn người lao động.

2. GV tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của câu tục ngữ:

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau bài học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV có thể sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Thường xuyên nhắc nhở con tìm hiểu hoặc giới thiệu cho con về đóng góp của người lao động và ghi nhớ lí do phải biết ơn người lao động.

2. Làm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc tìm hiểu về đóng góp của người lao động và lí do phải biết ơn người lao động. Phản hồi tích cực khi con tìm hiểu về đóng góp của người lao động và lí do phải biết ơn người lao động.

3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chân trời sáng tạo

Bài 2: Em biết ơn người lao động (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- Yêu nước: Kính trọng, biết ơn người lao động.
- Nhân ái: Sẵn sàng nhắc nhở bạn bè, người thân kính trọng, biết ơn người lao động.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn người lao động.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, VBT Đạo đức 4.
- Thiết bị dạy học:
 - + Máy tính, máy chiếu, giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp).
 - + Các hình ảnh minh họa tình huống thể hiện lòng biết ơn người lao động.

2. Học sinh

- Tài liệu: SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- Dụng cụ: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Nghe bài hát và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em biết ơn người lao động*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS nghe bài hát *Cảm ơn chiến sĩ áo trắng* (Nhạc và lời: Ninh Bảo Văn) và trả lời câu hỏi. HS vừa nghe vừa vỗ tay theo nhịp.

2. GV đặt câu hỏi để HS suy nghĩ và trả lời:

- Người “chiến sĩ áo trắng” trong bài hát là ai?
→ Các y, bác sĩ.

– Họ đã có những đóng góp gì cho đất nước?

→ Ngày đêm thầm lặng chống dịch, giữ bình an cho đất nước; hi sinh thời gian, sức khoẻ vì mọi người.

– Lòng biết ơn đối với họ được thể hiện như thế nào?

→ Lời cảm ơn; quyết tâm cùng đồng lòng chống dịch bệnh.

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Chúng ta cần phải kính trọng, biết ơn người lao động bằng những lời nói, việc làm cụ thể thường ngày.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Đọc thư và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS nêu được một số lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động qua bức thư.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm. GV tổ chức cho HS đọc thư *Người hùng trong em* hoặc lắng nghe GV đọc. Nếu tổ chức theo nhóm, GV cho HS đọc thư trong nhóm và trả lời câu hỏi.

2. GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau khi đọc thư hoặc nghe GV đọc thư:

– *Bạn nhỏ đã thể hiện lòng biết ơn đối với cô, chú lao công như thế nào?*

– *Em nên thể hiện lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể nào?*

3. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Trong thư “Người hùng trong em”, một số lời nói, việc làm (biểu hiện) thể hiện lòng biết ơn người lao động (công nhân vệ sinh môi trường) là:

– *Viết thư cảm ơn, thể hiện sự yêu quý, kính trọng.*

– *Tiếp sức cho các công nhân vệ sinh môi trường bằng những việc làm cụ thể như: phân loại rác trước khi bỏ vào thùng, gom rác gọn gàng, nhắc nhở các bạn không vứt rác bừa bãi, khuyên mọi người bỏ rác đúng nơi quy định,...*

Hoạt động 3: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS nêu được một số lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động qua tranh.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SGK. GV lần lượt đặt câu hỏi cho mỗi tranh: *Các bạn trong tranh đã thể hiện lòng biết ơn người lao động như thế nào?*

2. Với mỗi tranh, GV mời 1 đến 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.
3. GV nhận xét, khen ngợi HS và điều chỉnh lại những biểu hiện HS nêu chưa chính xác.
4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Em thể hiện lòng biết ơn người lao động bằng những lời nói, việc làm cụ thể:

- Trân trọng sản phẩm của người lao động (không để cơm rơi).
- Học tập theo gương những người lao động (tập nói hay như biên tập viên).
- Giúp đỡ, quan tâm đến người lao động bằng những việc làm phù hợp với khả năng của mình (giúp cô lao công xếp ghế, mời cô uống nước).

Hoạt động 4: Kể thêm những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động

a. Mục tiêu: HS nêu được thêm một số lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm. Ví dụ, GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, yêu cầu mỗi nhóm đôi HS nêu thêm hai biểu hiện của lòng biết ơn người lao động trong thời gian 3 phút. Để tạo hứng thú, GV có thể mở đồng hồ đếm ngược để HS tập trung công nào.

2. GV mời đại diện từ 3 đến 4 cặp HS phát biểu và nhận xét lẫn nhau. Để tạo bầu không khí sinh động cho lớp học, GV có thể cho thi đua 3 – 5 nhóm nộp kết quả thảo luận nhanh nhất lên bàn GV hoặc giơ tay nhanh để được GV thu sản phẩm (nếu thực hiện hình thức này, GV yêu cầu HS ghi ý kiến vào một tờ giấy).

3. HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của các HS khác.

4. GV nhận xét và khen ngợi sự tích cực của HS.

Gợi ý: GV bổ sung hoặc mở rộng thêm một số biểu hiện của lòng biết ơn người lao động như:

- Chào hỏi lễ phép với người lao động.
- Nhắc nhở bạn bè, người thân thể hiện lòng biết ơn người lao động,...

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: HS đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động; không đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện không biết ơn người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS trình bày ý kiến của mình. GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến này?* Qua đó, GV tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến, có thể nêu ví dụ

minh họa. GV nhắc lại ý kiến có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ của HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

4. GV kết luận.

Gợi ý:

Đồng tình với những ý kiến thể hiện lòng biết ơn người lao động: “Biết ơn người lao động bằng cách trân trọng những sản phẩm họ làm ra; Cần phải nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn người lao động; Học tập theo gương người lao động là cách thể hiện lòng biết ơn với họ” và bày tỏ thái độ không đồng tình với ý kiến chưa phù hợp khi thể hiện lòng biết ơn người lao động: “Chỉ cần thể hiện lòng biết ơn người lao động bằng lời nói”.

Hoạt động 6: Bày tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình

a. Mục tiêu: HS đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động; không đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện không biết ơn người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

– *Tranh 1:* Nói lời cảm ơn người lao động và đưa hai tay nhận đồ vật (đồng tình).

– *Tranh 2:* Nói lời chê bai người lao động (không đồng tình).

– *Tranh 3:* Nói lời động viên, khen ngợi người lao động (đồng tình).

– *Tranh 4:* Giúp đỡ người lao động bằng việc làm phù hợp với lứa tuổi (đồng tình).

– *Tranh 5:* Việc làm thể hiện sự trân trọng sản phẩm của người lao động (đồng tình).

– *Tranh 6:* Thái độ không kính trọng, lễ phép với người lao động (không đồng tình).

2. Sau mỗi tình huống, GV đặt câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng tình huống. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ của HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung tình huống thường gặp ở địa phương để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình.

4. GV kết luận:

Chúng ta cần đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động và bày tỏ thái độ không đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện không biết ơn người lao động. Khi bày tỏ thái độ không đồng tình, chúng ta cần nhẹ nhàng, lịch sự, thân thiện qua lời nói, nét mặt, cử chỉ,...

Hoạt động 7: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc thể hiện lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận về cách xử lý tình huống, phân công vai diễn và diễn lại tình huống trước lớp. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận và phân vai diễn cho hợp lí.

2. GV mời HS nêu tình huống trước lớp trước khi thảo luận.

– *Tình huống 1:* Chủ nhật, mẹ bận nấu ăn nên Bin nhận hàng giúp mẹ. Cậu nhìn thấy chú giao hàng quen thuộc rất mệt mỏi, mồ hôi nhễ nhại. *Nếu là Bin, em sẽ làm gì?*

– *Tình huống 2:* Vừa đến trường, Cốm nhìn thấy cô lao công bị ngã ở hành lang khi đang lau sàn. *Nếu là Cốm, em sẽ làm gì?*

– *Tình huống 3:* Chủ nhật, Na và Cốm đi công viên. Nghe thấy cô bán đồ chơi rao hàng, Cốm rủ Na: “Na ơi! Mình bắt chước tiếng rao hàng để trêu cô ấy đi”. *Nếu là Na, em sẽ làm gì?*

– *Tình huống 4:* Bác nông dân đang cẩn thận chăm sóc khu vườn nhưng hai bạn nhỏ chạy vào nhặt bóng nên giẫm lên rau. *Em sẽ khuyên các bạn như thế nào?*

Trong quá trình HS thảo luận nhóm, sắm vai xử lý tình huống, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết. GV yêu cầu HS trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn.

3. GV mời từng nhóm lên diễn và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV nhấn mạnh các việc làm, lời nói thể hiện biết ơn người lao động và cách thể hiện của HS qua diễn xuất, đảm bảo sự phù hợp với nội dung xử lý.

Gợi ý cách xử lý ở mỗi tình huống:

– *Tình huống 1:* Hỏi thăm, mời ngồi, mời uống nước,...

– *Tình huống 2:* Đỡ cô lao công, dìu cô đến phòng y tế hoặc báo cho người lớn; phụ dọn đồ trên sàn;...

– *Tình huống 3:* Khuyên bạn Cốm không nên trêu chọc cô bán đồ chơi.

– *Tình huống 4:* Khuyên các bạn nhặt bóng cẩn thận và không giẫm lên rau trong vườn.

Chúng ta phải biết ơn người lao động và nhắc nhở bạn bè, người thân biết ơn người lao động. Khi thực hiện lời nói, việc làm cụ thể thể hiện lòng biết ơn người lao động hay nhắc nhở mọi người biết ơn người lao động, chúng ta cần chú ý ngữ điệu, nét mặt và cử chỉ phù hợp, chân thành.

VẬN DỤNG

Hoạt động 8: Chia sẻ, thực hiện và sưu tầm

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và luyện tập việc thể hiện lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện:

– Chia sẻ những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động. GV có thể tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm đôi, nhóm 4.

– Thực hiện những lời nói, việc làm và nhắc nhở bạn bè, người thân thể hiện lòng biết ơn người lao động. HS có thể tự ghi chép những lời nói, việc làm này vào sổ tay hoặc nhật kí (Lời nói, việc làm gì? Với ai? Khi nào? Cảm xúc của em?).

– *Sưu tầm những câu ca dao, tục ngữ về biết ơn người lao động* (Nhiệm vụ này có thể thực hiện ở lớp, kết hợp với việc sử dụng thiết bị công nghệ. GV cũng có thể tổ chức trò chơi đi *Đi tìm ca dao, tục ngữ*: cho HS tìm các mảnh ghép của các câu ca dao, tục ngữ về biết ơn người lao động và ghép lại).

2. Sau một vài tuần thực hiện, GV có thể tổ chức để HS chia sẻ nhật kí ghi chép lời nói, việc làm và nhắc nhở bạn bè, người thân thể hiện lòng biết ơn người lao động và những câu ca dao, tục ngữ về biết ơn người lao động (có thể dán ở bảng tin, góc học tập của lớp). GV phối hợp cùng với phụ huynh để khuyến khích HS thực hiện. GV thường xuyên nhắc nhở HS thể hiện lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.

3. GV nhận xét và khen ngợi HS.

Gợi ý: Mỗi ngày, chúng ta hãy nhớ cùng với bạn bè và người thân thể hiện lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

Hoạt động 9: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, điều chỉnh được hành vi để thể hiện lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài, tập trung củng cố lại một số biểu hiện thể hiện lòng biết ơn người lao động.

2. Tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của câu nói: *Lòng biết ơn không chỉ là đức tính vĩ đại nhất mà còn là khởi nguồn của mọi đức tính tốt đẹp khác.* (Marcus Tullius Cicero).

3. Tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau bài học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV có thể sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Thường xuyên nhắc nhở con thể hiện lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

2. Làm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc thể hiện lòng biết ơn người lao động. Phản hồi tích cực khi con nhắc nhở người thân thể hiện lòng biết ơn người lao động và hướng dẫn con cách nhắc nhở người khác hoặc cách ứng xử lịch sự.

3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chủ đề: CẢM THÔNG, GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN

Bài 3: Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

Nhân ái: Chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

– *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tích cực thảo luận nhóm và chung sức cùng nhau để thể hiện sự thực hiện việc giúp đỡ người gặp khó khăn.

– *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Xử lý được các tình huống trong thực tiễn để thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với lứa tuổi.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn; Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn; Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu:* SGK, SGV, VBT Đạo đức 4.
- *Thiết bị dạy học:*
 - + Máy tính, máy chiếu, giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp).
 - + Các hình ảnh, tranh minh họa, tình huống thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.
 - + Đồ dùng dành cho trò chơi *Vượt chướng ngại vật*: khăn bịt mắt, chướng ngại vật.

2. Học sinh

- *Tài liệu:* SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- *Dụng cụ:* Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Vượt chướng ngại vật*.

Luật chơi: GV chuẩn bị sân chơi an toàn, bao gồm các chướng ngại vật được sắp xếp trên đường đi. 1 HS bị bịt mắt, 1 HS khác dùng lời hướng dẫn bạn đi từ vạch xuất phát đến vạch đích. Ví dụ: *Sang trái một bước, đi thẳng một bước,...*

2. Sau khi HS tham gia trò chơi, GV đặt câu hỏi để HS suy nghĩ và trả lời:

– Điều gì sẽ xảy ra nếu không có bạn giúp em vượt chướng ngại vật?

– Khi được bạn giúp đỡ để đi đến vạch đích, em cảm thấy như thế nào?

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Các bạn HS bị bịt mắt chính là hình ảnh mô phỏng của những người gặp khó khăn. Trong cuộc sống này, có rất nhiều người gặp phải những hoàn cảnh không may, bất hạnh cần sự cảm thông, giúp đỡ từ người khác. Những hoàn cảnh đó ra sao? Chúng ta nên ứng xử với họ như thế nào? Hãy cùng tìm hiểu bài học “Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn”.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và nêu biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

a. Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc nhóm: GV tổ chức cho HS quan sát tranh và nêu biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. Nếu tổ chức nhóm, GV có thể cho HS hoạt động theo nhóm 4, quan sát tranh trong nhóm và nêu biểu hiện.

2. GV yêu cầu HS/đại diện nhóm nêu biểu hiện sau khi quan sát tranh.

3. GV tạo điều kiện cho HS/các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá quá trình và kết quả hoạt động của các nhóm (chú ý năng lực giao tiếp và hợp tác).

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Qua các tranh, một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn là:

– Tranh 1: Tham gia văn nghệ gây quỹ “Xuân yêu thương”.

- Tranh 2: Chủ động thăm hỏi và chia sẻ với bạn khi bạn gặp khó khăn.
- Tranh 3: Tặng sách cho các bạn ở mái ấm tình thương.
- Tranh 4: Giúp đỡ người lớn tuổi.
- Tranh 5: Giúp đỡ người bị bệnh, khuyết tật (giúp đỡ bạn học).
- Tranh 6: Giúp đỡ người bị tai nạn (em nhỏ bị ngã).

Hoạt động 3: Kể thêm một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

a. Mục tiêu: HS nêu được thêm một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm. Ví dụ: có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi theo kĩ thuật XYZ (2 người, 2 ý kiến, 2 phút), nêu thêm biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. Để tạo hứng thú, GV có thể mở đồng hồ đếm ngược để HS tập trung *công não*.

2. GV mời đại diện từ 3 đến 4 nhóm HS phát biểu và nhận xét lẫn nhau. Để tạo bầu không khí sinh động cho lớp học, GV có thể cho HS thực hiện hoạt động *Trồng táo*: viết đáp án vào giấy ghi chú hình quả táo, dán lên cây táo trên bảng nhóm.

3. GV nhận xét và khen ngợi sự tích cực của HS.

4. GV chốt lại các ý kiến HS nêu thêm và bổ sung, mở rộng thêm một số ý khác.

Gợi ý: GV bổ sung hoặc mở rộng thêm một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn như:

- Dùng tiền tiết kiệm để ủng hộ đồng bào bị lũ lụt.
- Động viên khi bạn có chuyện buồn,...

Hoạt động 4: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc nhóm. GV tổ chức cho HS đọc câu chuyện *Khi nào mẹ về?* hoặc lắng nghe GV đọc. Nếu tổ chức nhóm, GV có thể cho HS hoạt động theo nhóm 4, đọc câu chuyện trong nhóm (có thể đọc phân vai) và trả lời câu hỏi.

2. GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau khi đọc câu chuyện hoặc nghe GV đọc:

- Mẹ Na đã làm gì để giúp đỡ những người bệnh?
- Theo em, vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn?

3. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá hoạt động của HS.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Trong câu chuyện “*Khi nào mẹ về?*”, mẹ của Na đã tình nguyện tham gia chăm sóc, hỗ trợ

bệnh nhân cách li điều trị Covid-19 ở bệnh viện. Mẹ của Na không về nhà vì còn rất nhiều bệnh nhân đang cần sự giúp đỡ.

Chúng ta phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn:

- Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn góp phần làm cho xã hội tốt đẹp hơn.
- Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn là hành vi văn minh, lịch sự; là biểu hiện của lòng nhân ái.
- Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn mang lại niềm vui cho mình và mọi người.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: HS đồng tình với những ý kiến thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn; không đồng tình với những ý kiến không cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS trình bày ý kiến cá nhân. GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình với những ý kiến này?* Qua đó, GV tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến, có thể nêu ví dụ minh họa; các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến cho câu trả lời của bạn. GV nhắc lại ý kiến có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ của HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và kết luận.

Gợi ý:

Đồng tình với những ý kiến thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn: “Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn là việc ai cũng nên làm; Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn góp phần làm cho xã hội tốt đẹp hơn” và không đồng tình với các ý kiến: “Chỉ cần tham gia các hoạt động giúp đỡ người gặp khó khăn do trường tổ chức; Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn để được khen thưởng”.

Hoạt động 6: Bày tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình

a. Mục tiêu: HS đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn; không đồng tình với những lời nói, việc làm không cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học (ví dụ có thể tổ chức trò chơi thi đua theo nhóm bằng hình thức phát cờ/rung chuông giành quyền trả lời để tạo không khí tích cực, vui tươi cho lớp học).

- *Tranh 1*: Dùng tiền tiết kiệm để giúp đỡ các bạn gặp khó khăn (Đồng tình).
- *Tranh 2*: Vận động các bạn giúp đỡ đồng bào bị lũ lụt (Đồng tình).
- *Tranh 3*: Không tham gia quyên góp giúp các bạn vùng lũ (Không đồng tình).
- *Tranh 4*: Nhặt chai nước giúp em nhỏ bị khuyết tật (Đồng tình).
- *Tranh 5*: Giúp bạn viết bài khi bạn bị gãy tay (Đồng tình).
- *Tranh 6*: Tặng đồ chơi cho các em nhỏ ở trại mồ côi (Đồng tình).

2. Sau mỗi tình huống, GV đặt câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng tình huống. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời chưa phù hợp để HS điều chỉnh nhận thức và thái độ.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung tình huống thường gặp ở địa phương để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình.

4. GV kết luận:

Chúng ta cần đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn; không đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện không cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. Khi bày tỏ thái độ không đồng tình, chúng ta cần nhẹ nhàng, lịch sự, thân thiện qua lời nói, nét mặt, cử chỉ,....

Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn là hành vi thể hiện sự văn minh, lịch sự; người biết cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn sẽ được mọi người yêu quý.

Hoạt động 7: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận về cách xử lý tình huống, phân công vai diễn và diễn lại tình huống trước lớp. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận và phân vai diễn cho hợp lí.

2. GV mời HS lần lượt nêu tình huống 1, 2, 3, 4 (SGK, trang 19 – 20) trước lớp trước khi thảo luận. Trong quá trình HS thảo luận nhóm, sắm vai xử lý tình huống, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời từng nhóm lên diễn và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh cách xử lý phù hợp thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

Gợi ý:

– *Tình huống 1*: Giải thích và khuyên Tin cùng giúp đỡ em nhỏ; vận động Tin và mọi người cùng quyên góp đồ dùng học tập tặng em nhỏ này.

– *Tình huống 2*: Cùng Tin đỡ cụ già, nhặt đồ vào giỏ và hỏi thăm sức khỏe của cụ.

– *Tình huống 3*: Dừng đọc truyện, đồng ý sang thăm bà Sáu với Cốm; cảm ơn Cốm vì đã rủ mình tham gia một việc có ý nghĩa.

– *Tình huống 4:* Cảm ơn Na vì đã rủ mình cùng xem phim hoạt hình nhưng từ chối xem phim hoạt hình vì phải tham gia nấu cơm thiện nguyện; rủ Na cùng tham gia nấu cơm thiện nguyện.

Chúng ta phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn và nhắc nhở bạn bè, người thân cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. Khi thực hiện lời nói, việc làm cụ thể thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn hay nhắc nhở mọi người cùng thực hiện, ta cần chú ý ngữ điệu, nét mặt và cử chỉ phù hợp để thể hiện sự chân thành, tôn trọng họ.

Vận dụng

Hoạt động 8: Chia sẻ, lập và thực hiện kế hoạch

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và luyện tập việc thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện:

– *Chia sẻ với bạn những việc em đã và sẽ làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.* GV có thể tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm đôi, nhóm 4 hoặc chơi trò chơi liệt kê nhiều việc làm trong thời gian hạn định (kĩ thuật *Trình bày một phút*).

– *Tổ chức cho HS tìm hiểu những người gặp khó khăn xung quanh (giao nhiệm vụ trước đó, có thể nhờ sự phối hợp của phụ huynh học sinh). Sau đó, tổ chức cho HS trao đổi với bạn về những người gặp khó khăn quanh em và lập kế hoạch giúp đỡ họ.*

Gợi ý:

Kế hoạch giúp đỡ người gặp khó khăn

STT	Người gặp khó khăn	Việc làm	Thời gian	Người thực hiện	Người hỗ trợ
1	Trẻ mồ côi	Tặng sách cũ	Chủ nhật	Cả nhóm	Cô giáo
2	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...

– *Thực hiện kế hoạch giúp đỡ người gặp khó khăn đã đề xuất và chia sẻ với các bạn trong lớp.* Việc thực hiện này có thể tiến hành theo nhóm và vận động sự tham gia của gia đình, các tổ chức xã hội.

2. Sau một vài tuần thực hiện, GV có thể tổ chức để HS chia sẻ kết quả việc giúp đỡ người gặp khó khăn. GV phối hợp cùng với phụ huynh để khuyến khích HS thực hiện. GV thường xuyên nhắc nhở HS thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

3. GV nhận xét và khen ngợi HS.

Gợi ý: Mỗi ngày, chúng ta hãy nhớ cùng với bạn bè và người thân thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

Hoạt động 9: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, điều chỉnh được hành vi để thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài; tập trung củng cố lại một số biểu hiện, lí do phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn và cách thực hiện, nhắc nhở mọi người cùng thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn..

2. Tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của câu tục ngữ: *Thương người như thể thương thân.*

3. Tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau bài học để lượng giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Chia sẻ với con về ý nghĩa của việc cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.
2. Thường xuyên hướng dẫn và nhắc nhở con cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.
3. Đồng hành cùng con trong việc thực hiện lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn: *động viên, cùng quyết tâm góp,...*
4. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chủ đề: YÊU LAO ĐỘNG

Bài 4: Em yêu lao động (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

Chăm chỉ: Tự giác tham gia các công việc chung ở trường, lớp; Tham gia thực hiện công việc trong gia đình và của cộng đồng dân cư phù hợp với lứa tuổi; Tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập của bản thân; Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học: Tự xác định trách nhiệm và nội dung lao động trong đời sống; Tự học hỏi để nâng cao hiệu quả công việc ở trường và ở nhà.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động; Biết vì sao phải yêu lao động; Không đồng tình với những biểu hiện lười lao động.

II. CHUẨN BỊ

Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, VBT Đạo đức 4.
- *Thiết bị dạy học:* Video clip bài hát tự chọn để phục vụ cho trò chơi khởi động, bài giảng điện tử, máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A4, A0 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp), một số mẫu hình ảnh về người yêu lao động gắn gũi trong thực tế, thẻ mặt cười, mặt buồn.

Học sinh

- Tài liệu: SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- *Dụng cụ:* Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Cùng tham gia trò chơi

a. Mục tiêu: HS có hứng thú, tích cực học tập, chia sẻ kinh nghiệm của bản thân và kết nối vào bài học: *Em yêu lao động*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV mở một bài hát vui tươi, phù hợp như bài *Bé quét nhà* (sáng tác: Hà Đức Hậu)

hoặc *Cháu yêu cô chú công nhân* (sáng tác: Hoàng Yến) để tạo nền cho HS chuyển hoa. GV có thể tắt nhạc giữa đoạn bài hát để tạo thêm sự hấp dẫn của trò chơi.

2. Khi nhạc dừng, hoa đang trên tay HS nào thì HS ấy sẽ trả lời nhanh các yêu cầu/câu hỏi:

- *Nêu một số hoạt động lao động em đã làm ở nhà và ở trường.*
- *Cảm xúc của em khi thực hiện các việc đó như thế nào?*

3. GV nhận xét các ý kiến phát biểu của HS, từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS nêu được những biểu hiện của yêu lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, giao nhiệm vụ cho HS: quan sát các tranh trong SGK, trang 22 và thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu: *Nhận xét việc làm của các bạn trong tranh và nêu biểu hiện của yêu lao động qua các bức tranh trên.*

2. Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả thảo luận, mỗi nhóm báo cáo một tranh. Sau mỗi lượt báo cáo, các nhóm HS khác bổ sung ý kiến.

Gợi ý:

<i>Tranh 1:</i> Bạn nhỏ yêu lao động. Biểu hiện: hoàn thành việc nhà rồi mới đi chơi cùng bạn.	<i>Tranh 2:</i> Bạn nhỏ (Bin) không yêu lao động. Biểu hiện: không tham gia trực nhật cùng với các bạn trong lớp.
<i>Tranh 3:</i> Các bạn nhỏ (Tin và Na) rất yêu lao động. Biểu hiện: luôn tích cực tham gia vệ sinh đường làng, ngõ xóm của khu dân cư.	<i>Tranh 4:</i> Bạn nhỏ (Cổm) không yêu lao động. Biểu hiện: ham chơi nên quên làm việc mẹ giao.
<i>Tranh 5:</i> Bạn nhỏ (Bin) không yêu lao động. Biểu hiện: không thực hiện các việc đã ghi trong thời khoá biểu.	<i>Tranh 6:</i> Bạn nhỏ (Na) yêu lao động. Biểu hiện: tích cực hoàn thành các việc ở nhà.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và chốt lại: Các bạn trong tranh 1, 3, 6 rất đáng khen vì đã thể hiện tinh thần yêu quý lao động.

4. GV nêu yêu cầu để HS tiếp tục suy nghĩ và trả lời: *Kể thêm các biểu hiện của yêu lao động.* Với nội dung này, GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật dạy học khác nhau để thực hiện, ví dụ: tổ chức cho HS thi đua trả lời nhanh trong vòng 2 phút bằng kĩ thuật *công não*; hoặc trò chơi *Bắn tên* (một HS nêu một ý, sau đó HS này sẽ chỉ định một bạn khác trả lời, cứ liên tục như vậy để GV thu nhận ý kiến của HS).

5. GV tổng kết và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: Nhận biết được vì sao phải yêu lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV mời HS đọc to câu chuyện *Người trồng nho và các con* trước lớp. Sau đó, GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời:

Người trồng nho đã làm gì để các con hiểu về ý nghĩa của việc lao động chăm chỉ?

Gợi ý: Người trồng nho đã yêu cầu các con phải tự mình đào xới rất kĩ đất ở khu vườn trồng nho. (GV có thể linh hoạt đặt thêm câu hỏi để khai thác tư duy HS từ nội dung câu chuyện.)

2. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao phải yêu lao động?*

3. GV mời lần lượt một vài nhóm HS trả lời trước lớp và HS nhận xét lẫn nhau. GV nhận xét, khen ngợi HS.

Gợi ý thêm: GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật dạy học khác nhau ở bước này. Ví dụ, kĩ thuật *công não viết*: GV làm các thẻ ghi ý kiến phát cho HS, mỗi HS ghi 1 hoặc 2 ý kiến lên thẻ, sau đó sẽ đính chung vào một tờ giấy A0 trên bảng. Để HS hứng thú, GV có thể cắt thẻ ý kiến thành hình quả táo và dán lên hình vẽ cây táo trên bảng. Hoặc tạo thẻ ý kiến hình đám mây, hoa lá, mặt trời,... dán lên bức tranh trên bảng. Sau đó, GV chọn những ý kiến hay để phân tích và giảng giải rõ hơn cho HS.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Chúng ta cần phải yêu lao động là vì:

- Yêu lao động giúp em trân quý thành quả lao động của bản thân và người xung quanh.
- Yêu lao động giúp rèn luyện cho mình đức tính tiết kiệm, chăm chỉ, cần cù, nhẫn nại.
- Yêu lao động giúp mai sau có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.
- Yêu lao động để đỡ đần bố mẹ, người thân trong gia đình,...

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: HS được củng cố tri thức về biểu hiện, ý nghĩa của yêu lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chiếu lên màn hình lần lượt các ý kiến hoặc nêu từng ý kiến cho HS vừa lắng nghe vừa theo dõi trong SGK.

2. HS dùng thẻ mặt cười, mặt buồn để trả lời. Nếu đúng, giơ mặt cười; nếu sai, giơ mặt buồn (GV có thể linh hoạt thay mặt cười, mặt buồn thành các hình thức trả lời khác để phù hợp với điều kiện lớp học).

3. Sau mỗi câu trả lời, GV yêu cầu HS giải thích và kết luận.

Gợi ý:

Ý kiến 1: Đúng. Vì chăm chỉ, siêng năng là biểu hiện yêu lao động.	Ý kiến 2: Đúng. Vì người yêu lao động sẽ luôn có quyết tâm hoàn thành công việc đúng tiến độ và có chất lượng.
Ý kiến 3: Đúng. Vì yêu lao động là luôn tự giác làm việc.	Ý kiến 4: Đúng. Vì yêu lao động giúp con người làm ra được nhiều của cải vật chất, làm giàu cho bản thân và xã hội.
Ý kiến 5: Sai. Vì chỉ có chơi bời, lười biếng mới làm lãng phí thời gian.	Ý kiến 6: Đúng. Vì đó là những thói hư, tật xấu cần phải phê phán.

Hoạt động 5: **Bày tỏ thái độ đồng tình, không đồng tình với lời nói, việc làm cụ thể**

a. Mục tiêu: HS được củng cố tri thức về biểu hiện, ý nghĩa của yêu lao động, biết đồng tình với những biểu hiện yêu lao động và không đồng tình với những biểu hiện lười lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động này theo hình thức làm việc toàn lớp. GV lần lượt chiếu hai bức tranh lên màn hình, mời HS miêu tả bằng lời từng tình huống trong SGK, trang 24. Với mỗi tranh xuất hiện, HS giơ thẻ cảm xúc thể hiện đồng tình (mặt cười) hoặc không đồng tình (mặt buồn). GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

2. Ở mỗi tình huống, GV đặt câu hỏi *Vì sao đồng tình hoặc không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng tình huống. Với những câu trả lời sai của HS, GV nhắc lại các tình huống, đưa ra lời giải thích để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

Tình huống 1: Đồng tình với lời nói của bạn nữ (Na) vì bạn luôn tích cực trong công việc chung. Không đồng tình với suy nghĩ của bạn nam (Bin) vì đó là biểu hiện của sự lười biếng.	Tình huống 2: Đồng tình với việc làm của bạn nữ (Cổm) vì bạn đã tích cực làm việc và hoàn thành các công việc được giao. Không đồng tình với lời nói của em gái nhỏ vì đó là biểu hiện của sự lười biếng, không làm những công việc đã được phân công.
--	--

3. GV nhận xét, khen ngợi sự tích cực của HS và bổ sung thêm các tình huống thực tiễn gần gũi với tâm lý của HS để bày tỏ thái độ đồng tình với những lời nói, hành động thể hiện việc yêu lao động; không đồng tình với lời nói, hành động lười lao động.

Hoạt động 6: **Đưa ra lời khuyên cho bạn**

a. Mục tiêu: HS đánh giá được hành vi liên quan đến yêu lao động hoặc lười lao động để điều chỉnh hành vi của mình trong cuộc sống cho đúng đắn.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, giao nhiệm vụ: đọc lần lượt từng tình huống và đưa ra lời khuyên cho các nhân vật. GV nên phân công tình huống cho các nhóm hoặc mỗi nhóm chọn 1 trong 2 tình huống trong SGK.

2. Với mỗi tình huống, GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày ý kiến, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung cho bạn (GV có thể đưa ra các câu hỏi dẫn dắt: *Vì sao chúng ta chán nản khi lao động? Để tránh điều đó, chúng ta cần làm gì? Khi chúng ta đang làm việc mà có bạn rủ tham gia những trò chơi hấp dẫn, chúng ta cần làm gì để thể hiện sự yêu lao động?,...*).

Gợi ý:

– *Tình huống 1:* Em sẽ khuyên Na cần tích cực thực hiện nhiệm vụ, nhìn vào tấm gương của những bạn tích cực để vượt qua sự chán nản. Hãy nghĩ đến vườn trường sẽ xanh, sạch, đẹp khi cỏ được nhổ để thêm phần khởi lúc làm việc.

– *Tình huống 2:* Em sẽ khuyên Tin nói Bin chờ mình làm xong những công việc được giao rồi sẽ cùng chơi. Tin cũng có thể nhờ Bin cùng phụ giúp mình hoàn thành sớm các việc, sau đó sẽ cùng chơi.

3. GV tổng kết hoạt động và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Thực hành và chia sẻ

a. Mục tiêu: HS chia sẻ với bạn bè những việc đã làm trong thực tế để thể hiện tình yêu lao động của bản thân. Từ đó có thể tự đánh giá quá trình rèn luyện của bản thân và đánh giá hành vi của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hành, rèn luyện yêu lao động qua các việc làm cụ thể ở trường, ở nhà và nhắc nhở bạn bè, em nhỏ có biểu hiện lười lao động trong học tập, sinh hoạt.

2. GV tổ chức cho HS chia sẻ sau một vài tuần thực hiện để kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện hành vi đạo đức của các em.

Gợi ý: GV có thể sử dụng một số câu hỏi để đánh giá HS như:

– *Ngoài việc học, em đã tham gia những công việc nào ở trường và ở nhà?*

– *Em đã thể hiện tình yêu lao động khi thực hiện những công việc đó như thế nào?*

– *Em có cảm xúc như thế nào mỗi khi hoàn thành các công việc?*

3. GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp, các HS khác lắng nghe, góp ý.

4. GV nhận xét, đưa ra lời khuyên (nếu có) để HS có thể nâng cao hơn nữa tình yêu đối với lao động.

5. GV tổng kết hoạt động.

Hoạt động 8: Sưu tầm những hình ảnh về người yêu lao động quanh em

a. Mục tiêu: HS củng cố lại kiến thức, thái độ về biết ơn người lao động, rèn luyện năng lực tự chủ – tự học.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giới thiệu một số hình ảnh về người yêu lao động quanh mình trong thực tế cuộc sống để HS hình dung rõ hơn về chủ đề sưu tầm. Sau đó, GV tổ chức cho HS chia nhóm và giao nhiệm vụ:

- Sưu tầm và chọn lọc hình ảnh.
- Lựa chọn cách trình bày, thuyết minh về những sản phẩm sưu tầm được.
- Xây dựng kế hoạch thực hiện.

2. HS thực hiện hoạt động và báo cáo kết quả, nhận xét lẫn nhau.

3. GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm.

Lưu ý: Đây là hoạt động cần thời gian và không gian nên GV hướng dẫn HS lập kế hoạch hoạt động tại lớp, còn việc thực hiện kế hoạch diễn ra trong thời gian ngoài giờ lên lớp và báo cáo kết quả vào các tiết học sau để kết nối vào bài 5.

Hoạt động 9: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại được những kiến thức, kĩ năng đã được học; liên hệ và điều chỉnh được việc làm của bản thân khi tham gia lao động trong thực tế cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV nêu các câu hỏi cho HS chia sẻ:

- Em đã học được gì qua bài học này?
- Em thấy mình cần thay đổi điều gì trong suy nghĩ và hành động để trở nên yêu quý lao động hơn trong cuộc sống?

GV có thể linh hoạt thiết kế trò chơi để ôn tập kiến thức cho HS trước khi chuyển qua bài học tiếp theo.

2. GV tổ chức cho HS cùng đọc câu danh ngôn ghi nhớ, tổng kết các kiến thức, kĩ năng liên quan đến biểu hiện, ý nghĩa của yêu lao động:

Người lao động là người hạnh phúc. Người nhàn rỗi mới là người khổ. (Benjamin Franklin)

3. GV dặn dò HS về nhà:

- Thực hiện thường xuyên các việc làm thể hiện yêu lao động trong công việc ở nhà.
- Nhắc nhở bạn bè và em nhỏ chăm chỉ, siêng năng trong lao động.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để cùng phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Thường xuyên nhắc nhở con thực hiện có hiệu quả và chất lượng những công việc học tập và việc nhà phù hợp với lứa tuổi.
2. Làm gương để con quan sát, học hỏi theo sự siêng năng, chăm chỉ, nhẫn nại, cần cù trong công việc.
3. Bày tỏ niềm vui và tiếp tục động viên khi con yêu lao động và có biện pháp nhắc nhở, chỉ bảo, gợi ý cách khắc phục nếu con chưa yêu lao động qua các việc làm cụ thể.
4. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Bài 5: Em tích cực tham gia lao động (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Nhân ái*: Quý trọng người yêu lao động.
- *Chăm chỉ*: Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

Tự chủ và tự học: Tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện quý trọng người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT Đạo đức 4.
- *Thiết bị dạy học*:
 - + Máy tính, máy chiếu (nếu có), giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp).
 - + Các hình ảnh minh họa tình huống thể hiện lòng biết ơn người lao động.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.
- *Sưu tầm* những bức ảnh về người yêu lao động.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Chia sẻ

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em tích cực tham gia lao động*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS sưu tầm những bức ảnh về người yêu lao động (hướng dẫn ở tiết học trước để HS chuẩn bị).

2. GV mời 2, 3 HS xung phong chia sẻ về bức ảnh đã sưu tầm. GV đưa ra một số hướng dẫn để HS trình bày rõ ràng:

- Trình bày được nghề nghiệp của người trong tranh.
- Lí giải lí do vì sao em chọn bức tranh này.
- Nêu các điều em học được từ người yêu lao động ở trong tranh.

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Người yêu lao động đã góp phần làm cuộc sống của con người tốt đẹp hơn. Chúng ta cần phải quý trọng người yêu lao động bằng những lời nói, việc làm cụ thể, thường ngày.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và cho biết bạn nào tích cực, tự giác tham gia lao động

a. Mục tiêu: HS nêu được biểu hiện tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SGK, trang 25, 26. GV đặt câu hỏi cho từng tranh: *Bạn nào tích cực, tự giác tham gia lao động?*

2. Với mỗi tranh, GV mời 1 – 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và điều chỉnh lại những ý kiến HS nêu chưa chính xác.

4. GV yêu cầu HS: *Kể thêm các biểu hiện tích cực, tự giác trong lao động.* GV có thể tổ chức cho HS thi đua theo tổ để nêu nhanh các ý kiến.

5. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Tích cực, tự giác tham gia lao động là chủ động làm việc, không ngại khó khăn, không chờ người lớn nhắc nhở. Các em chủ động hoàn thành các nhiệm vụ ở trường, ở nhà và chủ động giúp đỡ gia đình các việc làm vừa sức với bản thân.

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải tích cực, tự giác tham gia lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện *Con lừa lười biếng* trong SGK, trang 26 và mời HS đọc diễn cảm câu chuyện. Các HS còn lại lắng nghe bạn đọc.

2. Sau khi HS đọc xong câu chuyện, GV đặt câu hỏi và tổ chức cho HS tham gia trò chơi *Bắn tên*. Cách chơi: sau khi HS đầu tiên trả lời, HS này có quyền mời một bạn khác để trả lời câu hỏi tiếp theo của GV, liên tục đến khi hết các câu hỏi:

- Lúc đầu, con lừa làm việc như thế nào?
- Sau khi được ông chủ dạy cho một bài học, con lừa đã thay đổi như thế nào?
- Theo em, tự giác, tích cực trong lao động sẽ đem lại điều gì?

3. Sau khi HS chia sẻ xong, GV ghi nhận các ý kiến HS chia sẻ và tổng kết hoạt động.
4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Ý nghĩa của việc tự giác, tích cực trong lao động:

- Tự giác, tích cực lao động mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn.
- Tự giác, tích cực lao động giúp bản thân tìm được niềm vui trong lao động và được mọi người yêu mến, quý trọng.
- Tự giác, tích cực lao động giúp phát triển kỹ năng làm việc cho bản thân.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: HS đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện tích cực tham gia lao động; không đồng tình với những lời nói, việc làm thể hiện không tích cực tham gia lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS trình bày ý kiến. GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học, ví dụ giơ thẻ mặt cười cho sự đồng tình và giơ thẻ mặt buồn cho sự không đồng tình.

Các ý kiến:

– Ý kiến 1: *Cần quý trọng người yêu lao động vì họ có trách nhiệm với công việc và giúp cho xã hội phát triển.* → Đồng tình

– Ý kiến 2: *Không cần quý trọng người yêu lao động vì họ chỉ làm việc cho bản thân mình.*
→ Không đồng tình

– Ý kiến 3: *Chỉ tự giác lao động khi làm những việc mà mình thích.* → Không đồng tình

– Ý kiến 4: *Cần chủ động, nỗ lực khi làm việc, không ngại khó khăn.* → Đồng tình

2. Sau mỗi ý kiến, GV đặt câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình với những ý kiến này?* Qua đó, GV tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến, có thể nêu ví dụ minh họa. GV nhắc lại ý kiến có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và tổng kết hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Các ý kiến đồng tình với lời nói, hành vi thể hiện tích cực tham gia lao động. Cần quý trọng người yêu lao động vì họ có trách nhiệm với công việc và giúp cho xã hội phát triển; cần chủ động, nỗ lực khi làm việc, không ngại khó khăn.

Hoạt động 5: Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để thực hành việc quý trọng người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, các nhóm đôi ngồi bên tay trái bàn GV thảo luận tình huống 1 và các nhóm đôi ngồi bên tay phải bàn GV thảo luận tình huống 2 trong SGK, trang 27. GV nêu nhiệm vụ: Đọc thầm tình huống, sau đó thảo luận để trả lời 2 câu hỏi được nêu trong mỗi tình huống.

2. GV mời 2 – 4 nhóm đôi HS nêu tình huống trước lớp và trả lời câu hỏi trong mỗi tình huống. Các nhóm còn lại bổ sung, nhận xét nhóm trình bày.

3. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại nguyên tắc thể hiện trong tình huống cũng như các nguyên tắc khác đã được học trong bài, nhắc nhở HS tuân thủ thường xuyên để trở thành thói quen.

Gợi ý:

– *Tình huống 1:* Na biết quý trọng người yêu lao động nhưng Bin thì không. Em sẽ khuyên Bin tích cực tham gia và hoàn thành các nhiệm vụ của Câu lạc bộ Đọc sách.

– *Tình huống 2:* Cốm quý trọng người yêu lao động vì cảm phục bác hàng xóm. Cốm có thể khen ngợi, động viên và bày tỏ sự cảm phục của mình với bác hàng xóm.

Chúng ta cần quý trọng người yêu lao động và nhắc nhở bạn bè, người thân biết ơn người yêu lao động.

Hoạt động 6: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện tính tự giác, tích cực tham gia lao động.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia lớp thành 4 nhóm, bốc thăm ngẫu nhiên để nhận tình huống 1 hoặc 2 trong SGK, trang 28 (hai nhóm cùng thảo luận một tình huống). GV hướng dẫn các nhóm thảo luận về cách xử lý tình huống, phân công vai diễn để sắm vai xử lý tình huống trước lớp.

2. GV mời một nhóm lên sắm vai xử lý tình huống 1, nhóm còn lại nhận xét và bổ sung. Sau đó, mời nhóm khác lên sắm vai xử lý tình huống 2, nhóm còn lại nhận xét và bổ sung.

3. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại biểu hiện của tự giác, tích cực tham gia lao động đã được học trong bài, nhắc nhở HS rèn luyện thường xuyên để trở thành thói quen.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Chia sẻ và lập kế hoạch

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và luyện tập việc quý trọng người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện: *Chia sẻ với các bạn những việc em đã tích cực, tự giác thực hiện ở nhà, ở trường phù hợp với khả năng của bản thân.*

2. GV hướng dẫn HS lập kế hoạch lao động trong tuần:

Thứ	Thời gian thực hiện	Công việc	Kết quả thực hiện
Thứ Hai			
Thứ Ba			
Thứ Tư			
Thứ Năm			
Thứ Sáu			
Thứ Bảy			
Chủ nhật			

3. Sau một vài tuần thực hiện, GV có thể tổ chức để HS chia sẻ với các bạn những việc em đã tích cực, tự giác thực hiện ở nhà, ở trường phù hợp với khả năng của bản thân hoặc chia sẻ về việc thực hiện kế hoạch lao động trong tuần vừa qua của em. GV phối hợp cùng với phụ huynh để khuyến khích HS thực hiện. GV thường xuyên nhắc nhở HS thể hiện lòng quý trọng người yêu lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.

4. GV nhận xét và khen ngợi kết quả thực hiện kế hoạch lao động trong tuần của HS.

Hoạt động 8: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học về quý trọng người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi và tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài, tập trung củng cố lại một số biểu hiện thể hiện lòng quý trọng người yêu lao động.

2. GV tổ chức cho HS đọc câu ca dao cuối bài hoặc mở rộng thêm một số câu ca dao, tục ngữ liên quan đến nội dung bài học để HS khắc sâu tri thức đạo đức:

*Muốn no thì phải chăm làm,
Một hạt thóc vàng, chín giọt mồ hôi.*

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để cùng phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Nhắc nhở con thể hiện quý trọng người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.
2. Tổ chức và giao nhiệm vụ, tạo điều kiện để con tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.
3. Thường xuyên hướng dẫn và nhắc nhở con khi có biểu hiện không quý trọng người yêu lao động và lười lao động.
4. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chân trời sáng tạo

Chủ đề: TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC

Bài 6: Em tôn trọng tài sản của người khác (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

Trung thực: Có ý thức tôn trọng tài sản của người xung quanh; Thể hiện được thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói, việc làm cụ thể, phù hợp trong đời sống hằng ngày; Thật thà trong việc bảo vệ, giữ gìn tài sản của người khác.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xử lý được một cách đúng đắn và linh hoạt các tình huống liên quan đến việc tôn trọng tài sản của người khác.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác; Biết vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác; Thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp; Nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác.

II. CHUẨN BỊ

Giáo viên

- *Tài liệu:* SGK, SGV, VBT Đạo đức 4.
- *Thiết bị dạy học:* Bài giảng điện tử, máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A4, A0 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp), thẻ mặt cười, mặt buồn.

Học sinh

- *Tài liệu:* SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- *Dụng cụ:* Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Khai thác trải nghiệm

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập thông qua việc khai thác kinh nghiệm, sự hiểu biết của HS về những việc đã làm thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV lần lượt đặt 2 câu hỏi cho cả lớp:
 - Em từng mượn đồ vật nào từ bạn bè, người thân?

– Khi mượn đồ vật của người khác, em cần làm gì?

2. HS trả lời từ trải nghiệm của các em và cả lớp tranh luận, bổ sung.

3. GV nhấn mạnh: Trong cuộc sống, trong quá trình giúp đỡ nhau, chúng ta thường mượn hoặc sử dụng đồ đạc của nhau. Một người lịch sự, văn minh rất cần có thái độ và việc làm đúng đắn đối với tài sản mình mượn. Đó là một trong những biểu hiện của trách nhiệm phải biết tôn trọng tài sản của người khác.

4. GV tổng kết những trải nghiệm của HS và từ đó dẫn dắt vào chủ đề bài học.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, giao nhiệm vụ cho HS: quan sát các tranh trong SGK, trang 29 và thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu:

– Nhận xét việc làm của các bạn trong tranh.

– Nêu biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác qua những bức tranh.

2. GV lần lượt chiếu từng bức tranh lên màn hình và tổ chức cho HS thảo luận nhanh để thống nhất đáp án trước khi cử đại diện trình bày kết quả. Các nhóm HS khác bổ sung ý kiến.

Gợi ý:

Tranh 1: Bạn nhỏ biết tôn trọng tài sản của người khác. Biểu hiện: Hỏi mượn khi muốn dùng đồ vật của chị.

Tranh 2: Các bạn nhỏ không tôn trọng tài sản của người khác. Biểu hiện: Hái trái cây của người hàng xóm mà không xin phép.

Tranh 3: Bạn nhỏ biết tôn trọng tài sản của người khác. Biểu hiện: Nhặt được của rơi đã trả lại cho người làm rơi.

Tranh 4: Bạn nhỏ không tôn trọng tài sản của người khác. Biểu hiện: Tự ý sử dụng và làm hư hại đồ dùng của bạn.

3. GV nêu yêu cầu để HS tiếp tục suy nghĩ và trả lời: *Kể thêm biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác trong cuộc sống* (với nội dung này, GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật dạy học khác nhau để thực hiện).

Gợi ý:

– Nhắc nhở khi đồ đạc của ai đó sắp bị rơi hoặc mất.

– Giữ gìn và trả lại tài sản cho bạn khi bạn bỏ quên trên lớp học.

– Không tự ý xem nhật kí của người khác,...

4. GV nhận xét, khen ngợi HS, tổng kết hoạt động và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS nhận biết được vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV mời HS đọc to câu chuyện *Chiếc vòng tay* trước lớp. Sau đó, GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời:

- Na cảm thấy như thế nào khi làm vỡ chiếc vòng của Cốm?
- Sau khi nghe lời khuyên của mẹ, Na đã làm gì?

Gợi ý:

- Na cảm thấy rất buồn và hối hận khi vô ý làm hư hỏng tài sản mình mượn của bạn.
- Na chủ động gặp, xin lỗi Cốm và đền cho bạn chiếc vòng tay rất đẹp của mình.

2. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao cần phải tôn trọng tài sản của người khác?*

3. GV mời lần lượt một vài nhóm HS trả lời trước lớp và cho HS nhận xét lẫn nhau. GV nhận xét, khen ngợi HS.

Gợi ý thêm: GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật dạy học khác nhau ở bước này. Ví dụ, kĩ thuật *công não viết*: GV làm các thẻ ghi ý kiến phát cho HS, mỗi HS ghi 1 hoặc 2 ý kiến lên thẻ, sau đó sẽ dính chung vào một tờ giấy A0 trên bảng. Để HS hứng thú, GV có thể cắt thẻ ý kiến thành hình quả táo và dán lên hình vẽ cây táo trên bảng. Hoặc tạo thẻ ý kiến hình đám mây, hoa lá, mặt trời,... dán lên bức tranh trên bảng. Sau đó, GV chọn những ý kiến hay để phân tích và giảng giải rõ hơn cho HS.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Chúng ta cần phải tôn trọng tài sản của người khác là vì:

- Tài sản của ai cũng là kết quả của lao động khó nhọc mới làm ra được.
- Tôn trọng tài sản của người khác thể hiện sự quan tâm, yêu thương và mang lại nhiều niềm vui cho mình và người xung quanh.
- Tôn trọng tài sản của người khác thể hiện đức tính thật thà, trung thực của mỗi người.
- Tôn trọng tài sản của người khác cũng thể hiện sự trân quý thành quả lao động.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: HS được củng cố tri thức về biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác và lí do phải tôn trọng tài sản của người khác; thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chiếu lên màn hình lần lượt các ý kiến.

2. HS dùng thẻ mặt cười, mặt buồn để trả lời. Nếu đúng, giơ thẻ mặt cười; nếu sai, giơ

thể mặt buồn (GV có thể linh hoạt thay mặt cười, mặt buồn thành các hình thức trả lời khác để phù hợp với điều kiện lớp học).

3. Sau mỗi câu trả lời, GV yêu cầu HS giải thích và kết luận:

Gợi ý:

<i>Ý kiến 1:</i> Đúng. Vì đó là những đức tính tốt đẹp khi chúng ta biết tôn trọng tài sản của nhau.	<i>Ý kiến 2:</i> Sai. Vì không chỉ cần nhận lỗi và sửa lỗi khi làm hư hỏng, mất đồ dùng của người thân mà còn phải ứng xử như vậy đối với tất cả mọi người.
<i>Ý kiến 3:</i> Sai. Chúng ta cần phải hỏi mượn trước và nhận được sự đồng ý rồi mới sử dụng.	<i>Ý kiến 4:</i> Đúng. Vì đó là việc cần làm để thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác.

Hoạt động 5: Bày tỏ thái độ đồng tình, không đồng tình với lời nói, việc làm cụ thể

a. Mục tiêu: HS được củng cố tri thức về biểu hiện và ý nghĩa của việc tôn trọng tài sản của người khác; thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp; nhận xét và đánh giá việc làm của người khác liên quan đến việc tôn trọng tài sản.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động này theo hình thức cả lớp. GV lần lượt chiếu bốn bức tranh trong SGK, trang 31 lên màn hình, mời HS miêu tả bằng lời từng việc làm trong tranh. Với mỗi tranh xuất hiện, HS giơ thẻ cảm xúc thể hiện đồng tình (mặt cười) hoặc không đồng tình (mặt buồn). GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

2. Ở mỗi việc làm, GV đặt câu hỏi vì sao đồng tình hoặc không đồng tình để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng việc làm. Với những câu trả lời sai của HS, GV nhắc lại các tình huống, đưa ra lời giải thích để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

<i>Việc làm 1:</i> Không đồng tình với bạn nhỏ (Cổm). Vì Cổm đã không xin phép mà tự ý sử dụng đồ dùng của chị.	<i>Việc làm 2:</i> Đồng tình với bạn nhỏ (Tin). Vì việc làm đó thể hiện sự bảo quản, giữ gìn tài sản mà mình đã mượn để sử dụng.
<i>Việc làm 3:</i> Không đồng tình với việc làm của bạn nhỏ (Bin). Vì khi làm hư hại tài sản của người khác phải xin lỗi và bồi thường.	<i>Việc làm 4:</i> Không đồng tình với việc làm của bạn nhỏ (Cổm). Vì việc làm đó là tự ý động vào đồ dùng của người khác mà không xin phép và xâm phạm quyền riêng tư của họ.

3. GV nhận xét, khen ngợi sự tích cực của HS và bổ sung thêm các tình huống thực tiễn gần gũi với tâm lý của HS để các em bày tỏ thái độ đồng tình với những biểu hiện biết tôn trọng tài sản của người khác và không đồng tình với những biểu hiện không tôn trọng tài sản của người khác.

Hoạt động 6: Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: Đánh giá được việc làm liên quan đến tôn trọng tài sản của người khác để điều chỉnh hành vi của mình và nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ: sắm vai để xử lý tình huống. Thời gian thảo luận khoảng 10 phút. GV cần tổ chức cho HS nêu và tìm hiểu về nội dung cơ bản của tình huống trước khi bắt đầu thảo luận. Mỗi tình huống có 2 nhóm thảo luận. Trong quá trình thảo luận nhóm, GV quan sát để tư vấn, hướng dẫn kịp thời.

2. Với mỗi tình huống, GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày ý kiến thông qua sắm vai, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung cho bạn (GV có thể đưa ra thêm câu hỏi *Vì sao em lại ứng xử như vậy?*).

Gợi ý sắm vai xử lý:

– *Tình huống 1:* Em không tán thành việc làm của Bin. Vì như vậy là không tôn trọng tài sản của bạn. Em sẽ khuyên Bin chân thành xin lỗi Tin, rút kinh nghiệm và tìm cách mua lại cuốn truyện khác để bồi thường cho bạn.

– *Tình huống 2:* Em tán thành việc làm của Na sau khi làm hỏng chiếc ô. Em sẽ khuyên Na lần sau khi mượn đồ dùng của ai phải giữ gìn, bảo quản cẩn thận.

– *Tình huống 3:* Em không tán thành suy nghĩ của Cốm. Vì tài sản dù có giống nhau nhưng là của riêng của mỗi người. Em sẽ khuyên Cốm cùng với Na đổi lại áo cho nhau.

3. GV tổng kết hoạt động và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Hoạt động 7: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS đánh giá được hành vi liên quan đến việc tôn trọng tài sản của người khác để điều chỉnh hành vi của bản thân.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, giao nhiệm vụ: đọc lần lượt từng tình huống và thảo luận, thống nhất đưa ra cách xử lý của mình.

2. Với mỗi tình huống, GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày ý kiến, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung cho bạn (GV có thể đưa ra thêm câu hỏi *Vì sao em lại ứng xử như vậy?*).

Gợi ý:

– *Tình huống 1:* Em sẽ cố gắng tìm đôi giày của mình. Nếu cần đôi giày mới của anh trai, Bin phải xin phép mượn và được đồng ý mới sử dụng.

– *Tình huống 2:* Em sẽ lấy và bảo quản chiếc kẹp tóc cẩn thận và tìm cách gửi nó lại cho người bỏ quên như nhờ thầy/cô tổng phụ trách Đội hoặc GV chủ nhiệm.

– *Tình huống 3:* Em sẽ nhắc Bin dừng ngay việc làm ấy, xin lỗi bạn và giặt sạch chiếc mũ để trả lại cho bạn.

3. GV tổng kết hoạt động và nhấn mạnh những cách ứng xử như trên là thể hiện rõ sự tôn trọng tài sản của người khác.

VẬN DỤNG

Hoạt động 8: Chia sẻ và nhắc nhở

a. Mục tiêu: HS thực hành, rèn luyện sự tôn trọng tài sản của người khác trong cuộc sống và biết nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ cho HS rèn luyện, sau đó có thể tổ chức hoạt động qua nhiều hình thức (trò chơi, vấn đáp, thảo luận nhóm đôi,...) để thực hiện yêu cầu/trả lời câu hỏi:

– Kể lại những lời nói, việc làm thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác mà em đã thực hiện.

– Em đã nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác như thế nào?

– Em có cảm xúc như thế nào khi thực hiện những việc làm đó?

2. GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp, các HS khác lắng nghe, góp ý.

GV có thể mở rộng thêm:

Ngoài những biểu hiện đã được học, còn có một số biểu hiện chưa tôn trọng tài sản của người khác như:

– Mượn đồ dùng của bạn nhưng không trả vì nghĩ rằng bạn đã quên.

– Thấy quyển truyện tranh trên bàn học không biết của ai nhưng lấy về đọc.

– Qua nhà bạn chơi, tự ý lấy sách trên giá sách của bạn để đọc.

– Nhặt được của rơi không trả lại cho người làm mất.

– Đọc lén thư từ, tin nhắn của bạn,...

3. GV tổng kết hoạt động.

Hoạt động 9: củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã được học; liên hệ và điều chỉnh được việc làm của bản thân để luôn biết tôn trọng tài sản của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV dùng phương pháp vấn đáp yêu cầu HS nhắc lại một số biểu hiện của việc tôn trọng tài sản của người khác hoặc có thể linh hoạt tổ chức trò chơi *Đố vui* để củng cố kiến thức trong bài học.

3. GV tổ chức cho HS nêu cảm nhận sau bài học, lượng giá, rút kinh nghiệm và dặn dò HS thường xuyên thực hiện và nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện những việc làm thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác với những câu hỏi gợi ý như:

– Em đã học được gì qua bài học này?

– Em thấy mình cần thay đổi điều gì trong suy nghĩ và hành động để góp phần thực hiện tốt hơn việc tôn trọng tài sản của người khác?

4. Hướng dẫn HS hoàn thành các bài tập trong VBT Đạo đức 4.

5. GV tổ chức cho HS đọc câu thơ cuối trang 33 trong SGK và nêu câu hỏi giúp HS tìm hiểu ý nghĩa câu thơ:

*Tôn trọng tài sản của người
Mượn – trả đúng hẹn, nhớ lời cảm ơn.*

6. GV dẫn dò HS về nhà:

- Luôn hỏi ý kiến của người khác khi muốn sử dụng đồ dùng, vật dụng của họ.
- Khi mượn phải bảo quản, giữ gìn cẩn thận.
- Nhắc nhở bạn bè và người xung quanh tôn trọng tài sản của mọi người.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Thường xuyên nhắc nhở con về ý nghĩa của việc tôn trọng tài sản của người khác trong sinh hoạt và cuộc sống. Nhấn mạnh đó là việc cần làm để thể hiện con người văn minh, lịch sự, được mọi người quý trọng, yêu mến.
2. Cùng con thực hiện những việc làm thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác như: bảo vệ tài sản của nhau; không tự ý lấy dùng đồ đạc thuộc sở hữu của người thân; khi mượn phải bảo quản, giữ gìn cẩn thận.
3. Làm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc tôn trọng tài sản của người khác. Tài sản nào dù thuộc sở hữu của con cái cũng cần được tôn trọng.
4. Quan sát cách con thể hiện việc tôn trọng tài sản của người khác thông qua thái độ, lời nói, việc làm và có những hướng dẫn, nhắc nhở, điều chỉnh, động viên con khi cần thiết.
5. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chân trời sáng tạo

Chủ đề: BẢO VỆ CỦA CÔNG

Bài 7: Em bảo vệ của công (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

Trách nhiệm: Có ý thức và tự giác bảo vệ những tài sản chung ở xung quanh mình và nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công; Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

– *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tích cực thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập; Chung sức cùng bạn thực hiện việc bảo vệ của công phù hợp với lứa tuổi.

– *Năng lực tự chủ và tự học:* Tự giác thực hiện những việc làm để bảo vệ của công; Biết học hỏi để biết sử dụng và bảo vệ của công ngày một tiết kiệm và bền hơn.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ của công; Biết vì sao phải bảo vệ của công; Có những việc làm cụ thể để bảo vệ của công; Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu:* SGK, SGV, VBT Đạo đức 4.
- *Thiết bị dạy học:* Video clip bài hát *Em yêu trường em*; bài giảng điện tử, máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A4, A0 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp), thẻ mặt cười, mặt buồn.

2. Học sinh

- *Tài liệu:* SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- *Dụng cụ:* Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Nghe bài hát *Em yêu trường em* và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS tích cực, hứng thú chia sẻ kinh nghiệm và có tâm thế sẵn sàng vào bài học mới: *Em bảo vệ của công*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV nêu câu hỏi định hướng: *Bạn nhỏ trong bài hát yêu quý những gì ở ngôi trường của mình?* Sau đó, cho HS nghe bài hát *Em yêu trường em* (Nhạc và lời: Hoàng Vân). GV tổ chức cho HS vỗ tay hoặc nhún nhảy theo giai điệu để tạo không khí vui vẻ, tích cực.

2. GV mời HS xung phong trả lời câu hỏi và cho HS nhận xét lẫn nhau.

3. GV tổ chức cho HS liên hệ bản thân và chia sẻ trước lớp:

– *Tất cả những gì ở ngôi trường của chúng ta là tài sản của ai?*

– *Vì sao chúng ta rất cần phải bảo vệ những tài sản đó?*

GV nhận xét các ý kiến chia sẻ của HS, từ đó dẫn dắt vào chủ đề bài học.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS nêu được những biểu hiện của bảo vệ của công.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, giao nhiệm vụ cho HS: quan sát các tranh trong SGK, trang 34 – 35 và thảo luận nhóm để *nhận xét việc làm của các nhân vật trong tranh và nêu biểu hiện của bảo vệ của công qua các bức tranh trên.*

2. Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả thảo luận, mỗi nhóm báo cáo một tranh. Sau mỗi lượt báo cáo, các nhóm HS khác bổ sung ý kiến.

Gợi ý:

<i>Tranh 1:</i> Các bạn nhỏ biết bảo vệ của công. Biểu hiện: Cùng nhau làm vệ sinh chăm sóc, làm đẹp khuôn viên.	<i>Tranh 2:</i> Các bạn nhỏ không biết bảo vệ của công. Biểu hiện: Ngắt hoa, bẻ cành, làm hư hại bồn hoa nơi công viên.
<i>Tranh 3:</i> Các bạn nhỏ biết bảo vệ của công. Biểu hiện: Cùng nhau bảo vệ, làm đẹp tường ở khu phố.	<i>Tranh 4:</i> Các bạn nhỏ không biết bảo vệ của công. Biểu hiện: Ném đá làm hư hại biển chỉ dẫn giao thông.
<i>Tranh 5:</i> Các bạn nhỏ không biết bảo vệ của công. Biểu hiện: Làm hư hại cảnh quan, thảm cỏ, bồn hoa.	<i>Tranh 6:</i> Các bạn nhỏ biết bảo vệ của công. Biểu hiện: Cùng nhau vệ sinh, bảo vệ máy tính dùng để dạy và học của nhà trường.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và chốt lại: Các bạn trong tranh 1, 3, 6 rất đáng khen vì đã thể hiện tinh thần bảo vệ của công.

4. GV nêu yêu cầu để HS tiếp tục suy nghĩ và trả lời: *Kể thêm các biểu hiện của bảo vệ của công xung quanh mình* (Với nội dung này, GV có thể linh hoạt sử dụng các kỹ thuật dạy học khác nhau để thực hiện).

5. GV tổng kết và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Hoạt động 3: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS nhận biết được vì sao phải bảo vệ của công.

b. Tổ chức thực hiện:

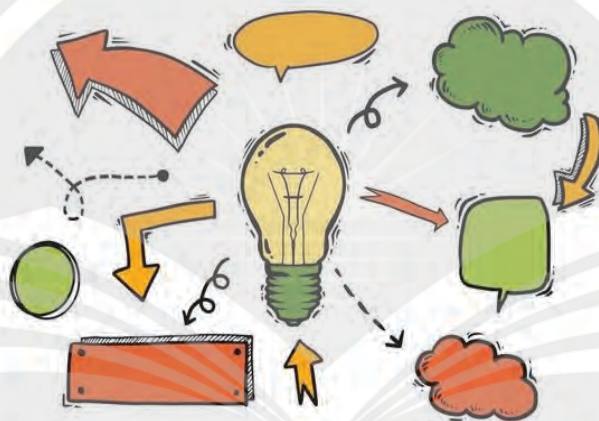
1. GV mời HS đọc to tình huống trước lớp. Sau đó, GV nêu lần lượt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời:

– Em thử đoán xem, Tin sẽ trả lời Bin như thế nào?

– Nếu Bin vẽ lên bàn sẽ gây ra tác hại gì?

2. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao phải bảo vệ của công?*

3. GV mời lần lượt một vài nhóm HS trả lời trước lớp và cho HS nhận xét lẫn nhau. GV nhận xét, khen ngợi HS. *Gợi ý thêm:* GV có thể dán một sơ đồ tư duy lên bảng và tổ chức cho các nhóm ghi ý kiến lên.



4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Chúng ta cần phải bảo vệ của công là vì:

– Của công đem lại lợi ích không chỉ cho ta mà còn cho người khác.

– Bảo vệ của công giúp tài sản chung được bền lâu.

– Bảo vệ của công giúp em biết trân quý những của cải vật chất do con người làm ra.

– Bảo vệ của công giúp em rèn luyện cho mình đức tính tiết kiệm.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: HS được củng cố tri thức về biểu hiện, ý nghĩa của bảo vệ của công.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chiếu lên màn hình lần lượt các ý kiến.

2. HS dùng thẻ mặt cười, mặt buồn để trả lời. Nếu đúng, giơ mặt cười; nếu sai, giơ mặt buồn (GV có thể linh hoạt thay mặt cười, mặt buồn thành các hình thức trả lời khác để phù hợp với điều kiện lớp học).

3. Sau mỗi câu trả lời, GV yêu cầu HS giải thích và kết luận:

Gợi ý:

<i>Ý kiến 1:</i> Đúng. Vì đó là những việc làm giúp cảnh quan, môi trường xung quanh được sạch sẽ, đẹp đẽ.	<i>Ý kiến 2:</i> Sai. Vì của công còn là những tài sản ở bên ngoài gia đình, thuộc về tài sản của nhiều người khác.
<i>Ý kiến 3:</i> Đúng. Vì đó là những việc làm tốt để bảo vệ tài sản chung của nhà trường.	<i>Ý kiến 4:</i> Đúng. Vì nó mang lại lợi ích chung cho nhiều người nên ai cũng phải có trách nhiệm bảo vệ.
<i>Ý kiến 5:</i> Sai. Vì đó là trách nhiệm của tất cả mọi người.	<i>Ý kiến 6:</i> Đúng. Vì bảo vệ của công giúp tài sản chung được sử dụng lâu bền, có hiệu quả.

Hoạt động 5: Bài tỏ thái độ đồng tình, không đồng tình với lời nói, việc làm cụ thể

a. Mục tiêu: HS được củng cố tri thức về biểu hiện, ý nghĩa của bảo vệ của công; biết đồng tình với những biểu hiện bảo vệ của công và không đồng tình với những biểu hiện phá hoại của công.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động này theo hình thức toàn lớp. GV lần lượt chiếu bốn bức tranh trong SGK, trang 37 lên màn hình, mời HS miêu tả bằng lời từng việc làm của các nhân vật trong tranh. Với mỗi tranh xuất hiện, HS giơ thẻ cảm xúc thể hiện đồng tình (mặt cười) hoặc không đồng tình (mặt buồn). GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

2. Ở mỗi việc làm, GV đặt câu hỏi vì sao đồng tình hoặc không đồng tình để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng việc làm. Với những câu trả lời sai của HS, GV nhắc lại các tình huống, đưa ra lời giải thích để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

<i>Tranh 1:</i> Không đồng tình với các bạn nhỏ. Vì việc khắc tên mình lên thân cây sẽ làm hư hại cây trồng và làm mất mỹ quan nơi công cộng.	<i>Tranh 2:</i> Không đồng tình với bạn nam. Vì việc sờ vào hiện vật trong bảo tàng sẽ làm hư hại hiện vật.
<i>Tranh 3:</i> Đồng tình với việc làm của bạn nữ. Vì tắt điện và quạt khi rời khỏi phòng học là bảo vệ tài sản phòng học (hạn chế chập điện) và tiết kiệm điện cho nhà trường.	<i>Tranh 4:</i> Đồng tình với việc làm của bạn nữ. Vì việc ngăn em nhỏ giẫm vào thảm cỏ là để bảo vệ mỹ quan và tài sản chung của công viên.

3. GV nhận xét, khen ngợi sự tích cực của HS và bổ sung thêm các tình huống thực tế gần gũi với tâm lý của HS để các em bày tỏ thái độ đồng tình với những lời nói, hành động thể hiện việc bảo vệ của công; không đồng tình với lời nói, hành động phá hoại, làm hư hại của công.

Hoạt động 6: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS đánh giá được hành vi liên quan đến bảo vệ hoặc phá hoại của công để điều chỉnh hành vi của mình và nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, giao nhiệm vụ: Đọc lần lượt từng tình huống và đưa ra lời khuyên cho các nhân vật. GV nên phân công tình huống cho các nhóm hoặc mỗi nhóm chọn 1 trong số 4 tình huống trong SGK.

2. Với mỗi tình huống, GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày ý kiến, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung cho bạn (GV có thể đưa ra thêm câu hỏi *Vì sao em lại ứng xử như vậy?*).

Gợi ý:

– *Tình huống 1:* Em sẽ khuyên các bạn nhỏ không được làm như thế nữa. Vì hành động đó sẽ làm hư hại tài sản chung của công viên. Em cũng có thể báo với người lớn ở xung quanh để cùng ngăn chặn những việc làm ấy.

– *Tình huống 2:* Trên đường vào lớp, nếu gặp thầy cô hoặc nhân viên nhà trường, em sẽ báo ngay để người lớn kịp thời xử lý. Nếu không gặp được ai, em sẽ vào lớp báo ngay với thầy/cô giáo.

– *Tình huống 3:* Em sẽ nói cho bạn Cắm biết về lợi ích của việc đóng cửa sổ như tránh mưa gió lùa vào phòng học, tránh côn trùng bay vào và bảo vệ tài sản bên trong lớp học.

– *Tình huống 4:* Em sẽ nói với Bông là hoa ở đường làng cũng là của công, tạo nên nét đẹp cho cảnh quan làng xóm. Vì thế, không hái hoa tặng bạn mà có thể tặng những món quà khác cho bạn.

3. GV tổng kết hoạt động và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công

a. Mục tiêu: HS thể hiện được tinh thần trách nhiệm bảo vệ của công đến những người xung quanh qua việc nhắc nhở mọi người cùng nhau thực hiện.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV đưa ra một số tình huống của bạn bè và các em nhỏ có biểu hiện phá hoại, làm hư hỏng của công trong học tập, sinh hoạt. Việc biểu đạt tình huống có thể bằng lời hoặc sử dụng phương pháp đóng vai và xử lý tình huống.

2. HS cho biết những lời nói, việc làm khi gặp những tình huống đó để thực hành việc nhắc nhở (HS có thể đóng vai để xử lý tình huống),...

Ví dụ:

– Bạn bè trong lớp xô đổ bàn ghế trong lúc chơi đùa.

– Chen lấn làm hư hại các dụng cụ vui chơi trong công viên (xích đu, cầu trượt,...).

– Bạn em có ý định cắt một số tranh đẹp trong cuốn sách trên thư viện.

– Một vài HS nhả bã kẹo cao su lên ghế ngồi trong khuôn viên trường.

3. GV tổng kết và đưa ra những phương pháp nhắc nhở hiệu quả.

Hoạt động 8: Xây dựng và thực hiện một kế hoạch bảo vệ, giữ gìn của công

a. Mục tiêu: HS vận dụng những tri thức để xây dựng và thực hiện một kế hoạch bảo vệ, giữ gìn của công nhằm rèn luyện năng lực tự chủ – tự học.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm (mỗi tổ là một nhóm) để cùng thảo luận.
2. GV chiếu lên màn hình bảng *Kế hoạch trang trí lại lớp học* và tổ chức hướng dẫn cho HS làm việc theo nhóm để điền thông tin vào bảng:

KẾ HOẠCH TRANG TRÍ LẠI LỚP HỌC				
Thời gian thực hiện	Chuẩn bị	Phân công công việc	Thực hiện công việc	Báo cáo kết quả
.....				
.....				
.....				
.....				

3. Các nhóm lần lượt trình bày, sau đó GV tổ chức cho HS chọn ra một bảng kế hoạch tốt nhất và bổ sung hoàn thiện.

4. Thống nhất thời gian triển khai và đánh giá sản phẩm.

Lưu ý: Đây là hoạt động cần thời gian và không gian nên GV hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch tại lớp, còn việc thực hiện kế hoạch diễn ra trong thời gian ngoài giờ lên lớp và báo cáo kết quả vào các tiết học sau.

5. GV có thể kết hợp vấn đáp để cá nhân HS chia sẻ quá trình thực hành, rèn luyện của mình về bảo vệ của công, qua đó phản hồi và đánh giá sự tiến bộ của HS:

- Em đã có những việc làm nào để bảo vệ của công?
- Em có cảm xúc như thế nào khi thực hiện những việc làm đó?

6. GV nhận xét, đưa ra lời khuyên (nếu có) để HS có thể nâng cao hơn nữa tinh thần, ý thức bảo vệ của công.

7. GV tổng kết hoạt động.

Hoạt động 9: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS củng cố những kiến thức, kĩ năng đã được học; liên hệ và điều chỉnh được việc làm của bản thân khi tham gia bảo vệ của công.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể tổ chức một số trò chơi như *Ô chữ*, *Đuổi hình bắt chữ*, *Trắc nghiệm*,... để củng cố bài học cho HS. GV có thể nêu các câu hỏi cho HS chia sẻ:

- Em đã học được gì qua bài học này?
- Em thấy mình cần thay đổi điều gì trong suy nghĩ và hành động để góp phần thực hiện tốt hơn việc bảo vệ của công?

2. GV tổ chức cho HS cùng đọc câu thơ ghi nhớ, tổng kết các kiến thức, kĩ năng liên quan đến biểu hiện, ý nghĩa của bảo vệ của công:

*Cùng nhau bảo vệ của công
Giữ gìn cẩn thận, đồng lòng chung tay.*

3. GV dặn dò HS về nhà:

- Thực hiện thường xuyên các việc làm gìn giữ và bảo vệ của công.
- Nhắc nhở bạn bè và người xung quanh nâng cao ý thức bảo vệ của công.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Thường xuyên nhắc nhở con về ý nghĩa của việc bảo vệ của công ở khu dân cư, trong trường lớp và trong gia đình.
2. Cùng con thực hiện những việc làm bảo vệ của công như sửa chữa, bảo quản đồ dùng, sử dụng tiết kiệm để đồ đạc được bền lâu.
3. Làm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc bảo vệ của công. Bày tỏ niềm vui và tiếp tục động viên khi con biết bảo vệ của công và có biện pháp nhắc nhở, chỉ bảo và gợi ý cách khắc phục nếu con chưa biết bảo vệ của công qua các việc làm cụ thể.
4. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chân trời sáng tạo

Chủ đề: THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ QUAN HỆ BẠN BÈ

Bài 8: Em thiết lập quan hệ bạn bè (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Nhân ái*: Có thái độ hoà đồng và sẵn sàng thiết lập các mối quan hệ tích cực với bạn bè.
- *Trách nhiệm*: Tự giác trong việc thiết lập quan hệ bạn bè để có nhiều mối quan hệ tốt đẹp.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Giao tiếp và hợp tác*: Thảo luận nhóm và hợp tác tích cực trong xử lý tình huống; Ứng xử văn minh, lịch sự trong các tình huống để thiết lập quan hệ bạn bè.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Thực hiện được một số cách đơn giản để thiết lập quan hệ bạn bè; Ứng xử thân thiện, tạo thiện cảm trong giao tiếp để thiết lập quan hệ bạn bè.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực phát triển bản thân và năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vì sao phải thiết lập quan hệ bạn bè; Biết được một số cách đơn giản để thiết lập quan hệ bạn bè.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT Đạo đức 4.
- *Thiết bị dạy học*:
 - + Máy tính, máy chiếu.
 - + Các hình ảnh minh họa tình huống về cách thiết lập quan hệ bạn bè.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.
- Chuẩn bị các tình huống về thiết lập quan hệ bạn bè.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Giới thiệu bản thân

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em thiết lập quan hệ bạn bè*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi *Em toả sáng* theo các yêu cầu của hoạt động trong SGK:

- Giới thiệu tên của em.
- Nêu một đặc điểm nổi bật của bản thân.
- Thực hiện một động tác hoặc cử chỉ dễ thương để chào hỏi cả lớp.

Ví dụ (GV có thể làm mẫu):

- Chào các bạn, tớ là Minh. Minh tự tin. (giang tay khoe dáng vẻ khoẻ mạnh)
- Chào các bạn, tớ là Linh. Linh lém lỉnh. (hai tay xoè váy và nhún người chào)

2. GV mời 5 – 7 HS lên thực hiện trước lớp và quy định mỗi HS có 30 giây để thực hiện yêu cầu của hoạt động.

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và nêu yêu cầu cho những bạn đã trình bày: *Chia sẻ lại cảm xúc của em khi giới thiệu bản thân với người bạn mới.*

Lưu ý: GV giải thích cho HS để trả lời đúng yêu cầu là HS nhớ về lúc giới thiệu bản thân với người bạn mới gặp (trong quá khứ, đầu năm học hoặc các năm trước,...) và cho biết HS cảm thấy như thế nào khi giới thiệu bản thân với người bạn mới ở thời điểm đó. GV gợi mở cho HS chia sẻ lại cảm xúc này (*Người bạn đó có thể là bạn chung lớp hoặc bạn ở khối phố, hàng xóm,...*).

4. Sau khi HS chia sẻ xong, GV ghi nhận các cảm xúc mà HS chia sẻ và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý:

Để làm quen bạn mới, lời giới thiệu và cách giới thiệu rất quan trọng. Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu ý nghĩa của việc thiết lập quan hệ với bạn bè và những cách đơn giản để thiết lập quan hệ bạn bè.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và nêu các cách thiết lập quan hệ bạn bè

a. Mục tiêu: HS nhận biết được các cách đơn giản để thiết lập quan hệ bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS quan sát từng tranh trong SGK, trang 39 với yêu cầu: *Em hãy quan sát tranh và nêu các cách thiết lập quan hệ bạn bè.*

2. Với mỗi tranh, GV mời 1 – 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

3. Tiếp theo, GV mời 1 – 2 HS làm mẫu những cách thiết lập quan hệ bạn bè này trên lớp để HS hiểu được cách thực hành kĩ năng.

Gợi ý:

– *Tranh 1:* Nói lời chào hỏi (GV lưu ý hướng dẫn HS làm mẫu cách vẫy tay chào, nụ cười tươi, tương tác mắt với bạn mới).

– *Tranh 2*: Chủ động giúp đỡ, làm quen với bạn (GV lưu ý hướng dẫn HS làm mẫu cách đặt câu hỏi làm quen với bạn mới, ví dụ: *Bạn tên gì? Bạn học lớp nào?* hoặc có thể hướng dẫn HS tự giới thiệu bản thân, sau đó mới hỏi tên, thông tin của bạn).

– *Tranh 3*: Giới thiệu bạn với người xung quanh (GV lưu ý hướng dẫn HS làm mẫu cách giới thiệu người bạn mới với các bạn khác, ví dụ: Giới thiệu tên của bạn mới với bạn bè xung quanh, gây chú ý cho các bạn và mời người bạn mới tự giới thiệu bản thân).

– *Tranh 4*: Mời bạn cùng vui chơi (GV lưu ý hướng dẫn HS làm mẫu cách mời bạn mới cùng tham gia các hoạt động khác, ví dụ: Mời bạn cùng chơi, mời bạn cùng học, mời bạn cùng ăn, mời bạn cùng đọc sách,...).

4. GV nhận xét, khen ngợi HS và điều chỉnh kĩ năng cho HS. GV nhấn mạnh và sửa thao tác cho những HS thực hiện cách thiết lập quan hệ bạn bè chưa chính xác.

Hoạt động 3: Đọc thư và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải thiết lập quan hệ bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV mời 1 hoặc 2 HS đọc lá thư của Na. Các bạn còn lại lắng nghe.

2. Sau khi HS đọc xong lá thư, GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi thứ nhất: *Na và Cốm đã thiết lập tình bạn như thế nào?*

3. Tiếp theo, GV tổ chức thi đua theo nhóm, chia lớp thành 4 nhóm. Khi GV nêu câu hỏi *Theo em, vì sao phải thiết lập quan hệ bạn bè?*, các nhóm sẽ lần lượt phát biểu. Nhóm nào quá 5 giây (hoặc 5 tiếng đếm) không trả lời được sẽ mất quyền thi đấu. Khi chỉ còn một nhóm trả lời được, nhóm đó chiến thắng.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Ý nghĩa của việc thiết lập quan hệ bạn bè:

– *Giúp em có thêm nhiều bạn mới để sẵn sàng giúp đỡ mỗi khi em gặp khó khăn hoặc cùng em chia sẻ niềm vui, nỗi buồn.*

– *Giúp em rèn luyện sự tự tin, cởi mở và cách giao tiếp hiệu quả với bạn bè.*

Em có thể thiết lập quan hệ bạn bè bằng những cách sau:

– *Nói lời chào hỏi với bạn mới (nhấn mạnh các yếu tố phi ngôn ngữ: nụ cười, ánh mắt, cử chỉ tay,...).*

– *Chủ động giúp đỡ, làm quen với bạn.*

– *Giới thiệu bạn với người xung quanh.*

– *Mời bạn tham gia các hoạt động cùng em (vui chơi, học tập, lao động, ăn uống,...).*

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: HS thể hiện được sự đồng tình với những hành vi biết thiết lập quan hệ bạn bè; không đồng tình với những hành vi chưa biết thiết lập quan hệ bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức tổ chức lựa chọn đồng tình/không đồng tình khác tùy điều kiện lớp học.

Gợi ý:

- Ý kiến 1: Không nên có thêm nhiều bạn mới vì sẽ mất thời gian. (Không đồng tình)
- Ý kiến 2: Em sẽ tự tin hơn khi biết cách thiết lập quan hệ bạn bè. (Đồng tình)
- Ý kiến 3: Chỉ nên kết bạn với các bạn cùng lớp. (Không đồng tình)
- Ý kiến 4: Kết bạn mới để em có thêm bạn cùng vui chơi, học tập. (Đồng tình)

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình? Vì sao em không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến. GV nhắc lại ý kiến nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung thêm ý kiến thường gặp để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình.

4. GV kết luận:

Việc nhắc nhở và giúp bạn điều chỉnh cách hiểu về ý nghĩa của việc thiết lập quan hệ bạn bè giúp em trở thành người bạn tốt trong mắt bạn bè xung quanh.

Hoạt động 5: Quan sát và nhận diện

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để nhận biết những cách thiết lập quan hệ bạn bè phù hợp.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận về cách thiết lập quan hệ bạn bè được miêu tả ở từng tranh trong SGK, trang 41, 42. GV có thể chia 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một bức tranh. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận hợp lý và sau đó chọn một đại diện để thuyết trình kết quả: *Vì sao em chọn cách thiết lập quan hệ bạn bè đó?*

2. GV có thể chuẩn bị bộ tranh về 4 tình huống được nêu ra, sau đó phát cho các nhóm HS quan sát và thảo luận. Trong quá trình HS thảo luận nhóm, thuyết trình kết quả, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời từng nhóm lên thuyết trình kết quả thảo luận và các nhóm còn lại nhận xét.

Gợi ý:

- *Tình huống 1:* Cách chào bạn thân thiện, chủ động đề nghị cùng làm việc với bạn, miệng cười tươi và tay mở ra thay vì nét mặt khó chịu, lời nói cộc cằn.
- *Tình huống 2:* Chủ động, vui vẻ giới thiệu bạn mới với bạn cũ thay vì đùn đẩy, thụ động khi giao tiếp với bạn bè.
- *Tình huống 3:* Chủ động làm quen, hỏi tên bạn thay vì thụ động ngồi im đợi bạn đến chào hỏi với mình trước.
- *Tình huống 4:* Chủ động, vui vẻ giúp đỡ bạn (dẫn bạn đi tham quan trường) thay vì ngó lơ.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại những cách thiết lập quan hệ bạn bè hiệu quả và những cách đã được học trong bài, nhắc nhở HS rèn luyện thường xuyên để trở thành thói quen.

5. GV kết luận: *Biết cách thiết lập quan hệ bạn bè giúp em vừa rèn luyện sự tự tin, vừa rèn luyện kĩ năng giao tiếp hiệu quả với bạn bè.*

Hoạt động 6: Xử lí tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện một số cách thiết lập quan hệ bạn bè đơn giản.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS cách sắm vai xử lí tình huống, trong đó có một số HS sắm vai các nhân vật phụ, HS sắm vai Bin (tình huống 1), Cốm (tình huống 2).

2. GV đọc tình huống cho HS nghe hoặc yêu cầu HS đọc thầm trước 2 tình huống để nắm rõ nội dung, bối cảnh của tình huống. Sau đó, GV mời 3 đến 5 HS xung phong sắm vai các nhân vật lên thể hiện cách xử lí tình huống. Những HS còn lại sẽ quan sát, lắng nghe cách ứng xử của bạn HS sắm vai Bin/Cốm.

3. Sau khi HS sắm vai ứng xử tình huống, GV mời các HS còn lại nhận xét, góp ý cho bạn về cách thiết lập quan hệ bạn bè. Sau đó, GV nhận xét, khen ngợi và hướng dẫn HS điều chỉnh, định hướng rèn luyện các thao tác kĩ năng.

4. GV nhấn mạnh 4 cách thiết lập quan hệ bạn bè đã dạy ở tiết trước để HS ghi nhớ sâu và định hướng áp dụng vào các tình huống cụ thể trong cuộc sống.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Thực hành cách thiết lập quan hệ bạn bè

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và rèn luyện một số cách thiết lập quan hệ bạn bè đơn giản.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để xử lí tình huống giả định, yêu cầu HS sắm vai thiết lập quan hệ bạn bè trong 2 trường hợp:

- Em tham gia câu lạc bộ của trường và chưa quen bạn nào.
- Em gặp bạn mới ở khu phố/trường, lớp học/đoàn tham quan,...

2. Dựa theo khả năng thảo luận của các nhóm, GV hỗ trợ và hướng dẫn HS sắm vai xử lí tình huống phù hợp.

Lưu ý: GV nhắc nhở HS vận dụng 4 cách thiết lập quan hệ bạn bè đã dạy vào 2 tình huống được đưa ra.

3. GV tổ chức cho các nhóm HS sắm vai.

4. GV nhận xét, khen ngợi cách rèn luyện thao tác kĩ năng của HS và căn dặn: *Các em hãy luôn chủ động, thể hiện sự tự tin, thân thiện của mình khi thiết lập quan hệ bạn bè trong các tình huống khác nhau của cuộc sống.*

Hoạt động 8: Rèn luyện cách thiết lập quan hệ bạn bè

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và rèn luyện cách thiết lập quan hệ bạn bè trong cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ rèn luyện cách thiết lập quan hệ bạn bè cho HS theo các yêu cầu:

- Tạo ấn tượng tốt đẹp với bạn.
 - Chia sẻ sở thích của mình với bạn.
 - Mời bạn tham gia một số hoạt động vui chơi, học tập cùng em.
- Sau đó, viết thông tin của bạn vào một quyển sổ nhỏ để lưu giữ về tình bạn của em.

GV có thể yêu cầu HS thực hiện trong một tuần và báo cáo nhanh trong buổi học tiếp theo.

2. GV dặn dò HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập này. Trong một số trường hợp, có thể yêu cầu cha mẹ HS giúp kiểm tra tiến độ thực hiện của HS theo mẫu *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh*.

3. GV giải đáp thắc mắc của HS về hoạt động (nếu có).

4. GV động viên và nêu cách khen thưởng cho những HS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hoạt động 9: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học về cách thiết lập quan hệ bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài, tập trung củng cố lại ý nghĩa của việc thiết lập quan hệ bạn bè và một số cách thiết lập quan hệ bạn bè.

2. Tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của hai câu thơ:

*Làm quen, kết bạn thân tình,
Cùng chơi, cùng học, chúng mình cùng vui.*

3. Tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau giờ học để lượng giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Thường xuyên nhắc nhở con thực hiện thiết lập quan hệ với bạn bè xung quanh.
2. Làm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc thiết lập các mối quan hệ bạn bè hiệu quả. Quan sát cách con bày tỏ thái độ với các bạn khi thiết lập quan hệ bạn bè và hướng dẫn con cách thiết lập quan hệ bạn bè hiệu quả.
3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Bài 9: Em duy trì quan hệ bạn bè (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Nhân ái*: Có thái độ hoà đồng và sẵn sàng duy trì các mối quan hệ tích cực với bạn bè.
- *Trách nhiệm*: Tự giác trong việc duy trì quan hệ bạn bè để có nhiều mối quan hệ tốt đẹp.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Giao tiếp và hợp tác*: Thảo luận nhóm và hợp tác tích cực trong xử lý tình huống; Ứng xử văn minh, lịch sự trong các tình huống để duy trì quan hệ bạn bè.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Thực hiện được một số cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè; Ứng xử thân thiện, tạo thiện cảm trong giao tiếp để duy trì quan hệ bạn bè.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực phát triển bản thân và năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vì sao phải duy trì quan hệ bạn bè; Biết được một số cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè; Có mối quan hệ tốt với bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT Đạo đức 4.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu; các hình ảnh minh hoạ tình huống về cách duy trì quan hệ bạn bè.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.
- Chuẩn bị các tình huống về duy trì quan hệ bạn bè.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Chia sẻ

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em duy trì quan hệ bạn bè*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho một số HS lần lượt chia sẻ về những việc các em đã giúp đỡ nhau.

GV có thể linh động tổ chức nghe nhạc và chuyển bút, nhạc dừng và bút đang được HS nào cầm thì bạn đó sẽ phát biểu, chia sẻ về việc làm của mình.

2. Sau khi HS chia sẻ về những việc các em đã làm để giúp đỡ nhau, GV đặt câu hỏi và phỏng vấn ngẫu nhiên:

- Em có cảm xúc gì khi biết bạn nhớ việc em từng giúp bạn?
- Theo em, việc giúp đỡ bạn bè có phải là cách duy trì tình bạn không? Vì sao?

3. GV ghi nhận các ý kiến, cảm xúc mà HS chia sẻ và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Tình bạn là một tình cảm cao quý của con người. Nếu chúng ta không biết giữ gìn và quan tâm, giúp đỡ nhau, tình bạn sẽ tan vỡ. Trong bài học ngày hôm nay, thầy/cô và các em sẽ cùng tìm hiểu ý nghĩa của việc duy trì quan hệ với bạn bè và những cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải duy trì quan hệ bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện *Cậu bé và con sò* trong SGK, trang 44 – 45, mời 3 HS tương ứng với 3 vai: người dẫn chuyện, cậu bé và con sò để đọc câu chuyện. Các HS còn lại lắng nghe bạn đọc.

2. Sau khi HS đọc xong câu chuyện, GV đặt câu hỏi và cho HS chỉ định lẫn nhau để mời bạn phát biểu trả lời:

- Con sò khuyên cậu bé điều gì?
- Theo em, vì sao phải duy trì quan hệ bạn bè?

3. GV ghi nhận các ý kiến mà HS chia sẻ và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học:

Ý nghĩa của việc duy trì quan hệ bạn bè:

- Giúp em có những người bạn bên cạnh luôn giúp đỡ, động viên, an ủi lẫn nhau.
- Giúp em rèn luyện cách giao tiếp và chăm sóc mối quan hệ bạn bè hiệu quả.

Hoạt động 3: Quan sát tranh và nêu những cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè

a. Mục tiêu: HS nhận biết được một số cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chia lớp thành 6 nhóm, giao ngẫu nhiên cho mỗi nhóm quan sát một trong 6 bức tranh trong SGK, trang 45, 46.

2. HS thảo luận nhóm theo hai yêu cầu:

- Nêu và mô tả thành tình huống cụ thể cách duy trì quan hệ bạn bè được trình bày trong tranh.
- Kể thêm một số cách để duy trì quan hệ bạn bè.

3. Sau khi thảo luận, các nhóm phân công thành viên trình bày kết quả. Các nhóm khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Gợi ý:

– Tranh 1: Gọi điện thoại hỏi thăm bạn.

– Tranh 2: Rủ bạn cùng chơi.

– Tranh 3: Tặng quà cho bạn.

– Tranh 4: Giữ lời hứa với bạn.

– Tranh 5: Động viên bạn.

– Tranh 6: Giúp đỡ bạn.

4. GV đúc kết lại những cách duy trì quan hệ bạn bè cho HS ghi nhớ, khắc sâu:

Em có thể duy trì quan hệ bạn bè bằng những cách sau:

– Giữ liên lạc với bạn (gọi điện thoại, nhắn tin, viết thư,...).

– Thường xuyên chăm sóc mối quan hệ với bạn (hỏi thăm, tặng quà, chia sẻ món ăn yêu thích, rủ đi chơi, giúp đỡ bạn trong học tập, lao động, sinh hoạt thường ngày,...).

– Động viên, an ủi, cổ vũ bạn trong các hoạt động học tập, vui chơi, lao động,...

– Giữ lời hứa và thường xuyên nhắc nhở bạn thực hiện giữ lời hứa để xây dựng tình bạn đẹp.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: HS thể hiện được sự đồng tình với những hành vi biết duy trì quan hệ bạn bè; không đồng tình với những hành vi chưa biết duy trì quan hệ bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). GV cũng có thể sử dụng hình thức tổ chức lựa chọn đồng tình/không đồng tình khác tùy điều kiện lớp học.

Gợi ý:

– Ý kiến 1: Duy trì quan hệ bạn bè giúp em có những tình bạn đẹp trong cuộc sống. (Đồng tình)

– Ý kiến 2: Duy trì quan hệ bạn bè khiến em mệt mỏi vì có quá nhiều bạn. (Không đồng tình)

– Ý kiến 3: Em có thể duy trì quan hệ với bạn bằng cách rủ bạn cùng học cùng chơi. (Đồng tình)

– Ý kiến 4: Để duy trì tình bạn, em cần động viên, an ủi khi bạn gặp khó khăn. (Đồng tình)

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình? Vì sao em không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến. GV nhắc lại ý kiến nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho các em.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung ý kiến thường gặp để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình.

4. GV kết luận:

Việc nhắc nhở và giúp bạn điều chỉnh cách hiểu về ý nghĩa của việc duy trì quan hệ bạn bè giúp em trở thành người bạn biết vun đắp, xây dựng tình bạn đẹp trong mắt bạn bè xung quanh.

Hoạt động 5: Nêu cách duy trì quan hệ bạn bè phù hợp

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để nhận biết những cách duy trì quan hệ bạn bè phù hợp.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận về cách duy trì quan hệ bạn bè trong các tình huống ở trang 47, SGK, mỗi nhóm thảo luận về một tình huống. Tuỳ năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận hợp lý và sau đó mỗi nhóm chọn một đại diện để thuyết trình kết quả thảo luận, nêu cách duy trì quan hệ bạn bè phù hợp.

2. GV có thể chuẩn bị các thẻ tình huống phát cho HS hoặc phát giấy A3/A4, bút lông để HS ghi chú các ý tưởng thảo luận (có thể tổ chức thảo luận bằng kỹ thuật *công não* hoặc *khăn trải bàn*).

3. GV mời từng nhóm lên thuyết trình kết quả thảo luận và các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn những cách duy trì quan hệ bạn bè phù hợp. Trong quá trình HS thảo luận nhóm, thuyết trình kết quả, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại những cách duy trì quan hệ bạn bè hiệu quả và những cách đã được học trong bài, nhắc nhở HS rèn luyện thường xuyên để trở thành thói quen.

5. GV kết luận:

Biết cách duy trì quan hệ bạn bè giúp em vừa rèn luyện sự tự tin, vừa rèn luyện kỹ năng giao tiếp hiệu quả với bạn bè.

Hoạt động 6: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện một số cách thiết lập quan hệ bạn bè đơn giản.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV đọc tình huống cho HS nghe hoặc yêu cầu HS đọc thầm trước 2 tình huống để nắm rõ nội dung, bối cảnh của tình huống. Sau đó, GV mời một số HS xung phong sắm vai thể hiện tình huống. Các HS còn lại sẽ quan sát, lắng nghe cách ứng xử của các bạn HS sắm vai Na và Bin.

2. Khi HS sắm vai xử lý tình huống xong, GV mời các HS còn lại nhận xét, góp ý cho bạn về cách thiết lập quan hệ bạn bè. Sau đó, GV nhận xét, khen ngợi và hướng dẫn HS điều chỉnh, định hướng rèn luyện các thao tác kỹ năng.

3. GV nhấn mạnh 4 cách thiết lập quan hệ bạn bè đã dạy ở tiết trước để HS ghi nhớ sâu và định hướng ứng dụng vào các tình huống cụ thể trong cuộc sống.

Lưu ý: GV có thể sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực khác để tổ chức hoạt động này như thảo luận nhóm và sắm vai, thảo luận nhóm và thuyết trình kết quả,...

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Thiết kế “Sổ tình bạn”

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ, rèn luyện một số cách duy trì quan hệ bạn bè đơn giản và có được quan hệ tốt với bạn bè ở trường học, làng xóm, khối phố.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, có thể yêu cầu HS chuẩn bị trước một quyển sổ nhỏ hoặc hướng dẫn HS làm sổ tay bằng giấy A4, A5 cắt nhỏ ngay ngắn và bấm kẹp lại bằng ghim.

2. Dựa theo khả năng thực hiện sản phẩm sổ tay của HS, GV yêu cầu các em trang trí quyển sổ sao cho tiện lợi, dễ mang theo.

3. Sau khi HS thiết kế xong sổ tay, GV yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu trong sổ:

– Ghi thông tin về những người bạn của em: ngày sinh, tính cách, sở thích, cách liên lạc với bạn.

– Sử dụng các thông tin trên để thể hiện sự động viên, giúp đỡ, hỏi thăm,... nhằm duy trì quan hệ bạn bè.

4. GV dẫn dò và động viên HS thực hiện những cách duy trì quan hệ bạn bè đã học như động viên, giúp đỡ, hỏi thăm, giữ liên lạc, chăm sóc mối quan hệ,... để duy trì mối quan hệ bạn bè tốt đẹp với các bạn được viết trong sổ và các bạn khác học cùng lớp.

Gợi ý: Các em hãy luôn chủ động, thể hiện sự tự tin, thân thiện và chu đáo của mình khi duy trì quan hệ bạn bè trong các tình huống khác nhau của cuộc sống.

Hoạt động 8: Rèn luyện cách duy trì quan hệ bạn bè

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ, rèn luyện cách duy trì quan hệ bạn bè trong cuộc sống và có được quan hệ tốt với bạn bè ở trường học, làng xóm, khối phố.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện những lời nói, việc làm để duy trì quan hệ bạn bè ở trường học, làng xóm, khối phố. Mỗi khi thực hiện được lời nói, việc làm nào, HS sẽ ghi chú lại vào quyển sổ tình bạn đã thiết kế ở trên theo hình thức gạch đầu dòng, đánh số thứ tự hoặc ghi chú nhanh.

GV có thể giao thời hạn cho HS thực hiện trong 1 tuần và báo cáo nhanh trong buổi học tiếp theo (hoặc có thể báo cáo sau 1 tháng, 1 học kì) số lời nói, việc làm mà các em đã thực hiện được để duy trì quan hệ bạn bè trong thời gian qua.

2. GV dẫn dò HS về thực hiện nhiệm vụ học tập này. Trong một số trường hợp, có thể yêu cầu sự hỗ trợ của cha mẹ HS trong việc kiểm tra tiến độ thực hiện của HS theo mẫu *Thư gửi các bậc cha mẹ HS*.

3. GV giải đáp thắc mắc của HS về hoạt động (nếu có).

4. GV động viên và nêu cách khen thưởng cho những HS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hoạt động 9: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học về cách duy trì quan hệ bạn bè.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài tập trung củng cố lại ý nghĩa của việc duy trì quan hệ bạn bè và một số cách duy trì quan hệ bạn bè.

2. GV tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của bài thơ:

*Duy trì quan hệ bạn bè,
Quan tâm, giúp đỡ, lắng nghe, giữ lời
Cùng làm, cùng học, cùng chơi,
Trò chuyện, chia sẻ, cười tươi mỗi ngày!*

3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau giờ học để lượng giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV có thể sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Hướng dẫn và điều chỉnh cho con các thao tác thiết lập, duy trì quan hệ bạn bè như chào hỏi, giới thiệu bản thân, giúp đỡ bạn, mời bạn cùng chơi, hỏi thăm bạn, giữ lời hứa với bạn,...

2. Nhắc nhở con thực hành thường xuyên những cách thiết lập, duy trì quan hệ bạn bè đã học với bạn bè hàng xóm, khối phố.

3. Động viên và khen thưởng khi con có những mối quan hệ bạn bè tích cực, vui vẻ.

4. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chân trời sáng tạo

Chủ đề: QUÝ TRỌNG ĐỒNG TIỀN

Bài 10: Em quý trọng đồng tiền (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Có ý thức sử dụng tiền một cách hợp lí.
- *Chăm chỉ*: Bảo quản và tiết kiệm tiền, nhắc nhở bạn bè chi tiêu một cách tiết kiệm.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác tuân thủ quy tắc sử dụng tiền một cách hợp lí.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Nhắc nhở bản thân, bạn bè bảo quản và tiết kiệm tiền.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi:

Năng lực nhận thức chuẩn mực hành vi	– Nêu được vai trò của tiền. – Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền.
Năng lực đánh giá hành vi của bản thân và người khác	Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.
Năng lực điều chỉnh hành vi	Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT Đạo đức 4, các ngữ liệu dạy học mà GV tự sưu tầm thêm gắn với yêu cầu cần đạt của bài học.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu (nếu có), giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp), sơ đồ tư duy vẽ sẵn trên giấy khổ A1 hoặc A0.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Tham gia trò chơi *Đi chợ* và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em quý trọng đồng tiền*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS cách chơi trò chơi *Đi chợ*: *Em hãy bốc thăm chọn số tiền cụ thể trong hộp và nêu tên món đồ em muốn mua.*

Gợi ý: GV có thể chuẩn bị một số đồ vật như bút, sách, vở, bình nước, bánh, kẹo,... ghi sẵn giá tiền trên đồ vật và dán một lớp giấy che giá tiền lại; một chiếc hộp để các lá thăm ghi các mệnh giá tiền khác nhau, tương ứng với giá tiền của các đồ vật đã chuẩn bị. GV mời 1 HS đóng vai người bán hàng và một số HS đóng vai người đi mua hàng. HS đóng vai đi mua hàng sẽ lần lượt bốc thăm giá tiền trong hộp. Sau đó, HS bán hàng sẽ mở giá tiền trên đồ vật, nếu trùng khớp thì sẽ nói “Chúc mừng quý khách”; nếu không đúng thì nói “Rất tiếc...”.

2. GV đặt câu hỏi để HS suy nghĩ và trả lời: *Qua trò chơi trên, theo em, tiền dùng để làm gì?*

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Tiền sẽ giúp em mua được những đồ dùng, vật dụng mà em muốn. Nhưng làm thế nào chúng ta có thể bảo quản và tiết kiệm được tiền? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài “Em quý trọng đồng tiền”.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và cho biết vai trò của tiền

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của tiền.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. Với hoạt động nhóm, GV tổ chức thi đua để tạo sự sinh động: hướng dẫn HS chia nhóm 6 và tổ chức trò chơi *Nhìn hình – đoán ý*.

Luật chơi: Trong thời gian 4 phút, các nhóm quan sát 4 bức tranh ở SGK, trang 50 và nhanh chóng nêu vai trò của tiền trong cuộc sống.

2. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả thi đua của các nhóm. GV có thể đặt câu hỏi mở rộng thêm để khái thác kinh nghiệm của HS: *Theo em, tiền còn có những vai trò nào khác nữa?*

3. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo:

Vai trò của tiền:

- *Mua sắm vật dụng cần thiết.*
- *Du lịch, giải trí.*
- *Chăm sóc sức khỏe.*
- *Giúp đỡ bạn gặp khó khăn.*
- ...

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS nêu được tầm quan trọng của đồng tiền.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS đọc câu chuyện *Quý trọng đồng tiền* trong SGK, trang 50 – 51, sau đó mời HS trả lời câu hỏi:

– *Người con đã làm gì trong hai lần người cha gạt đồng tiền xuống đất? Vì sao cậu lại có hành động khác nhau như vậy?*

– *Theo em, vì sao phải quý trọng đồng tiền?*

2. Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 – 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và điều chỉnh những ý HS nêu chưa chính xác.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo:

Ý nghĩa của đồng tiền: Đồng tiền được làm ra nhờ sự lao động chăm chỉ, vất vả nên chúng ta cần phải quý trọng đồng tiền.

Hoạt động 4: Quan sát tranh, cho biết cách bảo quản và tiết kiệm tiền

a. Mục tiêu: HS nhận biết được cách bảo quản và tiết kiệm tiền.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức lớp thành 2 đội lớn. Mỗi đội sẽ quan sát 2 bức tranh trang 51 – 52 SGK và trả lời câu hỏi: *Đâu là hành động bảo quản và tiết kiệm tiền?*

2. GV nhận xét các câu trả lời và dẫn dắt sang yêu cầu: *Kể thêm các cách bảo quản và tiết kiệm tiền.* GV yêu cầu mỗi đội thi đua nêu ý kiến và ghi ý kiến vào 2 sơ đồ tư duy được vẽ hoặc in sẵn dán trên bảng. Thời gian thực hiện từ 5 đến 7 phút.

3. GV yêu cầu các đội nhận xét lẫn nhau và khen thưởng kết quả thi đua của mỗi đội.

4. GV kết luận hoặc bổ sung thông tin để giúp HS nhận biết vì sao cần phải bảo quản và tiết kiệm tiền.

Gợi ý: Bảo quản và tiết kiệm tiền bằng cách nhờ người lớn giữ giúp, nuôi heo đất, tận dụng những đồ dùng đã cũ,...

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của bảo quản và tiết kiệm tiền.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm. Ví dụ, có thể tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi. GV yêu cầu mỗi nhóm đôi HS nhận xét các ý kiến khác nhau về việc bảo quản và tiết kiệm tiền. Để tạo hứng thú, GV có thể mở đồng hồ đếm ngược để HS tập trung *công não*.

2. GV mời đại diện 3 – 4 cặp HS phát biểu và nhận xét lẫn nhau. Để tạo bầu không khí sinh động cho lớp học, GV có thể cho thi đua 5 nhóm nộp kết quả thảo luận nhanh nhất lên bàn GV hoặc giơ tay nhanh để được GV thu sản phẩm (nếu thực hiện hình thức này, GV yêu cầu HS ghi ý kiến vào một tờ giấy).

3. GV nhận xét và khen ngợi sự tích cực của HS.

Gợi ý: GV bổ sung hoặc mở rộng thêm một số ý kiến về bảo quản và tiết kiệm tiền:

- Bảo quản và tiết kiệm tiền hiệu quả để thực hiện được mong muốn của mình.
- Tạo thói quen tiết kiệm để chi tiêu một cách hợp lí.

Hoạt động 6: Bài tỏ thái độ đồng tình, không đồng tình với việc làm cụ thể

a. Mục tiêu: HS thể hiện thái độ đồng tình với những hành vi bảo quản và tiết kiệm tiền; không đồng tình với những hành vi tiêu tiền một cách lãng phí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ bảng vẽ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). GV cũng có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

Tranh 1: Vẽ lên tờ tiền (Không đồng tình).

Tranh 2: Đòi mua món đồ quá khả năng của bố mẹ (Không đồng tình).

Tranh 3: Tận dụng giấy trắng để làm vở nháp (Đồng tình).

Tranh 4: Lãng phí thức ăn (Không đồng tình).

Tranh 5: Tiết kiệm điện (Đồng tình).

Tranh 6: Tiết kiệm nước (Đồng tình).

2. Sau mỗi tình huống, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình? Và vì sao em không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng tình huống. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung tình huống thường gặp ở địa phương để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình. GV kết luận: *Các em cần nhắc nhở bản thân, người thân, bạn bè chi tiêu một cách tiết kiệm.*

Hoạt động 7: Đưa ra lời khuyên trong các tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc bảo quản và tiết kiệm tiền hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận, đưa ra lời khuyên trong các tình huống.
2. GV mời HS nêu tình huống (trang 53 SGK) trước lớp trước khi thảo luận. Trong quá trình HS thảo luận nhóm, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.
3. GV mời từng nhóm lên trình bày và các nhóm còn lại nhận xét.
4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại nguyên tắc bảo quản và tiết kiệm tiền, nhắc nhở HS tuân thủ thường xuyên để trở thành thói quen.

Gợi ý:

Tình huống 1: Tiết kiệm thức ăn.

Tình huống 2: Tiết kiệm giấy.

Tình huống 3: Trân trọng và bảo quản đồ dùng.

Hoạt động 8: Xử lí tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc bảo quản và tiết kiệm tiền hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận về cách xử lí tình huống, phân công vai diễn và diễn lại tình huống trước lớp. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận và phân vai diễn cho hợp lí.
2. GV mời HS nêu tình huống (trang 54 SGK) trước lớp trước khi thảo luận. Trong quá trình HS thảo luận nhóm, sắm vai xử lí tình huống, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.
3. GV mời từng nhóm lên diễn và các nhóm còn lại nhận xét.
4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại nguyên tắc bảo quản và tiết kiệm tiền, nhắc nhở HS tuân thủ thường xuyên để trở thành thói quen.

Gợi ý:

Tình huống 1: Để dành một hộp bút màu hoặc tặng cho một bạn khác đang cần bút màu.

Tình huống 2: Trân trọng và biết hài lòng với những món đồ chơi mình đang có.

VẬN DỤNG

Hoạt động 9: Chia sẻ với các bạn về những việc em đã và sẽ làm để bảo quản, tiết kiệm tiền

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và luyện tập việc thực hiện bảo quản và tiết kiệm tiền phù hợp với lứa tuổi.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ rèn luyện việc thực hiện và nhắc nhở các bạn cùng bảo quản,

tiết kiệm tiền, tiết kiệm thức ăn; mua quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình.

2. Sau một vài tuần thực hiện, GV có thể tổ chức để HS chia sẻ về việc thực hiện bảo quản và tiết kiệm tiền. GV phối hợp cùng với phụ huynh để khuyến khích HS thực hiện. GV thường xuyên nhắc nhở HS thực hiện bảo quản và tiết kiệm tiền.

3. GV nhận xét và khen ngợi tinh thần quý trọng đồng tiền của HS.

Hoạt động 10: Lập và thực hiện kế hoạch tiết kiệm tiền

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, điều chỉnh được hành vi để bảo quản và tiết kiệm tiền một cách thường xuyên, liên tục.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn, giao nhiệm vụ cho HS lập kế hoạch tiết kiệm tiền và thực hiện theo mẫu gợi ý.

2. Sau một vài tuần thực hiện, GV tổ chức để HS chia sẻ về việc thực hiện kế hoạch tiết kiệm tiền phù hợp với điều kiện của mình. GV phối hợp cùng phụ huynh để khuyến khích HS thực hiện. GV thường xuyên nhắc nhở HS tiết kiệm tiền.

3. GV nhận xét và khen ngợi hành động tiết kiệm tiền của HS.

Hoạt động 11: củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và luyện tập việc thực hiện tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng phù hợp với lứa tuổi.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao cho HS nhiệm vụ nhắc nhở các bạn cùng thực hiện việc bảo quản và tiết kiệm tiền.

2. GV tổ chức cho HS trao đổi và chia sẻ cảm xúc của mình.

3. GV nhận xét và khen ngợi tinh thần tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng của HS.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV có thể sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Chia sẻ lại cho con biết về vai trò của đồng tiền và lí do vì sao cần phải biết quý trọng đồng tiền.

2. Thường xuyên hướng dẫn và nhắc nhở con về việc bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình của mình.

3. Gửi ý kiến phản hồi cho GV chủ nhiệm.

Chủ đề: QUYỀN VÀ BỔN PHẬN TRẺ EM

Bài 11: Quyền trẻ em (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Tự giác trong việc thực hiện quyền trẻ em.
- *Nhân ái*: Có ý thức nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền trẻ em.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Tự chủ và tự học*: Biết được một số quyền cơ bản của trẻ em và vì sao phải thực hiện quyền trẻ em; Tự tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật về trẻ em để thực hiện tốt các quyền trẻ em cơ bản của bản thân.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Thảo luận nhóm và hợp tác tích cực trong xử lý tình huống; Ứng xử văn minh, lịch sự trong các tình huống để thực hiện quyền trẻ em.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội và năng lực điều chỉnh hành vi: Kể được một số quyền cơ bản của trẻ em; Biết vì sao phải thực hiện quyền của trẻ em; Thực hiện được quyền của trẻ em phù hợp với lứa tuổi; Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền của trẻ em.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT Đạo đức 4, Luật Trẻ em năm 2016.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu; các hình ảnh minh họa tình huống về quyền trẻ em.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.
- Chuẩn bị các tình huống về quyền trẻ em.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Phỏng vấn nhanh và chia sẻ cảm xúc (Quan sát tranh và trả lời câu hỏi)

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Quyền trẻ em*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS quan sát tranh ở phần Khởi động, SGK trang 55 (GV có thể trình chiếu, dán tranh lên bảng hoặc yêu cầu HS quan sát trong SGK) và mô tả nội dung tranh. GV chỉ định ngẫu nhiên một HS phát biểu, mô tả tranh. Sau đó yêu cầu HS này mời ngẫu nhiên một bạn tiếp theo chia sẻ để tạo sự hấp dẫn.

2. GV tiếp tục tổ chức kĩ thuật *phỏng vấn ngẫu nhiên* 2 – 3 HS về suy nghĩ của các em trước 2 câu nói trong tranh: *Em hiểu như thế nào về câu nói “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”* và *“Trẻ em là để yêu thương”*?

3. GV khuyến khích, động viên HS chia sẻ sự hiểu biết, cảm nghĩ của mình về 2 câu nói trên. Sau đó, tiếp tục phỏng vấn với 2 câu hỏi:

- *Em có cảm xúc gì khi xem bức tranh mô tả cuộc sống của Tin và Na?*
- *Theo em, Tin và Na đã được hưởng những quyền cơ bản nào của trẻ em?*

4. Sau khi HS trả lời câu hỏi, GV ghi nhận các ý kiến, cảm xúc mà HS chia sẻ và tổng kết lại hoạt động.

Gợi ý: Tin và Na được hưởng quyền được học tập và vui chơi giải trí.

5. GV kết nối vào bài học.

Gợi ý: Trẻ em là mầm non tương lai của đất nước. Trong bài học ngày hôm nay, thầy/cô và các em sẽ cùng tìm hiểu về quyền trẻ em.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS kể được một số quyền cơ bản của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động theo nhóm đôi, 2 HS ngồi cùng bàn sẽ cùng quan sát và thảo luận về các bức tranh trong Hoạt động 1, phần Kiến tạo tri thức mới, SGK trang 56 theo yêu cầu:

- *Em hãy quan sát tranh và nêu một số quyền cơ bản của trẻ em được trình bày trong tranh.*
- *Kể thêm một số quyền cơ bản của trẻ em mà em biết.*

2. GV quy định thời gian thảo luận từ 5 – 7 phút. Sau đó mời đại diện 3 – 5 nhóm trình bày về kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung cho bạn.

3. Khi HS trình bày xong, GV nêu đáp án và diễn giải về các nhóm quyền trẻ em (trích trong Luật Trẻ em năm 2016) được đề cập trong SGK. Gợi ý:

– Tranh 1: Quyền được chăm sóc sức khỏe.

(Điều 14. Quyền được chăm sóc sức khỏe)

Trẻ em có quyền được chăm sóc tốt nhất về sức khỏe, được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh.)

– Tranh 2: Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.

(Điều 16. Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu)

1. Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân.

2. Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh.)

– Tranh 3: Quyền vui chơi, giải trí.

(Điều 17. Quyền vui chơi, giải trí)

Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí; được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi.)

– Tranh 4: Quyền được bảo vệ khỏi bạo lực, xâm hại.

(Điều 27. Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc)

Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện của trẻ em.)

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo:

Một số quyền cơ bản của trẻ em:

– Quyền được chăm sóc sức khỏe.

– Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.

– Quyền vui chơi, giải trí.

– Quyền được bảo vệ khỏi bạo lực, xâm hại.

Lưu ý: GV có thể bổ sung một số quyền khác trong Luật Trẻ em năm 2016 để cung cấp, mở rộng kiến thức cho HS.

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải thực hiện quyền của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện *Con muốn đến trường* trong SGK, trang 56 – 57.

2. Sau khi HS đọc xong câu chuyện, GV đặt câu hỏi và tổ chức cho HS chỉ định lẫn nhau để mời bạn trả lời. Câu hỏi:

– Câu chuyện trên đề cập đến quyền cơ bản nào của trẻ em? Quyền này cần thiết như thế nào đối với cuộc sống của bạn Chi? (Gợi ý: Câu chuyện đề cập đến quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu của trẻ em.)

– Theo em, vì sao phải thực hiện quyền của trẻ em?

3. Sau khi HS chia sẻ xong, GV ghi nhận các ý kiến của HS và tổng kết hoạt động để kết nối vào bài học.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo:

Gợi ý:

Ý nghĩa của việc thực hiện quyền của trẻ em: *Quyền trẻ em là điều cần thiết để trẻ em được sống và lớn lên một cách lành mạnh, an toàn. Nhờ có quyền trẻ em, tất cả các trẻ em thuộc mọi tầng lớp, mọi độ tuổi đều được bảo vệ trước pháp luật. Ngoài ra, quyền trẻ em còn giúp các em tham gia tích cực vào sự phát triển của bản thân và đóng góp vào sự phát triển của đất nước.*

Hoạt động 4: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS nhận biết được một số biểu hiện của thực hiện quyền trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động nhóm, chia lớp thành 6 – 8 nhóm, giao ngẫu nhiên cho mỗi nhóm quan sát 1 trong 4 bức tranh trong SGK, trang 57.

2. HS thảo luận nhóm theo câu hỏi gợi dẫn: *Bạn trong tranh thực hiện quyền của trẻ em như thế nào?* và phân công bạn thuyết trình.

3. GV mời lần lượt đại diện các nhóm trình bày kết quả. GV đúc kết lại kiến thức.

Gợi ý:

– *Tranh 1:* Trao đổi, học hỏi kiến thức về quyền trẻ em.

– *Tranh 2:* Chủ động tố giác hành vi vi phạm quyền trẻ em.

– *Tranh 3:* Nhắc bạn không trêu chọc, xúc phạm ngoại hình, danh dự, nhân phẩm của bạn khác.

– *Tranh 4:* Kêu gọi, ủng hộ, quyên góp giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn đến trường.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang phần Luyện tập:

Em có thể thực hiện quyền trẻ em và nhắc nhở bạn bè thực hiện quyền trẻ em bằng cách:

– *Nhận biết quyền của trẻ em.*

– *Nghiêm túc thực hiện quyền của trẻ em.*

– *Nhắc nhở bạn thực hiện quyền của trẻ em.*

– *Giúp đỡ bạn thực hiện quyền của trẻ em.*

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: HS thể hiện được sự đồng tình với những ý kiến đúng về quyền và tầm quan trọng của thực hiện quyền của trẻ em; không đồng tình với những ý kiến sai về quyền và tầm quan trọng của thực hiện quyền của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức tổ chức lựa chọn đồng tình/không đồng tình khác tùy điều kiện lớp học.

Gợi ý:

– Ý kiến 1: Trẻ em có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. (Đồng tình)

– Ý kiến 2: Trẻ em được bình đẳng về cơ hội được học tập và giáo dục, được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh. (Đồng tình)

– Ý kiến 3: Trẻ em có quyền được chăm sóc tốt nhất về sức khỏe, được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh. (Đồng tình)

– Ý kiến 4: Phải thực hiện quyền trẻ em vì đó là những quyền cơ bản của con người. (Đồng tình)

– Ý kiến 5: Thực hiện quyền trẻ em để các em khỏe mạnh, tham gia lao động như người lớn. (Không đồng tình)

– Ý kiến 6: Phải thực hiện quyền trẻ em vì trẻ em là tương lai đất nước. (Đồng tình)

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: Vì sao em đồng tình? Vì sao em không đồng tình? để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến. GV nhắc lại ý kiến nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho các em.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung ý kiến thường gặp để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình.

4. GV kết luận:

Luôn tuân thủ pháp luật về quyền trẻ em và hiểu đúng vì sao phải thực hiện quyền trẻ em giúp em luôn chủ động bảo vệ và phát triển bản thân một cách lành mạnh, tích cực.

Hoạt động 6: Thử tài xử lý

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học để nêu cách thực hiện quyền của trẻ em trong các trường hợp khác nhau.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận về cách thực hiện quyền trẻ em trong 4 trường hợp trong SGK, trang 58. GV có thể chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một trường hợp. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận hợp lý và sau đó mỗi nhóm chọn một đại diện để thuyết trình kết quả thảo luận, nêu cách thực hiện quyền của trẻ em phù hợp.

2. GV có thể chuẩn bị các thẻ tình huống phát cho HS hoặc phát giấy A3/A4, bút lông để HS ghi chú các ý tưởng thảo luận (có thể tổ chức thảo luận bằng kĩ thuật *công não* hoặc *khăn trải bàn*).

3. GV mời từng nhóm lên thuyết trình kết quả thảo luận và các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn những cách thực hiện quyền của trẻ em phù hợp. Trong quá trình HS thảo luận nhóm, thuyết trình kết quả, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh, hướng dẫn HS thực hiện quyền trẻ em dựa trên những cách đã học trong bài và nhắc nhở HS rèn luyện thường xuyên.

5. GV kết luận:

Biết cách thực hiện quyền trẻ em giúp em chủ động trong việc bảo vệ và phát triển bản thân.

Hoạt động 7: Cho lời khuyên

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi về 2 tình huống trong Hoạt động 3, phần Luyện tập, SGK trang 59 theo yêu cầu: *Nếu là bạn của Tin và Na, em sẽ giúp bạn thực hiện quyền trẻ em như thế nào?*

2. GV quy định thời gian thảo luận. Sau đó mời 5 – 7 nhóm trình bày, đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong tình huống. Các nhóm còn lại lắng nghe và bổ sung, góp ý cho lời khuyên của nhóm bạn để hoàn thiện hơn.

3. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh, hướng dẫn HS cách nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền trẻ em một cách hiệu quả và rèn luyện thường xuyên.

4. GV kết luận:

Luôn chủ động nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền của trẻ em.

Hoạt động 8: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện quyền của trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm (chia lớp thành 6 – 8 nhóm) dựa theo 2 tình huống trong Hoạt động 4, phần Luyện tập, SGK trang 59. GV yêu cầu các nhóm tìm cách xử lý tình huống, sau đó sắm vai diễn một đoạn tình huống ngắn để mô tả cách xử lý của nhóm mình.

2. GV quy định thời gian thảo luận và sắm vai theo điều kiện thực tế của lớp học. Sau đó, mời 2 – 3 nhóm sắm vai (nếu có thời gian thì cho tất cả nhóm sắm vai). Các nhóm còn lại sẽ quan sát, lắng nghe và nhận xét cho nhóm bạn.

3. GV nhận xét, khen ngợi và hướng dẫn HS điều chỉnh, định hướng thực hiện quyền của trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền của trẻ em.

VẬN DỤNG

Hoạt động 9: Thực hành

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ, rèn luyện cách thực hiện quyền trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động cá nhân, giao nhiệm vụ cho HS thực hiện theo yêu cầu của Hoạt động 1 và 2 trong phần Vận dụng, SGK trang 59:

- Chia sẻ với các bạn những việc em đã làm để thực hiện quyền trẻ em.
- Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền trẻ em như: được học tập, vui chơi, chăm sóc sức khỏe, được bảo vệ,...

Với mỗi yêu cầu, HS ghi chú lại số lần chia sẻ hoặc số lần nhắc nhở, giúp đỡ bạn thực hiện quyền trẻ em. Sau một tuần, HS sẽ báo cáo cho GV về việc thực hiện. GV cũng có thể yêu cầu cha mẹ HS hỗ trợ giám sát, theo dõi HS thực hiện yêu cầu hoạt động này.

2. GV dặn dò và động viên HS thực hiện quyền trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền trẻ em.

Hoạt động 10: Trang trí khẩu hiệu

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ, rèn luyện cách thực hiện quyền trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động nhóm (chia lớp thành 6 – 8 nhóm) và phát cho mỗi nhóm giấy A3 hoặc A0, bút lông, bút màu,... để tham gia hoạt động theo yêu cầu: *Viết và trang trí một khẩu hiệu tuyên truyền mọi người xung quanh cùng thực hiện quyền trẻ em.*

2. GV hướng dẫn HS thảo luận và chọn câu khẩu hiệu tuyên truyền (6 – 8 từ), sau đó viết lên giấy và tiến hành trang trí cho đẹp, bắt mắt.

3. GV quy định thời gian thực hiện. Sau đó mời các nhóm giới thiệu, thuyết trình về sản phẩm của nhóm mình hoặc dán các câu khẩu hiệu quanh lớp và tổ chức cho HS đi quan sát các khẩu hiệu này để khắc sâu kiến thức bài học (áp dụng kĩ thuật *phòng tranh*).

4. GV động viên và nêu cách khen thưởng cho các nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hoạt động 11: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học về quyền trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi *Ôn tập cuối bài*, tập trung củng cố lại một số quyền cơ bản của trẻ em, tầm quan trọng của việc thực hiện quyền trẻ em, cách thực hiện quyền trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền trẻ em.

2. Tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của hai câu thơ:

*Trẻ em như búp trên cành,
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.*

(Hồ Chí Minh)

3. Tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau giờ học để lượng giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV có thể sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Hướng dẫn và giải thích cho con hiểu đúng về quyền trẻ em – những quyền mà các con đang được pháp luật Việt Nam bảo vệ.
2. Phân tích và dẫn chứng cho con những trường hợp vi phạm quyền trẻ em trong cuộc sống và cách xử lý phù hợp.
3. Nhắc nhở con ghi nhớ và thực hiện quyền trẻ em mọi lúc, mọi nơi để an toàn phát triển.
4. Động viên con nhắc nhở bạn bè thực hiện quyền trẻ em hoặc khi con thực hiện tốt quyền trẻ em của mình để tạo động lực phát triển.
5. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chân trời sáng tạo

Bài 12: Bốn phận của trẻ em (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Tự giác trong việc thực hiện bốn phận của trẻ em.
- *Nhân ái*: Có ý thức nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Tự chủ và tự học*: Tự tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật về trẻ em để thực hiện tốt các bốn phận cơ bản của trẻ em.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Thảo luận nhóm và hợp tác tích cực trong xử lý tình huống; Ứng xử văn minh, lịch sự trong các tình huống để thực hiện bốn phận của trẻ em.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội, năng lực điều chỉnh hành vi: Kể được một số bốn phận cơ bản của trẻ em; Biết vì sao phải thực hiện bốn phận của trẻ em; Thực hiện được bốn phận của trẻ em phù hợp với lứa tuổi; Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT Đạo đức 4, Luật Trẻ em năm 2016.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu; các hình ảnh minh họa tình huống về quyền trẻ em.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT Đạo đức 4 (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.
- Chuẩn bị các tình huống về quyền trẻ em.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Nghe bài hát và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Bốn phận của trẻ em*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS nghe bài hát: *Mẹ ơi có biết* (Nhạc và lời: Nguyễn Văn Chung).

2. GV tiếp tục phỏng vấn ngẫu nhiên 2 – 3 HS suy nghĩ của các em về nội dung bài hát: *Bạn nhỏ trong bài hát đã hứa với mẹ thực hiện những điều gì?*

3. GV khuyến khích, động viên HS chia sẻ sự hiểu biết, cảm nghĩ của mình về nội dung bài hát.

4. Sau khi HS trả lời câu hỏi, GV ghi nhận các ý kiến, cảm xúc mà HS chia sẻ và tổng kết lại hoạt động.

5. GV kết nối vào bài học.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và nêu bốn phận của trẻ em

a. Mục tiêu: HS kể được một số bốn phận cơ bản của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động nhóm đôi, 2 HS ngồi cùng bàn sẽ cùng quan sát và thảo luận về các bức tranh trong SGK, trang 60 theo yêu cầu: *Em hãy quan sát tranh và nêu bốn phận của trẻ em được thể hiện trong tranh.*

2. GV quy định thời gian thảo luận từ 5 – 7 phút. Sau đó mời 3 – 5 nhóm trình bày về kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung cho bạn.

3. Khi HS trình bày xong, GV nêu đáp án và diễn giải về các nhóm bốn phận của trẻ em (trích trong Luật Trẻ em 2016) được đề cập trong SGK.

Gợi ý:

– *Tranh 1:* Bốn phận của trẻ em đối với gia đình quy định tại Điều 37 Luật Trẻ em 2016 (Kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; yêu thương, quan tâm, chia sẻ tình cảm, nguyện vọng với cha mẹ và các thành viên trong gia đình, dòng họ.)

– *Tranh 2:* Bốn phận của trẻ em đối với nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác (Điều 38 Luật Trẻ em 2016: Tôn trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác.)

– *Tranh 3:* Bốn phận của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội (Điều 39 Luật Trẻ em 2016: Tôn trọng, lễ phép với người lớn tuổi; quan tâm, giúp đỡ người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai, trẻ nhỏ, người gặp hoàn cảnh khó khăn phù hợp với khả năng, sức khỏe, độ tuổi của mình.)

– *Tranh 4:* Bốn phận của trẻ em đối với quê hương, đất nước (Điều 40 Luật Trẻ em 2016: Yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tôn trọng truyền thống lịch sử dân tộc; giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của quê hương, đất nước.)

4. GV nêu tiếp yêu cầu: *Em hãy kể thêm một số bốn phận khác của trẻ em mà em biết.*

GV hướng dẫn mỗi nhóm đôi thảo luận nhanh trong 2 phút để kể thêm ít nhất một bốn phận của trẻ em. Có thể để đồng hồ đếm ngược để kích thích tính tích cực học tập

cho HS. Sau đó, GV mời 2 – 3 nhóm đôi trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

5. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo:

Một số bốn phạm cơ bản của trẻ em:

– *Bốn phạm của trẻ em đối với gia đình.*

– *Bốn phạm của trẻ em đối với nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác.*

– *Bốn phạm của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội.*

– *Bốn phạm của trẻ em đối với quê hương, đất nước.*

Lưu ý: GV có thể bổ sung một số bốn phạm khác trong Luật Trẻ em 2016 để cung cấp, mở rộng kiến thức cho HS.

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải thực hiện bốn phạm của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện *Chiếc đồng hồ bị đánh cắp* trong SGK, trang 61.

2. Sau khi HS đọc xong câu chuyện, GV lần lượt đặt từng câu hỏi và mời một số HS trả lời, nhận xét lẫn nhau:

– *Tin đã thực hiện bốn phạm nào của trẻ em? (Gợi ý: Bốn phạm của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội).*

– *Theo em, vì sao cần phải thực hiện bốn phạm của mình?*

3. GV ghi nhận các ý kiến mà HS chia sẻ và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo:

Gợi ý:

Ý nghĩa của việc thực hiện bốn phạm của trẻ em: *Bốn phạm của trẻ em góp phần định hướng cho trẻ em những phẩm chất tốt đẹp trong học tập, lao động, rèn luyện sức khỏe, tu dưỡng đạo đức và có ý thức yêu thương những người xung quanh, ý thức với cộng đồng và ý thức với cuộc sống, xã hội.*

Hoạt động 4: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số biểu hiện của thực hiện bốn phạm của trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phạm của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động nhóm, chia lớp thành 6 – 8 nhóm, giao ngẫu nhiên cho mỗi nhóm quan sát 1 trong 4 bức tranh trong SGK, trang 61, 62.

2. HS thảo luận nhóm theo câu hỏi gợi dẫn: *Các bạn trong tranh thực hiện bốn phạm của trẻ em như thế nào? và phân công bạn thuyết trình.*

3. GV mời các nhóm lần lượt trình bày kết quả. GV đúc kết lại kiến thức.

Gợi ý:

- Tranh 1: Chia sẻ kiến thức về bốn phận của trẻ em.
- Tranh 2: Quyết tâm thực hiện bốn phận của trẻ em.
- Tranh 3: Nhắc bạn thực hiện bốn phận của trẻ em.
- Tranh 4: Cùng bạn thực hiện bốn phận của trẻ em.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang phần Luyện tập:

Em có thể thực hiện bốn phận của trẻ em và nhắc nhở bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em bằng cách:

- Nhận biết bốn phận của trẻ em.
- Quyết tâm thực hiện bốn phận của trẻ em.
- Nhắc nhở bạn thực hiện bốn phận của trẻ em.
- Cùng bạn thực hiện bốn phận của trẻ em.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: HS có thái độ đồng tình với những ý kiến đúng về quyền và tầm quan trọng của việc thực hiện bốn phận của trẻ em; không đồng tình với những ý kiến sai về bốn phận và tầm quan trọng của việc thực hiện bốn phận của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức tổ chức lựa chọn đồng tình/không đồng tình khác tùy điều kiện lớp học.

Gợi ý:

- Ý kiến 1: Trẻ em không được huỷ hoại thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân. (Đồng tình)
- Ý kiến 2: Trẻ em không cần giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường vì đó không phải là bốn phận của mình. (Không đồng tình)
- Ý kiến 3: Trẻ em cần tôn trọng quyền, danh dự, nhân phẩm của người khác. (Đồng tình)
- Ý kiến 4: Trẻ em không được tự ý bỏ học; không rời bỏ gia đình. (Đồng tình)
- Ý kiến 5: Thực hiện bốn phận trẻ em thể hiện lòng tự trọng và trách nhiệm của bản thân. (Đồng tình)
- Ý kiến 6: Người lớn phải tạo điều kiện tối đa để trẻ em thực hiện bốn phận của mình. (Đồng tình)

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình?* hoặc *Vì sao em không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến. GV nhắc lại ý kiến nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho các em.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung ý kiến thường gặp để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình.

4. GV kết luận:

Tuân thủ pháp luật về bốn phận của trẻ em để phát triển và trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Hoạt động 6: Nhận xét việc làm

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi về 4 việc làm trong Hoạt động 2, phần Luyện tập, SGK trang 63 theo câu hỏi: *Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào sau đây? Vì sao?*

2. GV quy định thời gian thảo luận. Sau đó mời 5 – 7 nhóm trình bày, nhận xét các việc làm. Các nhóm còn lại lắng nghe và bổ sung, góp ý để hoàn thiện hơn.

3. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và hướng dẫn HS cách nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em một cách hiệu quả. Nhắc nhở HS rèn luyện thường xuyên.

4. GV kết luận: *Luôn chủ động nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.*

Hoạt động 7: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện bốn phận của trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm (6 – 8 nhóm) dựa theo 2 tình huống trong Hoạt động 3, phần Luyện tập, SGK trang 63. GV yêu cầu các nhóm thảo luận tìm cách xử lý tình huống, sắm vai diễn một đoạn tình huống ngắn để mô tả cách xử lý của nhóm mình.

2. GV quy định thời gian thảo luận và sắm vai theo điều kiện thực tế của lớp học. Sau đó, mời 2 – 3 nhóm sắm vai (nếu có thời gian thì cho tất cả nhóm sắm vai). Các nhóm còn lại quan sát, lắng nghe và nhận xét cho nhóm bạn.

3. GV nhận xét, khen ngợi và hướng dẫn HS điều chỉnh, định hướng thực hiện bốn phận của trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.

VẬN DỤNG

Hoạt động 8: Thực hành

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ, rèn luyện cách thực hiện bốn phận của trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động cá nhân, giao nhiệm vụ cho HS thực hiện theo yêu cầu của

Hoạt động 1 và 2 trong phần Vận dụng, SGK trang 63:

- Chia sẻ với các bạn về việc em đã thực hiện bốn phận của trẻ em.
- Nhắc nhở các bạn cùng xóm/khu phố thực hiện bốn phận của trẻ em.

Với mỗi yêu cầu, HS sẽ ghi chú lại số lần chia sẻ hoặc số lần nhắc nhở, giúp đỡ bạn thực hiện bốn phận của trẻ em. Sau một tuần, HS sẽ báo cáo cho GV về việc thực hiện. GV cũng có thể yêu cầu cha mẹ HS hỗ trợ giám sát, theo dõi HS thực hiện yêu cầu hoạt động này.

2. GV dặn dò và động viên HS thực hiện bốn phận của trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.

Hoạt động 9: Trang trí khẩu hiệu

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ, rèn luyện cách thực hiện bốn phận của trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động nhóm (chia lớp thành 6 – 8 nhóm) và phát cho mỗi nhóm giấy A3 hoặc A0, bút lông, bút màu, ... để tham gia hoạt động theo yêu cầu: *Viết và trang trí một khẩu hiệu tuyên truyền về việc thực hiện bốn phận của trẻ em.*

2. GV hướng dẫn HS thảo luận và chọn câu khẩu hiệu tuyên truyền trước (6 – 8 từ), sau đó viết lên giấy và tiến hành trang trí cho đẹp, bắt mắt.

3. GV quy định thời gian thực hiện. Sau đó mời các nhóm giới thiệu, thuyết trình về sản phẩm của nhóm mình hoặc dán các câu khẩu hiệu quanh lớp và tổ chức cho HS đi quan sát các khẩu hiệu này để khắc sâu kiến thức bài học (áp dụng kĩ thuật *phòng tranh*).

4. GV động viên và nêu cách khen thưởng cho các nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hoạt động 10: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học về bốn phận của trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức. Nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi *Ôn tập cuối bài*, tập trung củng cố lại một số bốn phận cơ bản của trẻ em, tầm quan trọng của việc thực hiện bốn phận của trẻ em, cách thực hiện bốn phận của trẻ em và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.

2. Tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của hai câu thơ:

*Tuổi thơ là nụ là bông
Lớn lên rường cột non sông sau này.*

(Trần Hữu Lộc)

3. Tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau giờ học để lượng giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV có thể sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Hướng dẫn và giải thích cho con hiểu đúng về bốn phạm của trẻ em – những bốn phạm mà các con cần thực hiện.
2. Phân tích và dẫn chứng cho con những trường hợp vi phạm bốn phạm của trẻ em trong cuộc sống và cách xử lí phù hợp.
3. Nhắc nhở con ghi nhớ và thực hiện bốn phạm của trẻ em mọi lúc, mọi nơi để an toàn phát triển.
4. Động viên con nhắc nhở bạn bè thực hiện bốn phạm của trẻ em hoặc khi con thực hiện tốt bốn phạm của trẻ em để tạo động lực phát triển.
5. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.



Chân trời sáng tạo



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 4 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|---|
| 1. TIẾNG VIỆT 4 – TẬP MỘT
Sách giáo viên | 8. TIN HỌC 4
Sách giáo viên |
| 2. TIẾNG VIỆT 4 – TẬP HAI
Sách giáo viên | 9. CÔNG NGHỆ 4
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 4
Sách giáo viên | 10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 4
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 4 Family and Friends
(National Edition) – Teacher's Guide | 11. ÂM NHẠC 4
Sách giáo viên |
| 5. ĐẠO ĐỨC 4
Sách giáo viên | 12. MĨ THUẬT 4 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 6. KHOA HỌC 4
Sách giáo viên | 13. MĨ THUẬT 4 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
Sách giáo viên | 14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| | 15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 2)
Sách giáo viên |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-37358-8



Giá: đ